

THÍCH PHƯỚC THÁI



*Hoa giải thoát phát sanh từ 'Giới' đất
'Tuệ' sáng ngời mặt như khởi vầng mây
Núi Kim Cang kiên 'Định' mặc gió lay
Ngàn muôn thuở bầu trời luôn trong sáng*

Chùa Quang Minh
18 Burke St, Braybrook, Victoria 3019 Australia
Tel: 61 3 9312 5729
Fax: 61 3 9311 0278
Email: thichphuocthai@gmail.com
Website: <http://www.quangminh.org.au>

ISBN 978-0-9945844-2-7

Sa Di Oai Nghi Giản Lược



NHÀ XUẤT BẢN QUANG MINH

Sa Di Oai Nghi Giản Lược

Thành Kính Đảnh Lễ:

- *Thập phương chư Phật chứng minh.*
 - * Nhị vị Tổ sư Liên Trì và Hoằng Tán chứng giám.*
 - * Cố Đại lão Hòa thượng Thượng Hành Hạ Trụ.*
 - * Cố Đại lão Hòa thượng Thượng Phước Hạ Huệ.*
- Ngưỡng bái vọng quý Ngài chứng minh và gia hộ*

Thành kính Tri Ân:

- * Thâm ân các đấng sanh thành giáo dưỡng.*

* Thâm ân chư vị tôn túc Tăng Ni, các bậc Thầy và Thiện hữu tri thức

* Đại Đức Thích Phước Viên và Đại Đức Thích Phước Quảng đã tận tình giúp cho phần kỹ thuật trình bày và in ấn.

* Sư Cô Thích Phước An và Phật tử Lệ Phượng đã chỉnh sửa bản in.

* Quý liên hữu trong hai đạo tràng: Phước Huệ và Quang Minh cùng quý ân nhân Phật tử xa gần đã phát tâm hỷ cúng tịnh tài ấn tống.

Xin tất cả nhận nơi đây lòng tri ân sâu xa và chân thành của soạn giả.

Nguyện đem công đức này hồi hướng cho quý ân nhân cùng pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Lời Đầu Sách

Giới luật là nền tảng căn bản của đạo giải thoát. Người tu theo đạo Phật, dù tu theo bất cứ pháp môn nào, tất cả đều phải lấy giới luật làm đầu. Người tu hành không giữ giới, khác nào như ngựa không có dây cương. Ngựa không dây cương, đó là con ngựa hoang. Cũng thế, người tu hành, nếu không nghiêm trì giới luật, thì dễ buông lung tâm ý, sống bê tha dễ bị sa đọa. Bởi thế, việc học hỏi giới luật là điều tối cần thiết hệ trọng. Đối với các vị Sa di, nhất là những vị còn trẻ tuổi, nếu không học hỏi về những cách thức: "*Khai, Giá, Trì, Phạm*" thì không biết đâu để mà vâng giữ hành trì cho đúng pháp. Mười giới luật của Sa di là căn bản của giới Tỳ kheo và Bồ Tát. Muốn xây dựng một ngôi nhà có nhiều tầng lầu, thì việc đầu tiên là phải xây nền móng cho thật kiên cố vững chắc. Có thế, thì ngôi nhà đó mới đứng vững được. Cũng thế, người xuất gia

muốn tiến lên thọ Đại giới hay Cụ túc giới (Giới Tỳ kheo) thì phải lấy mười giới Sa di này làm căn bản. Thiếu mười giới này giống như xây nhà lầu, thiếu nền móng vững chắc vậy.

Giới luật là nền tảng của Định, Huệ. Người tu muốn được định huệ khai phát, thì phải hành trì giới luật nghiêm minh. Một đoàn thể Tăng già muốn phát triển lớn mạnh, tất nhiên, cũng phải lấy giới luật làm nền tảng xây dựng. Bởi thế trong Tạng Luật có câu: "*Tỳ ni tạng trụ, Phật pháp diệt trụ. Tỳ ni tạng diệt, Phật pháp diệt diệt*". Câu này có nghĩa là: Tạng giới luật còn, thì Phật pháp còn. Tạng giới luật mất, thì Phật pháp cũng mất. Vì giới luật là mạng sống của Phật pháp. Thế nên bước đầu vào đạo, người xuất gia cần phải nỗ lực gia công học hỏi luật nghi cho rành rẽ trong vai trò bốn phận của một người đầu tròn áo vuông đã phát nguyện thế phát theo Thầy. Nhơn Giới mới sanh Định và Nhơn Định mới phát Huệ. Đó là con đường Tam vô lậu học mà bất cứ người tu học Phật nào cũng phải đi qua.

Ngoài phần giới luật ra, người xuất gia còn phải học hỏi phần oai nghi. Sách có câu: "*Có oai khá sợ, có nghi khá kính*". Oai nghi tuy là hình thức bề ngoài, nhưng nó cũng rất quan trọng trong việc hành đạo. Tổ Quy Sơn có dạy: "*Đường đường tăng tướng, diện mạo khả quan*". Đó là nói lên cái tác phong phẩm hạnh đạo đức cao đẹp của người xuất gia cần phải có. Bốn oai nghi: đi, đứng, nằm ngồi, mỗi mỗi đều phải gìn giữ cẩn thận, không được thô tháo vụt chạt, mà mất đi tư cách phong thái của một ông thầy.

Nhằm giúp phần nào cho các vị thọ giới Sa di tập sự ngắn hạn hay thực thụ trọn đời, chúng tôi cố gắng biên soạn tập tài liệu nhỏ này. Khi biên soạn, phần nhiều chúng tôi dựa vào quyển Sa Di Luật Giải của Tổ Châu Hoàng do cố Hòa thượng

thượng Hành hạ Trụ phiên dịch. Chúng tôi chia quyển sách này ra làm hai phần: Phần một, nói về Mười Giới Sa di và phần hai là phần Oai Nghi. Phần Oai Nghi này, về phần chánh văn (âm Hán Việt) và dịch nghĩa văn xuôi, thì chúng tôi hoàn toàn y cứ vào quyển Sa Di Luật Giải nói trên. Tuy nhiên, chúng tôi có thêm vào phần văn vần làm theo thể thơ song thất lục bát khi đọc lên nó có vần điệu để cho người học dễ nhớ. Ngoài ra, chúng tôi có thêm phần: Giải thích từ ngữ, Đại ý và Lược giảng. Vì mỗi Thiên oai nghi, có Thiên khá dài nên chúng tôi tạm phân ra từng bài (nói đúng hơn là phân ra từng đoạn) để cho người học dễ học và dễ nhớ. Riêng phần Lược giảng, chúng tôi cũng vẫn y cứ vào phần Chú giải của Tổ Hoàng Tán mà tóm lược làm ra. Vì xét thấy, phần Chú giải của Tổ Hoàng Tán có những đoạn văn quá dài, so với trình độ học hỏi của những vị Sa di trẻ tuổi thật khó có thể lãnh hội hết được. Do đó, mà chúng tôi không sao chép lại nguyên văn mà chỉ dựa vào đó rồi rút ra những ý chánh hoặc có đôi khi thêm vào một vài ý tưởng của chúng tôi cho phù hợp với căn cơ và hoàn cảnh xã hội hiện tại.

Việc biên soạn này, mục đích chính của chúng tôi là nhắm thẳng vào các vị Sa di trẻ, tuy nhiên, người lớn tuổi học cũng không phải là vô ích. Trong khi biên soạn, dù chúng tôi có cố gắng đến đâu, cũng không sao tránh khỏi những sai lầm thiếu sót. Kính mong các bậc cao minh, cụ nhãn, các bậc Thiện hữu trí thức phủ chính chỉ giáo cho.

Soạn giả xin hết lòng thành kính tri ân đa tạ.

Pháp Lạc Thất

Phật lịch 2560 Dương lịch 2016

Tỳ kheo Thích Phước Thái

I. Ý Nghĩa Xuất Gia Và Sa Di

1. Xuất gia là gì?

Xuất là ra, gia là nhà. Người xuất gia là người ra khỏi nhà. Chữ xuất gia có ba yếu nghĩa:

- a. Xuất thế tục gia.
- b. Xuất phiền não gia.
- c. Xuất Tam giới gia.

a. Thế nào là xuất thế tục gia? Xuất thế tục gia là ra khỏi nhà thế tục. Nghĩa là rời bỏ ngôi nhà mà ta đang ở ngoài đời. Nói rõ hơn là ra khỏi ngôi nhà nhiều chuyện, rối rắm, phức tạp, phiền toái đủ thứ để vào ở trong chùa thanh tịnh tu học, gọi là ra khỏi nhà thế tục.

b. Thế nào là xuất phiền não gia? Người xuất gia là người ra khỏi ngôi nhà phiền não. Đây mới là nghĩa chính yếu thật quan trọng đối với người xuất gia. Dù ta có bỏ ngôi nhà thế tục vào chùa, mà phiền não, nói cụ thể hơn là ba thứ độc tố: "tham, sân si", của ta vẫn còn nguyên vẹn không tiêu trừ, thì việc xuất gia của ta chỉ còn là hình thức ngoại diện mà thôi. Người xuất gia không những khác với người đời trên phương diện hình thức mà còn phải khác ở nơi nội dung tâm niệm nữa. Tổ Quy Sơn dạy: "*Người xuất gia tâm và hình phải khác tục*". Như thế, mới thật đúng với ý nghĩa xuất gia vậy.

c. Thế nào là xuất Tam giới gia? Nghĩa là ra khỏi ba cõi: Dục, sắc và vô sắc. Có ra khỏi phiền não, mới xuất ly ba cõi. Xuất ly ba cõi như thế nào?

1. Ra khỏi cõi dục: Dục nói chung là lòng tham muốn. Lòng khát vọng tham muốn của con người không ngoài ba thứ: "dâm dục, thực dục và ái dục". Đối với ngũ dục, lục trần, con người luôn đắm mình đắm mê không bao giờ thoát ra khỏi. Người xuất gia là phải đoạn dục khử ái. Có đoạn dục khử ái mới thấu rõ nguồn tâm và mới đạt Phật thâm lý.

2. Ra khỏi cõi sắc: Cõi sắc nói chung là những thứ vật chất. Người đời họ đam mê truy lạc vật chất, đối với họ lòng tham vật chất không biết bao nhiêu cho vừa túi tham. Ngược lại, người xuất gia phải thoát ly vật chất, coi vật chất như là ngục tù, quyết lòng không chấp trước đắm nhiễm.

3. Ra khỏi cõi vô sắc: Vô sắc là không có hình thể vật chất. Người đời do lòng mê tín họ gởi tâm hồn của họ vào một đấng thần linh nào đó mà họ chưa hề biết mặt mũi của vị thần linh đó là gì. Thế mà họ vẫn gởi tâm hồn của họ phiêu lưu trong cõi vô hình nào đó, để rồi họ mất hết quyền tự chủ trong cuộc sống. Rơi vào một trạng thái mù mịt tối tăm là đau khổ. Ngược lại, người xuất gia là phải ra khỏi ngôi nhà mê tín huyền hoặc hoang đường này. Luôn giữ tâm hồn thanh tịnh trong sáng. Người xuất gia đúng nghĩa là phải hội đủ ba yếu kiện này.

2. Sa di là gì?

Sa di là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch có 3 nghĩa: "Tức Từ", "Cần sách" và "Cầu tịch".

Tức từ nghĩa là gì? Chữ Tức là dứt, chữ Từ là lành. Nghĩa là dứt ác làm lành. Dứt ác là sao? Nghĩa là dứt trừ những sự đắm nhiễm theo thói hư tật xấu gây tác hại cho mình và cho xã hội. Thí dụ những tệ nạn như: Cờ bạc, rượu chè say sưa, đàn điếm,

hút xách, nghiện ngập xì ke ma túy v.v... Tại sao phải xa lánh những thứ này? Bởi vì những thứ này rất là tai hại, một khi chúng ta bị sức hút lôi cuốn tiêm nhiễm của chúng, thì đời tu của người xuất gia không còn ý nghĩa nữa. Do đó, người tu cần phải tránh xa những thứ này như tránh xa rắn độc, hầm lửa vậy. Đó là nghĩa của chữ "Dứt" (tức).

Còn nghĩa của chữ Từ là sao? Từ là những điều lành, điều tốt, điều phải, điều hay mà ta cần làm. Thí dụ như ta cố gắng học hành, vâng lời thầy hoặc cha mẹ dạy làm theo, hoặc làm những việc lành giúp cho mọi người. Nói chung là ta làm những điều gì đem lại sự lợi ích cho ta và cho người trong hiện tại và mai sau, đó gọi là làm lành (Từ).

Thế nào là cần sách? Cần là siêng năng. Sách nghĩa đen là roi da, nghĩa bóng là tiến tới. Như vậy, cần sách có nghĩa là siêng năng làm những việc lành không bao giờ biết mệt mỏi.

Thế nào gọi là Cầu Tịch? Cầu là mong cầu hay tìm cầu. Tịch là yên tĩnh vắng lặng. Như vậy, cầu tịch là tên khác của Niết bàn. Nghĩa là khi dứt trừ hết phiền não, thì tâm thể được yên tĩnh vắng lặng, đó là nghĩa Cầu tịch hay Niết bàn.

Trên đây là nghĩa giản lược của hai chữ Sa di. Thế nhưng Sa di có mấy bậc?

Sa di có ba bậc:

1. Từ 7 đến 13 tuổi, đây gọi là "***Khu ô Sa di***". Chữ Khu là đuôi, ô là con quạ, tức là Sa di đuôi quạ. Tại sao gọi vị này là Sa di đuôi quạ? Bởi vì tuổi của vị này còn nhỏ không thể làm những việc nặng nhọc hay lớn lao được. Chỉ làm những việc

lặt vặt như: giữ vườn, đuổi chim quạ, sắp xếp bò đoàn chỗ ngồi thiền, dọn dẹp, lau quét nhà, phòng ốc v.v...

2. Từ 14 đến 19 tuổi, đây gọi là "*Sa di ینگ pháp*". Lý do tại sao? Bởi vì tuổi này có thể làm được hai việc: Thờ thầy và tu tập thiền định hay thuyết pháp.

3. Từ 30 đến 70 tuổi, đây gọi là "*Sa di danh tự*". Tại sao? Vì tuổi đủ 20 đáng lẽ thọ giới "Cụ túc". nhưng vì căn tánh và trình độ chậm lụt, hoặc lớn tuổi mới xuất gia không thể giữ nổi các giới, tuy tuổi đáng bậc Tỳ kheo, nhưng địa vị chỉ Sa di thôi, nên gọi là Sa di Danh tự (chỉ có tên gọi mà thực chất không có). Tuy có chia ra ba bậc như thế, nhưng bậc nào cũng phải vâng giữ 10 giới nên gọi chung là "đồng một pháp Sa di".

Giới luật là gì?

Giới là ngăn ngừa những hành vi xấu ác, xuất phát từ ba nghiệp: thân, khẩu, ý.

Luật là quy định những điều luật thưởng phạt phân minh, khi có những hành vi phạm giới. Sự thưởng phạt này, tùy theo đương sự giữ đúng giới cấm hoặc phạm giới nặng hay nhẹ mà thưởng phạt cho đích đáng.

Thế nào là Khai, Giá, Trì, Phạm?

Khai là mở ra. Giá là ngăn lại. Trì là gìn giữ. Phạm là phạm. Trong mười giới sa di thì giới nào khai và giới nào giá?

Trong mười giới Sa di có 4 giới khai và giá. Bốn giới đó là gì?

1. Giới thứ tư là giới không nói dối. Khai trong trường hợp nào? Khai trong trường hợp cứu người, cứu vật. Sau khi khai xong rồi phải ngăn (giá) lại. Nếu còn tiếp tục nói dối... là phạm.

2. Giới thứ năm là giới không uống rượu. Giới này khai trong trường hợp nào? Được cho phép trong trường hợp bệnh nặng, thầy thuốc bảo cần phải dùng đến thuốc rượu để chữa trị bệnh. Như thế, thì mới được uống, nhưng khi uống phải tác bạch cho trong chúng biết rồi sau đó mới được uống. Khi bệnh lành rồi không được dùng tiếp. Nếu uống tiếp tục thì phạm.

3. Giới thứ chín là giới không ăn phi thời, tức giới ăn không phải giờ. Tại sao giới này được khai? Bởi người thời nay thân thể yếu đuối hay sanh bệnh hoạn, nên chư Tổ tạm khai cho người xuất gia ăn chiều, nhưng khi ăn phải sanh lòng hổ thẹn.

4. Giới thứ mười là giới không giữ vàng bạc. Tại sao giới này cho khai? Bởi ngày nay theo mỗi quốc độ có khác. Người xuất gia cần phải có chút ít phương tiện tiền bạc để đi xe qua lại, nhưng phải coi đó như là lấy vật đổi vật không được sanh vọng tâm tham đắm.

Tánh giới là sự ngăn ngừa trong tâm niệm. Đại thừa đặt nặng ở nơi tánh giới. Ngược lại, Tiểu thừa đặt nặng ở nơi tướng giới.

Tại sao Đại thừa đặt nặng ở nơi tánh giới? Bởi Đại thừa không chấp nệ vào những chi ly tiểu tiết. Vì những người này thật hành theo hạnh Bồ tát, với một tâm lượng vị tha rộng lớn. Về tánh giới trường hợp nào phạm và trường hợp nào không phạm? Trường hợp phạm là như đứng trước một cô gái đẹp mà khởi niệm tà dâm thương yêu, thì đó là phạm. Mặc dù

chưa chạm đến thân hình của cô gái. Trường hợp không phạm là vì tâm niệm cứu người. Thí dụ như cô gái đẹp không biết bơi lội lỡ té xuống sông, ta nhảy xuống nắm tay hoặc ôm cô gái đó cứu vớt lên bờ. Như vậy, không phạm, vì tâm niệm ta lúc đó chỉ nghĩ đến việc cứu người không thôi, chớ không có ý tà tâm. Ngược lại, cũng hành động này, theo giới luật của Tiểu thừa thì phạm.

Câu Hỏi:

1. Xuất gia là gì? Và xuất gia như thế nào mới đúng ý nghĩa?
2. Sa di là gì? Sa di có mấy bậc? Hãy kể rõ ra.
3. Thế nào là khai, giá, trì, phạm? Sự khác biệt giữa tánh giới và tướng giới như thế nào?

II. Mười Giới Sa Di

Giới thứ nhất: Không sát sanh hại vật.

Lược giải

Sát là giết. Sanh là những loài có tình thức mạng sống. Trên từ chư Phật dưới đến các loài côn trùng nhỏ nhất, là Sa di ta không nên giết hại. Sự giết người hại vật có nhiều cách, nhưng cách nào cũng phạm tội sát sanh cả. Những cách đó như thế nào? Có 3 cách:

- Hoặc tự tay mình giết.
- Hoặc xúi giục sai khiến người khác giết.
- Hoặc thấy người khác giết, mình thích thú a dua theo.

Trong Luật Thập Giới Phật dạy: "Sau khi lãnh thọ giới Sa di mà phạm giới này, coi như là phạm trọng tội, không còn xứng đáng là Sa di nữa".

Người xuất gia phải có lòng từ bi thương người, thương vật, phải cứu giúp chúng, khi thấy chúng đói khát kêu la. Lẽ ra ta phải hết lòng thương xót cứu giúp chúng cho chúng được sống còn không hết, chớ ta nở lòng nào mà ra tay sát hại chúng nó! Lược nước, che đèn, đó là việc làm tuy nhỏ nhặt, nhưng đã nói lên cái tấm lòng từ bi của người xuất gia thật cao cả.

Người xuất gia phải làm gương cho người đời. Người đời vì họ sống trong mê mờ dục vọng, nên họ không sợ nhân quả báo ứng. Vì thế, nên họ mới cố tâm sát hại sinh vật ăn cho béo bổ, nhưng họ quên rằng:

*"Ngỡ rằng ngon miệng béo thân
Nào ngờ oan nghiệt xoay vần trả vay".*

Ngược lại, người xuất gia cần phải ý thức luật nhân quả trả vay mà không nên ra tay giết hại. Từ mạng sống con người cho đến mạng sống của muôn loài chúng sinh. Đó là ta tôn trọng mạng sống đúng theo lẽ công bằng. Ta biết tôn quý bảo vệ sinh mạng ta, thì tại sao ta lại nhẫn tâm chà đạp sát hại mạng sống của những kẻ khác và loài khác? Điều gì mình không muốn thì chớ nên làm cho kẻ khác, loài khác phải chịu đau khổ. Nếu ta sát hại chúng sinh, thì đời sau phải chịu quả báo oán thù và thọ mạng ngắn ngủi. Nghĩ thế mà ta nên ban rải lòng từ bi khắp hết muôn loài vạn vật. Cho nên. là Sa di ta cương quyết không sát hại sinh vật vậy.

Tóm lại, chủ yếu của giới không sát hại sinh vật này là Phật cấm người phật tử không được giết hại con người, vì mạng sống của con người so với các loài sinh vật khác thì nó cao quý hơn. Từ đó, ta mở rộng lòng từ bi thương yêu quý trọng đến các loài sinh vật thấp kém khác, vì tất cả đều có mạng sống và quý tiếc mạng sống như nhau.

*Giới thứ nhất không được sát sanh
Những loài có mạng chớ đành giết nhau
Trên từ Phật Thánh ân cao
Dưới loài nhỏ nhút cả bao côn trùng
Hoặc mình giết hại không dung
Bảo người thấy giết lòng cùng vui ưa
Sát sanh tội ác không vừa
Mấy điều ghi nhớ răn chừa chớ quên
Phải nên lược nước che đên
Cứu loài trùng kiến dưỡng quen tánh lành
Tội lần giảm, phước lần sanh
Trông về nẻo đạo Giác thành đâu xa
Rừng Thiên đạo hạnh bao la
Làm gương từ tế ấy là thiện căn.*

Câu Hỏi:

1. Tại sao Phật dạy Sa di không giết hại sinh vật?
2. Giết hại sinh vật phải thọ quả báo như thế nào?
3. Giết loài nào mang trọng tội lớn nhất?

Giới thứ hai: Không Được Gian Tham Trộm Cắp.

Lược giải

Tài vật thuộc của người, người ta không cho mà mình tìm cách lén lấy đều gọi là trộm cắp. Vật lớn quý như vàng bạc, cho đến vật thường nhỏ như cây kim, ngọn cỏ, người ta không cho mình không được phép lấy. Hành vi trộm cắp là một tội xấu. Tài vật của mình, mình biết quý trọng, tại sao mình lại lấy của người? Là Sa di tu hạnh xuất thế, ta không nên trộm cắp những tài vật của: Thường trụ, Tín thí, Tăng chúng, cho đến của quan, dân, nói chung là của tất cả mọi người. Người ta không cho, mình giựt lấy ngang gọi là ăn cướp, lén lấy gọi là ăn cắp. Đào tường, khoét vách, cạy cửa, bẻ khóa xâm nhập vào nhà người để lấy đồ thì gọi đó là ăn trộm. Thậm chí trốn thuế, hoặc gian dối vé đi các loại xe, tàu lửa v.v... đều là thái độ của kẻ gian dối lường gạt cả. Khi mất một món đồ quý giá mà mình ưa thích, thì mình buồn khổ như thế nào, người khác khi bị mất họ cũng mèn tiếc đau khổ như thế ấy. Suy bụng ta ra bụng người. Vì lẽ công bằng ta phải nên tôn trọng bảo vệ tài vật của nhau. Do đó, ta ý thức cương quyết không lấy bất kỳ đồ vật của ai khi mà người ta không cho phép.

Kinh chép: "một thầy Sa di trộm của Thường trụ 7 trái cây, một thầy Sa di thứ hai trộm chúng Tăng vài cái bánh, thầy Sa di thứ ba trộm chút đường phèn của chúng Tăng, cả ba chết rồi đều đọa địa ngục". Cho nên trong Kinh nói: "thà chịu chặt tay, chớ lấy của phi tài". Là Sa di ta phải hết lòng thận trọng giữ gìn giới thứ hai không được trộm cắp này.

*Giới thứ hai không nên trộm cắp
Vật của người xây đắp mồ hôi
Hành vi trộm cắp thật tội
Của mình quý trọng của người thì chôm
Kẻ trộm cắp rình dòm để ý
Để hở ra một tí lấy liền
Vật quý vàng bạc, cây kim*

*Cũng đều có chủ phải tìm hỏi qua
Vật Thường trụ thật là trọng tội
Trộm chúng Tăng càng tội nặng hơn
Sa di ta chớ khinh lờn
Giữ gìn trong sạch chánh chơn trong lòng*

Câu Hỏi:

1. Sự khác biệt giữa những chữ: trộm, cắp, cướp, giựt như thế nào?
2. Tại sao trộm của Thường trụ và của chúng Tăng phạm tội nặng?
3. Quả báo của sự trộm cắp như thế nào?

Giới thứ ba: Không Đặng Dâm Dục

Lược Giải

Nam nữ giao hợp với nhau gọi rằng dâm. Người tại gia giữ năm giới, Phật cấm không được tà dâm. Ngược lại, đối với người xuất gia với chí hướng xuất thế ra khỏi sanh tử, nên Phật cấm không được dâm dục. Trong Luật Phật dạy: "Sa di thọ mười giới, phải dứt hẳn dâm dục, vì dâm dục là cái nhân gây ra sanh tử luân hồi".

Trong Kinh Lăng Nghiêm có nêu ra sự tích của Tỳ kheo ni tên là Bửu Liên Hương, riêng tư hành dâm dục, rồi tự biện hộ rằng: "Dâm dục không phải như sát sanh, như ăn trộm, nên không có tội báo. Nói xong, bà tự cảm thấy trong thân lửa dục bốc lên dữ dội, thân còn sống mà đã sa vào địa ngục".

Người đời vì không chế ngự được lòng tham dâm, nên hậu quả gây ra biết bao đau thương tang tóc cho mình và cho tha

nhân. Như có lắm kẻ nam nữ, nhưt là các thanh thiếu niên hiện nay mang nhiều chứng bệnh nan y, cũng chỉ vì ham vui truy lạc tham dâm quá độ. Hoặc vì sự sống ham tiền mà phải lao mình vào trong nghề nghiệp mãi dâm. Kẻ mua dâm và người bán dâm, kết quả là mang tẩm thân tàn ma dại. Để cảnh tỉnh người đời, Phật nói bài kệ:

*"Dâm là hạnh bất tịnh
Mê lầm mất đạo chánh
Hình gầy hồn phách sợ
Giảm thọ và chết non
Mắc tội ngu, dại, ngốc
Chết đọa trong đường ác
Ta vì sợ quá sợ
Bỏ nhà thích núi non"*

Kinh Thập Giới nói: "Tuy dâm lung mà sống, song chẳng bằng trong sạch mà chết".

Nhìn vào hiện trạng của một thế giới truy lạc, sa đọa của đại đa số thanh niên nam nữ ngày nay, những vị trẻ xuất gia ở chùa, thì đây quả là một đại phúc duyên. Bởi do nhiều đời có gieo trồng chủng nhân Phật pháp sâu dày, nên nay các vị mới sớm gặp được Phật pháp tu hành học hạnh xuất thế. Đã được duyên lành như thế, thì ta phải nên cố gắng gìn giữ giới luật Phật dạy. Chớ nên xem thường tạo tội mà sau này phải thọ khổ. Khi biết ăn năn hối hận, thì đã muộn màng lắm rồi! Thật đáng thương tiếc lắm thay! Nghĩ thế, là sa di ta phải nên hết sức cẩn trọng mà răn chừa vậy.

*Giới thứ ba cấm tà dâm dục
Lỗi đạo hằng địa ngục trần gian
Lắm người thống khổ khóc than*

*Bởi do trụy lạc bệnh mang đời tàn!
Muốn thoát khổ bình an hạnh phúc
Lánh xa đường dâm dục hại thân
Nổi trôi sanh tử bao lần
Sông mê biển ái mây tần dây oan
Bửu Liên Hương dâm loạn khổ lụy
Lửa dục tình sa trụy A tỳ
Đều do dục ái mê si
Hiện đời quả báo khó thì an thân
Là Sa di tránh nhân khỏi quả
Phạm hạnh gìn khỏi họa vào thân
Giữ lòng trong sạch sáng ngần
Trọn đời giải thoát muôn phần an vui.*

Câu Hỏi:

1. Tại sao Phật cấm người xuất gia phải đoạn dâm dục?
2. Tại sao bà Tỳ kheo ni Bửu Liên Hương tự hành dâm dục mà hiện đời phải đọa địa ngục?
3. Dâm dục và tà dâm khác nhau như thế nào?

Giới thứ tư: Chặng Đặng Nói Vọng

Lược Giải

Thế nào là nói vọng? Tâm nghĩ một nơi, miệng nói một ngã, trái nhau thì gọi là vọng ngữ. Nói vọng có 4 cách:

1. Nói dối hay nói láo: lấy phải làm quấy, lấy quấy làm phải, thấy nói chẳng thấy; chẳng thấy nói thấy, luông dối chẳng thiệt v.v...

2. Ý ngữ: lời nói trau chuốt. Nghĩa là dùng lời ngon tiếng ngọt đường mật rót vào tai người nghe, xúi giục người ta nghe theo lời nói du dương tán tỉnh của mình. Đây là thứ giọng nói mang ý đồ không tốt.

3. Ác khẩu: lời nói hung dữ như: trù, rủa, chửi, mắng ...nghĩa là dùng những thứ ngôn ngữ dao búa nặng nề để khinh miệt mạ nhục người.

4. Lưỡng thiệt: hai lưỡi. Nghĩa là tới đây nói kia, tới kia nói đây, xúi giục người ta chia lìa, kình chống nhau tạo thành hận thù ghê gớm. Đây là loại ngôn ngữ ly gián, đòn sóc hai đầu, đâm bị thóc, thọc bị gạo, gây cho hai đảng chia lìa sứt mẻ với nhau. Thật là ác độc.

Ngoài 4 cách này ra, kẻ nói dối còn dùng lời nói phỉnh gạt, nói xấu sau lưng, hoặc trước mặt nói phải, sau lưng nói quấy. Nghĩa là lời nói của họ luôn tráo trở, lật lọng, ton hót, tăng bốc, dua nịnh, hoặc đâm sau lưng chiến sĩ. Còn một cách đại vọng ngôn là chưa chứng nói chứng, tội này rất nặng, gọi là đại vọng ngữ. Nếu nói dối, vì cứu người cứu vật thoát chết thì không tội.

Người xưa nói: "Hạnh tốt của con người, điều cốt yếu trước tiên là chẳng nói vọng. Đối với người tu học đạo xuất thế, nếu còn sử dụng ngôn từ dù bất cứ cách nào nhằm lợi mình hại người đều là không xứng đáng hàng Thích tử".

Kinh chép sự tích: Một Sa di khinh cười một thầy Tỳ kheo già đọc kinh tiếng như chó sủa, mà Tỳ kheo già đó lại là bực A la hán. Như đó, Ngài dạy ông Sa di phải mau sám hối. Tuy ông Sa di khỏi đọa địa ngục, nhưng phải đọa làm thân chó trải qua nhiều đời. Than ôi! Một lời nói dữ mắc phải quả báo dường

ấy! Cho nên trong Kinh nói: "*Luận kẻ ở đời như búa ở trong miệng, sở dĩ chém mình là do lời nói ác*". Là Sa di đâu nên nói những lời vô ý thức như thế mà rước họa hại vào thân. Khi phát ngôn ta phải nên xét kỹ và cương quyết nói những lời ái ngữ tốt đẹp lợi mình và lợi người vậy. Dù bỏ thân mạng ta quyết không nói dối.

*Tội thứ tư vọng ngôn dối trá
Lợi cho mình thiên hạ hại thân
Vẽ duyên thù dật xa gần
Muôn điều rối rắm, trăm phần đảo điên
Khi mở miệng trước tiên phải xét
Nói lời lành hay dữ miệng ra
Tránh xa lương thiệt đó mà
Hai bên đâm thọc thật là ác nhân
Kẻ nói dối xa gần đều biết
Mất lòng tin kẻ xiết là bao
Dù cho nói thật thế nào
Người ta biết mặt có tin bao giờ
Lời nói ra như tờ giấy trắng
Thốt lời lành chẳng mắng nhiếc ai
Dù cho ngậm đắng nuốt cay
Nói lời chân thật chẳng thay đổi lòng*

Câu Hỏi:

1. Nói vọng gồm có mấy cách? Xin kể ra và giải thích.
2. Hậu quả của việc nói vọng ra sao?
3. Người không nói vọng sẽ như thế nào?

Giới thứ năm: Không Được Uống Rượu

Lược Giải

Rượu, nói chung có nhiều loại. Cường độ nặng nhẹ tùy theo phẩm chất của mỗi thứ. Nhưng thứ nào người ta uống vào quá lượng cũng đều gây ra tai hại say sưa cả. Xét kỹ, bản chất của rượu không phải là hại. Nếu bản chất nó là hại, thì tại sao khi bệnh người ta lại dùng nó? Như vậy, hại là do con người sử dụng nó quá lượng. Cũng như nha phiến và cần sa, bản chất của chúng không phải là hại. Nếu hại, thì tại sao người ta dùng nó để bào chế thuốc cho con người uống để trị bệnh? Tóm lại, mọi vật trên đời này, tự thể của chúng, không có thứ gì là hại cả, mà hại hay không là do ở nơi con người biết hay không biết cách sử dụng chúng mà thôi. Lý do tại sao Phật cấm người Phật tử tại gia hay xuất gia đều không được uống rượu? Bởi vì, Phật biết rất rõ về tập khí hay nghiệp lực của con người. Con người vốn dĩ đã chứa đầy tham, sân, si. Nên khi gần gũi những thứ này, tất nhiên là dễ bị tiêm nhiễm và tạo thành thói quen lắm. Một khi đã bị nô lệ cho chúng rồi, thì hậu quả tai hại sẽ không lường được. Lòng tham lam của con người không có giới hạn. Khi đã lún sâu vào sự nghiện ngập rồi, muốn rút chân ra hay dừng lại thì thật không phải dễ dàng. Chi bằng tránh "nhân" thì không có "quả". Ta nên nhớ và nằm lòng câu: "Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả". Bởi thế, nếu ai không muốn có hậu quả tai hại chuốc họa vào thân, thì càng tránh xa chúng chừng nào càng tốt chừng ấy.

Về cách thức chế tạo những thứ rượu, trong Luật Sa Di có nêu ra, là ngày xưa ở Ấn Độ người ta lấy thứ "Cam giá" (cây mía) hoặc "Bồ đào" (trái nho) và trăm thứ "Hoa" đều đặt làm rượu. Ngược lại ở Trung Hoa, người ta dùng những chất gạo, nếp để kháp thành rượu. Dĩ nhiên là họ bỏ chất "men" vào. Bởi có chất men, nên người ta uống vào quá lượng thì làm cho các hệ thần kinh không còn hoạt động bình thường nữa. Do

đó, nên người ta mất hết tự chủ, không còn kềm chế như lúc bình thường được. Từ đó, sẽ gây ra nhiều tai hại cho mình và người. Đó là chưa nói đến những bệnh trạng rất nguy hiểm, do con người uống rượu quá nhiều. Tuy nhiên, rượu cũng có những tác dụng ngược lại như trên đã nói. Đó là trường hợp người ta dùng nó để trị bệnh, theo sự hướng dẫn của thầy thuốc. Nhưng trước khi uống phải trình bạch cho mọi người biết, dù xuất gia hay tại gia cũng thế. Như vậy, thì không phạm. Bằng không, thì một giọt nhỏ cũng không được thấm vào môi.

Ngoài ra, trong Luật, Phật cấm rất nghiêm ngặt: không được ngửi rượu và cũng không được vào shop bán rượu. Tự mình không uống đành rồi, nhưng tuyệt đối không được mời hay ép người khác uống. Hành động này, tội còn nặng hơn là mình uống.

Là người xuất gia tu học đạo xuất thế, lấy trí huệ làm sự nghiệp, ta cương quyết dù một giọt nhỏ cũng không thấm vào môi. Vì ta biết tai hại của rượu không những mất trí huệ hiện đời, mà còn mất đi hạt giống trí huệ về sau nữa. Mong sao tất cả chúng ta đều phải ý thức mà răn chừa!

*"Tội thứ năm, say sưa chè rượu
Lỗi giới điều cho tửu nhập tâm
Thêm lòng ham muốn tham lam
Càng thâm chất chứa càng làm mê say
Bệnh sân giận ai tà chuyên chữa
Nôi nóng lên như lửa cháy rừng
Si mê đâu biết tỏ tường
Gây nên đau khổ ai lường được đâu".
Mất trí huệ nghiệp sâu khó dứt
Bệnh hiểm nghèo đau nhức tim gan*

*Nuốt sầu hoạn họa khóc than
Nhân đà không tránh quả ngàn phải mang.
Người có trí phải toan xa lánh
Chát men say như tránh bệnh cùi
Phút giây vì bạn dễ duôi
Suốt đời khổ lụy lui cui phận mình.*

Câu hỏi:

1. Rượu hay những chất ma túy, có phải hoàn toàn do chúng gây ra tác hại cho con người thọ khổ hay không?
2. Hãy cho biết một vài trường hợp, khi con người sử dụng những thứ này quá chén hay quá liều lượng?
3. Uống rượu say sưa, hậu quả của hiện đời và đời sau như thế nào?

Giới thứ sáu: Chặng đặng đeo tràng hoa hương và chặng lấy hương thoa mình.

Lược Giải

Lối trang sức của người phụ nữ Ấn Độ thời xưa là họ lấy hoa xỏ râu làm tràng, để trang sức trên đầu. Ngược lại, ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam lối trang sức có khác. Ở Trung Hoa thời xưa, người ta dùng các thứ: lụa, nhung, vàng, ngọc... chế làm các loại như: mũ, khăn, hoặc những đồ đeo cổ, đeo tay v.v...

Ngoài những trang sức bằng các loại nói trên, người ta còn dùng những loại mỹ phẩm hương thơm như: trầm hương, đàn hương, xạ hương, long não hương v.v... để xoa ướp vào mình. Ngày nay, người ta làm ra nhiều loại nước hoa thơm hay son

phấn... để thoa xức, trang điểm, mục đích là để che đậy sự thật những chất hôi nhơ trong người.

Đối với người xuất gia, nhứt là phái nữ, Phật cấm tuyệt việc trang sức này. Ngay cả ba y của các vị Tỳ Kheo, ngày xưa, Phật chỉ cho dùng đến các loại bố gai to thưa, không dùng các loại vải bằng lông thú hay tầm v.v.. Vì Phật cho đó là làm tổn hại đến lòng lành, chẳng phải người xuất gia dùng đến.

Trong Luật Phật dạy: trừ người tuổi đến 70 già yếu quá đỗi, không lựa chảnh ấm, hoặc mặc thì được, còn bao nhiêu người khác không phải thế, không được mặc. Qua lời Phật dạy đây, xét ra, người xuất gia thời nay ăn mặc quá dư thừa. Đôi khi còn sanh vọng tâm tham đắm. Ngẫm lại, thật là hổ thẹn!

Các vị vua chúa thời xưa, có lòng nhân từ đức hạnh, họ ăn mặc cũng rất là thô sơ giản dị. Như vua “Võ” nhà “Hạ” mặc áo xấu. Ông Công Tôn đắp mền vải. Sang nhứt như “Vua” “Tôi” đáng sắm mà không sắm. Trong Luật nêu ra những vị này như thế, nhằm khuyên nhắc người xuất gia chúng ta không nên tham mặc lòe loẹt, xinh đẹp, nên mặc đồ hoại sắc che thân hình, càng đơn giản sạch sẽ là tốt lắm rồi. Như thế, mới phải là người xuất gia mặc áo nâu sòng. Xưa Ngài Huệ Hưu pháp sư suốt ba mươi năm chỉ mang một đôi giày. Ngài Tả Khê tôn giả một y thất điều hơn 40 năm, một ni sư đàn trọn đời chẳng đổi. Xem đó thì đủ biết đức hạnh của người xưa, đối với việc ăn mặc, các Ngài rất đơn giản và cẩn trọng. Gương xưa như thế, xét lại mình thì sao?

*Giới thứ sáu: Luật nêu phục sức
Người xuất gia thể thức điểm trang
Chớ nên lòe loẹt làm sang
Thoa hương ướp phấn điểm trang giống đời.*

*Vải thô xấu tùy thời mà đắp
Sống giản đơn tu tập lòng từ
Không nên cất chứa để dư
Sanh tâm đắm trước in như người đời
Gương đức hạnh người xưa ghi nhớ
Lời Phật răn nhắc nhở khắc sâu
Tam thường bất tức chẳng cầu
Gội tâm nuôi đức là câu nằm lòng.*

Câu hỏi:

1. Tại sao Phật cấm người xuất gia không được trang sức?
2. Tam thường bất tức là gì?
3. Tại sao người xuất gia cần phải có một nếp sống đơn giản?

Giới thứ bảy: Không được ca múa hát xướng và cũng không được cố đi xem nghe.

Lược Giải

Ca múa hát xướng là những loại dễ gây ra rối loạn lòng người. Nếu mình làm thì lại càng buông lung tâm ý. Dễ đưa đến một nếp sống phóng túng và gây ra nhiều tội lỗi. Hơn nữa, những nơi này là những chỗ hý trường dạ hội gây nên cảnh ồn ào náo nhiệt. Người xuất gia cần phải có nơi yên tĩnh để dưỡng tâm nuôi đức. Do đó, những nơi này không thích hợp cho người xuất gia đến xem.

Trong Luật Sa Di có nêu ra: xưa có một vị Tiên nhơn nghe tiếng hát thánh thót của một kỹ nữ, ông liền mất thần túc. Xem nghe còn tai hại đến thế, huống nữa là mình làm.

Có người lại thắc mắc và viện dẫn trong Kinh Pháp Hoa có câu: “Tỳ Bà náo bạt”, họ cho đó là Phật cho người xuất gia

học nghề âm nhạc. Họ đâu biết rằng, Kinh Pháp Hoa nói: "Âm nhạc là đẽ cụng đường các đức Phật, chớ không phải là đẽ mua vui". Rồi trong Luật dạy tiếp: "Những chùa làm đám đạo tràng Phật sự của nhơn gian họa may làm được. Nay ta vì đường sanh tử, bỏ tục xuất gia, đâu nên chẳng tu việc chánh mà học nghề âm nhạc cho hay". Tuy nhiên, ngày nay người ta chế ra nhiều bản nhạc đạo, với mục đích là mượn lời ca tiếng hát để thức nhắc con người nhớ đến cội nguồn tâm linh, giữ gìn phẩm hạnh đạo đức cao đẹp của con người. Điều này không những người đời đã ca hát mà ngay cả ở chư Tăng Ni ở trong các chùa thỉnh thoảng cũng có ca hát. Có vị còn ca hát trong lúc giảng pháp. Đây cũng là một phương cách nghệ thuật truyền đạt tư tưởng đạo lý trong sáng qua con đường nghệ thuật. Xét ra, cũng không có gì quá đáng hay tội lỗi cả. Tuy nhiên, ta không nên lợi dụng con đường nghệ thuật này mà vượt quá phạm vi giới hạn của một người tu thì không nên.

Ngoài ra, người xuất gia cũng không được chơi đánh cờ "dây", cờ "lục bát", đánh "đầu trích, "xu bồ" v..v..

Tóm lại, người xuất gia nhưt là đối với các chú Sa Di tuổi đời còn trẻ, dễ bị đắm nhiễm theo âm nhạc qua những lời ca giọng hát tình tứ nỉ non, làm cho tâm hồn luôn bán loạn mất hết sự yên tâm tu học. Thế nên, Phật dạy người xuất gia tu hạnh xuất thế, cần phải xa lánh những thứ này:

*Giới thứ bảy: không nên ca hát
Dễ buông lung biếng nhác học tu
Tiếng đờn giọng hát như ru
Lòng người say đắm bỏ tu đạo mầu.
Người xuất gia mong cầu xuất thế
Phải tuân hành Phật chế noi theo*

*Chủng nhân hiện tánh hằng gieo
Giữ lòng thanh tịnh chớ theo dòng đời
Gìn đạo tâm sáng ngời Phật trí
Dẹp não phiền Phật lý suốt thông
An nhàn giải thoát thong dong
Hoằng truyền chánh pháp “Chơn Không” độ đời.*

Câu hỏi:

1. Tại sao Phật cấm người xuất gia không được tự mình ca hát và cố đi xem nghe? Tác dụng của âm nhạc như thế nào?
2. Tại sao dùng âm nhạc để cúng dường chư Phật? Như vậy có mâu thuẫn hay không?
3. Tai hại của việc nghe những bản nhạc tình tứ du dương như thế nào?

Giới thứ tám: Không được ngồi giường cao rộng lớn.

Lược Giải

Phật dạy: người xuất gia, khi làm giường phải làm giường bằng những loại thô sơ như bằng dây hoặc cây và chiều cao không được quá 8 ngón tay của Phật. Nếu vượt quá, thời phạm. Như thế, thì các loại giường cao quý sang trọng, ta không được dùng đến. Thậm chí đến như các loại giường sơn vẽ, chạm trổ hoặc các thứ màn nệm, bằng lụa, cũng không được dùng.

Trong Luật nêu ra lời khuyên: “người xưa dùng cỏ làm đồ ngồi, đêm thì nằm dưới gốc cây. Nay ta có giường chõng cũng đã hơn xưa rồi, sao muốn cao rộng buông lung vác huyền?” Sau khi nêu ra lời khuyên răn nhắc đó, liền nêu ra hai vị cao Tăng để chứng minh: hai vị cao Tăng đó là ngài Hiếp Tôn Giả

và Cao Phong Diệu. Ngài Hiệp tôn giả cả đời không đặt lưng xuống chiếu. Tổ Cao Phong Diệu Thiền Sư, nguyện đứng ba năm chẳng nương giường chõng. Ngược lại, Ngài Ngô Đạt, vì thọ chút “tòa trầm hương” mà phải bị tôn phước mắc quả báo. Thật là đáng sợ!

Người xưa nói: tài bất đãi tuế. Nghĩa là luận về tài năng của con người không luận về tuổi tác. Đời Đường Ngài Tri Huyền Pháp Sư tuổi mới 14 là một chú Sa Di mà đã lão thông Tam học (Giới, Định, Huệ). Ngài 5 tuổi làm thi được và 14 tuổi giảng kinh Niết Bàn. Ông Lý Thương Ẩn tặng cho Ngài một bài thi:

*Sa di mười bốn tuổi giảng kinh
Tuổi cỡ như ông chỉ mang bình
Sa di nói pháp Sa môn thánh
Chẳng nghĩ tuổi cao trọng tánh linh.*

Qua những điều Phật, Tổ dạy trên, so với người xuất gia thời nay, chúng ta nằm nệm ấm, mền êm, như vậy có phạm không?

Điều này, theo thiên nhiên của chúng tôi, thì Luật Phật chế còn tùy theo mỗi thời đại và mỗi nơi có khác. Bây giờ, chúng ta không nằm giường cao và cũng không rộng. Tuy nhiên, nó không phải là giường dây hay cây như thời Phật hay thời của Tổ Vân Khê. Chúng ta sử dụng bằng nệm. Vì khí hậu ở mỗi nơi mỗi khác, như ở xứ Úc này mùa đông thì rất lạnh, nên cần phải có nệm và mền ấm. Ngược lại, ở Ấn Độ và Trung Hoa khí hậu khác xa ở đây. Do đó, phải tùy theo xứ sở thời tiết mà linh động. Như thế, theo tôi, thì không có lỗi gì cả. Có lỗi hay không là do chúng ta có khởi tâm tham đắm hay không? Ngoài ra, tất cả đều là phương tiện. Chỉ có thế thôi. Nhưng dù sao, so với chư Tổ thời xưa, ta cũng rất lấy làm hổ thẹn. Vì

đức hạnh của quý Ngài sáng ngời cao tốt. Ta cần nên noi gương và bắt chước được phần nào tốt phần này.

*Giới thứ tám: không nằm giường tốt
Không quá cao tám ngón Như Lai
Chẳng rộng cũng chẳng quá dài
Thô sơ giản dị hằng ngày nghỉ ngơi
Hạnh xuất gia khác đời sang trọng
Không đua đòi ước vọng cao xa
Màn nhung, chạm trổ, lụa là
Cao sang lộng lẫy trái mà người tu
Đắm mê nhiễm ngục tù thọ khổ
Noi gương xưa Phật, Tổ tu hành
Trọn đời xa lánh lợi danh
An bản thủ đạo tranh giành mặc ai.
Hiếp Tôn Giả ngày ngày chẳng ngủ
Ngài Cao Phong đứng đủ ba năm
Đêm ngày chẳng ngủ chẳng nằm
Một lòng vì Đạo tiếng tăm muôn đời.*

Câu hỏi:

1. Tại sao Phật không cho người xuất gia nằm giường cao tốt rộng lớn?
2. Hiện tại ta nằm giường bằng nệm, như vậy có chống trái phạm luật Phật dạy hay không?
3. Ý nghĩa bài kệ khuyên ta điều gì?

Giới thứ chín: Không ăn phi thời.

Lược giải

“Phi thời là gì? Quá giờ Ngọ, chẳng phải là giờ của người xuất gia ăn. Tại sao? Bởi sớm mai chừ Thiên ăn. Giờ Ngọ Phật ăn. Sau giờ Ngọ loài súc sanh ăn và tối là Dạ quỷ ăn. Người xuất gia học hạnh xuất thế theo Phật, nên quá Ngọ không ăn”. Thế nhưng, tại sao bây giờ chúng ta lại ăn chiều? Có khi còn ăn tối nữa? Như vậy có phạm luật không? Đúng luật là đã phạm rồi. Tuy nhiên, sở dĩ có buổi ăn chiều là vì chừ Tổ xét thấy người thời nay, cơ thể yếu đuối hay sanh bệnh hoạn, nên chừ Tổ tạm chế cho ăn, nhưng khi ăn phải sanh lòng hổ thẹn. Cho nên trong năm phép quán tưởng, điều thứ tư có nói: “chính là vị thuốc hay để chữa lành bệnh khô gầy”. Đã thế, khi ăn chẳng những ta không chút sanh tâm hổ thẹn mà còn tham đắm món ăn, hoặc nói chuyện tạp nhạp trong lúc đang ăn, xét kỹ, thì thật là xấu hổ và phạm lỗi rất nặng. Ta cố gắng cẩn thận gìn giữ đừng cho phạm lỗi này.

Trong Luật còn nêu ra: “Loài Dạ quỷ nghe tiếng chén bát, thời trong cổ nổi lửa; cho nên ăn giờ Ngọ, còn phải vắng lặng, huống quá giờ Ngọ ư?”

Luật dạy tiếp: “xưa có một vị Cao Tăng, nghe ông thầy gần liêu, sau giờ Ngọ cổ nổi lửa, thoát vậy sa nước mắt thương Phật pháp rất suy tàn”.

Đã ăn của giờ Dạ quỷ ăn, thời gọi là ăn lén. Vì thế, khi ăn phải giữ gìn cẩn thận đừng cho khua đũa bát mà loài quỷ đói thèm thông ngóng cổ đòi ăn, chúng sẽ bị đứt cổ họng. Vì thương xót chúng, nên Tổ dạy khi đang ăn phải giữ gìn yên lặng là như vậy. Bằng trái lại, ta đã mất lòng từ đối với chúng. Thật là có lỗi.

Ngày xưa, một vị Cao Tăng nghe ông thầy gần bên sau giờ Ngọ cổ nổi lửa, mà ngài còn khóc than thương cho Phật pháp suy

tàn. Giả như, nếu ngài sống ở thời đại chúng ta, không biết ngài thương cảm xót xa đến bực nào! Chắc là ngài không chịu nổi phải nhập diệt sớm!

Tóm lại, ta nên ý thức rằng, ăn phi thời là trái với lời Phật dạy. Tuy nhiên, vì thương người thời nay hay sanh ra bệnh hoạn, nên Tổ mới tạm khai cho ta ăn. Bởi ăn để ta có thêm sức khỏe mà tu học hành trì. Vì thế, trong khi ăn ta nên luôn giữ chánh niệm. Tuyệt đối không được chuyện trò hoặc khoa đầu bát lớn tiếng. Mọi người nên ăn trong yên lặng và phải tự răn nhắc hổ thẹn với chính mình!

*Giới thứ chín: cấm ăn trái phép
Quá giờ chẳng phép được ăn
Xuất gia tu học làm Tăng
Nói theo chư Phật phải ăn đúng thời.
Cho ăn chiều là lời Tổ chế
Người thời nay thân thể nhược suy
Tạm dùng, biết trái luật nghi
Khi ăn hô thẹn hành vi nhẹ nhàng
Loài Ngạ quỷ trăm đàng đói khát
Nghe tiếng khoa đầu bát tìm ăn
Cổ bằng sợi chỉ dài nhằng
Bụng bằng cái trống đứt phăng dễ dàng
Hạnh xuất thế ngập tràn bi mãn
Thương chúng sanh **cơ cảnh** thềm thường
Nỡ nào nhìn cảnh lệ tuông
Rên la thảm thiết sầu buồn không vui.
Ta có phước rạng ngời Tăng tướng
Sống an nhàn tăng trưởng đạo tâm
Khô đau một phút mê lầm
Sân si tạo nghiệp ngàn năm khổ sâu.*

Câu hỏi:

1. Tại sao Phật không cho người xuất gia ăn phi thời?
2. Người xuất gia khi thọ thực buổi chiều phải làm gì cho đúng phép Tô dạy?
3. Tạo nghiệp nhân gì phải đọa vào loài Nga qui?

Giới thứ mười: Không được cầm giữ vàng bạc châu báu.

Lược giải

Vàng bạc, ngọc ngà, châu báu, nói chung là những thứ mà người đời luôn đau khổ vì nó. Ai cũng ham thích muốn chiếm hữu cho mình thật nhiều. Tham không được thì nổi sân. Vì thế, nơn loại gây ra biết bao cảnh tang thương khổ lụy, chém giết nhau cũng chỉ vì những thứ vật quý này. Dù rằng, bản thân của những thứ này không phải là bảo vật. Tại vì vọng chấp của con người đặt định cho chúng như thế. Con người gán cho nó là vật quý báu, thế rồi cũng chính con người tranh giành nhau chiếm hữu. Từ đó, mới gây ra cảnh chiến tranh tang tóc. Phật nói đó là vô minh. Quả con người làm khổ cho con người, chớ không ai khác hơn!

Đối với người xuất gia, phải thoát ra ngoài vòng quỹ đạo tham chấp này. Thế nên, chính đức Phật đã từ bỏ những thứ này. Ngài và các hàng đệ tử không một ai cầm giữ tích trữ những thứ này. Suốt cuộc đời đức Phật chỉ đi xin ăn từng nhà. Đến các hàng đệ tử xuất gia của Ngài cũng thế. Tất cả đều nhờ Đản na tín thí ngoại hộ. Sống cuộc đời giản đơn như thế, mới thực sự là giải thoát. Phàm cất chứa bất cứ một thứ gì, hễ có tài sản là có sự lo lắng và đau khổ.

Trong Luật Sa Di có đoạn nêu ra: “xưa có người cuốc đất
đặng vàng chẳng đoái, huông Thích tử xung nghèo chứa của
làm chi?”

Người đời nay, chẳng hay đều đi khát thực. Hoặc vào chốn
“Tòng lâm” hoặc ở nơi “am viện”, hoặc ra phương xa, cũng
chưa khỏi hao phí việc tiền bạc. Cố nhiên như vậy, nhưng
phải biết trái lời Phật dạy, sanh tâm rất hổ thẹn, thương người
nghèo ngặt, thường làm bố thí. Không lo tìm, không chứa đê,
không buôn bán và không dùng bảy báu, trang nghiêm y phục,
khí cụ các vật v.v... họa may còn tạm được”.

Đoạn văn trên, chúng tôi trích nguyên văn bản dịch của Hòa
Thượng Hành Trụ trang 159, để chúng ta thấy rằng, đây là
những điều Tổ Vân Thê tạm khai cho. Vì Tổ là người biên
soạn ra quyển Luật Sa Di Yếu Giải, mà trong phần đầu giới
thiệu, chúng tôi có nêu ra. Ngài cho rằng, đối với thời đại của
Ngài cũng như sau này, thì người xuất gia được phép cất chứa
chút đỉnh để đi xe qua lại, nhưng nên coi đây là lấy vật đổi
vật, tuyệt đối không được sanh vọng tâm tham đắm. Ngẫm kỹ
lại, lời Tổ dạy thì thật là chí tình chí thiết, nhưng bây giờ
chúng ta đã làm trái ngược. Thử hỏi có mấy ai giữ đúng lời
dạy này?

*Giới thứ mười: không cầm vàng bạc
Người xuất gia phải thoát ngoài vòng
Bao nhiêu khổ lụy ước mong
Người đời chiếm đoạt đầy lòng tham lam.
Cả thế giới giam cầm ngục tối
Bởi vô minh không lối thoát ra
Chỉ vì chấp ngã mà ra
Gây nên thảm cảnh tham mà giết nhau.
Tham vật báu đào sâu thù hận*

*Cùng tranh giành lận đận lao đao
Ngàn xưa mãi đến ngàn sau
Hễ còn “Tam Độc” máu đào lệ tuôn.
Hạnh xuất thế noi gương Phật Tổ
Chứa bạc tiền chỉ khổ tâm thân
Bạc tiền gắn chặt tham sân
Được thua còn mất trăm phần khổ tâm.
Người tu Phật dứt làm mê chấp
Chứa của tiền tô đắp lòng tham
Làm sao giải thoát an nhàn
Uông đời tu học muôn ngàn khổ đau.*

Câu hỏi:

- 1, Lý do nào Phật cấm người xuất gia không được giữ vàng bạc?
2. Trong mười giới mấy giới thuộc về tánh tội và mấy giới thuộc về ngăn tội?
3. Tại sao Phật nói vàng bạc là con rắn độc?

Phần Hai Hai Mươi Bốn Phép Tắc Oai Nghi

Đệ Nhứt Kính Đại Sa Môn

Chánh văn

Bất đắc oán đại sa môn tự. Bất đắc đạo thính ‘Đại Sa môn thuyết giới. Bất đắc chuyển hành, thuyết “Đại Sa môn quá. Bất đắc tọa kiến Đại Sa môn quá bất khởi, trừ đọa

**Kinh thời, bệnh thời, thể phát thời, tác chúng sự thời.
Hành Hộ vân: “Ngũ hạ dĩ thượng, tức Xà Lê vị, thập hạ dĩ
thượng, tức Hòa Thượng vị, tuy Tỳ Kheo sự, Sa di đương
dự tri chi.**

Chương 1 Kính Bậc Đại Sa Môn

Dịch Nghĩa

Không đặng kêu tên và pháp danh bậc Đại sa môn. Chẳng đặng lén nghe bậc Đại sa môn nói Đại giới. Chẳng đặng đi chuyện nói lỗi bậc Đại sa môn. Chẳng đặng ngồi thấy bậc Đại sa môn đi qua chẳng đứng dậy. Trừ có năm điều không đứng dậy thì không lỗi:

1. Khi đọc tụng Kinh điển.
2. Khi bệnh nằm trên giường.
3. Khi đang cạo tóc.
4. Khi đang ăn cơm.
5. Khi đang làm việc trong chúng.

Bộ Hành Hộ nói: “Năm hạ sắp lên, tức vị Xà Lê, mười hạ sắp lên tức vị Hòa thượng. Tuy việc của thầy Tỳ Kheo nhưng Sa di cũng nên dự biết.

*Làm Sa di cần nên xét biết
Những oai nghi phép tắc thờ thầy
Thứ nhất kính bậc đức thầy
Sa môn phạm hạnh bậc thầy đạo cao.
Nên cung kính khi nào thưa gọi
Không được kêu tên hỏi số sàng
Nói năng lễ phép đàng hoàng
Không nên vô lễ làm càng bất tuân.*

*Thầy tụng giới cũng đừng nghe lén
Hoặc rủ nhau rón rén đến gần
Khi nào có việc thầy cần
Thầy kêu, thầy gọi dạ vâng đến liền.
Thầy quá bước phải liền đứng dậy
Trừ năm điều không dậy được cho
Đọc Kinh, cạo tóc, bệnh ho,
Ăn cơm, làm việc khỏi lo lỗi lầm.
Tuổi Hạ Lạp hằng năm phải biết
Dù Sa di đặc biệt biết qua
Xà Lê năm hạ đó mà
Hòa thượng mười hạ mới là xứng danh.*

Giải thích từ ngữ

Sa Môn: Tiếng Phạm gọi Sa môn, Trung Hoa gọi là Càn lao. Nghĩa là bậc tu hành siêng năng tinh tấn và công phu dày dặn. Nói bậc Đại Sa Môn là chỉ cho những bậc đã thọ giới Tỳ Kheo, tức cụ túc giới đó vậy.

Hạ Lạp: Tuổi Hạ. Sau khi thọ giới Tỳ kheo, mỗi năm phải nhập hạ tính từ ngày 16 tháng tư âm lịch cho đến ngày 16 tháng bảy âm lịch, thì được một tuổi. Như vậy, người xuất gia thọ đại giới lấy việc nhập hạ mà tính tuổi nhiều ít, chớ không tính tuổi theo thói thường ngoài đời.

Hòa thượng: Tiếng Phạm là: Ô Ba Đà Na, dịch là Thân Giáo Sư.

Tiếng nước Hồ gọi là Hòa thượng, Trung Hoa gọi là Lục sanh. Sao gọi là Lục sanh? Là bậc thầy có đủ giới đức mẫu mực để cho ta nương tựa học hỏi để nuôi lớn Pháp thân huệ mạng, gọi là Hòa thượng.

A xà lê: Tiếng Phạn: A già lị da, Trung Hoa dịch là Quĩ phạm sư. Quĩ phạm sư là ông thầy dạy phép tắc cho các hàng đệ tử. A xà lê có 5 nghĩa: 1. Truyền cho mình 10 giới. 2. Truyền Đại giới cho mình. 3. Dạy bảo cho mình. 4. Cho mình y chỉ. 5. Dạy Kinh cho mình.

Đại ý

Đoạn văn này dạy cho những vị Sa di biết cách cung kính, xưng hô đối với các bậc Sa môn và cho biết những phép tắc oai nghi, hạnh kiểm của một vị Sa di cần phải có và luôn ứng dụng thật hành.

Lược giảng

Đối với những bậc Tôn Túc, là Sa di ta phải hết lòng cung kính các ngài. Vì các ngài là những người dạy dỗ ta, ta cần có đủ oai nghi lễ độ của một người vào chùa học đạo. Những lễ nghi, phép tắc cung kính nói trên, ta cần phải lưu tâm học hỏi mà hành trì cho đúng pháp. Tại sao ta không được kêu tên và pháp danh của bậc Đại Sa môn? Vì tôn trọng giới đức của các ngài. Đây là dạy cho ta biết cách xưng hô cho đúng lễ nghi. Nếu kêu gọi một bậc trưởng thượng mà ta kêu gọi một cách sỗ sàng hay khinh dễ, thì đó là điều ta vô cùng thất lễ. Vì vậy, ta phải xưng hô một cách lễ độ và trịnh trọng.

Tại sao không được lên nghe các bậc Đại Sa môn tụng giới khi Bố tát? Vì có hai lý do chính yếu sau đây:

1. Rình lên nghe, mắc tội nặng, sau không được thọ Đại giới.
2. Khi biết được giới luật của các ngài, rồi bàn luận việc thị phi của các ngài, mà tự mình phải chuốc lấy tội lỗi, làm mất đi chánh niệm.

Tại sao không được đi rao bày nói lỗi các ngài? Bởi có nhiều lý do gây ra tổn đức cho chính mình và tổn hại cho đạo pháp.

1. Bản thân mình chuốc lấy tội lỗi

2. Phơi bày lỗi quấy của các ngài, người thế gian biết được họ sẽ mất tín tâm ở nơi ngôi Tam Bảo. Và đạo tâm họ bị thổi tắt, bản thân họ có lỗi mà mình là người có lỗi trước tiên, vì chính mình gây ra điều đó.

Khi ta ngồi chơi, có vị Sa môn đi ngang qua, ta phải đứng dậy, lý do là để biểu lộ lòng cung kính đối với bậc thầy mà ta luôn luôn kính trọng. Trừ có năm điều không đứng dậy, thì không phạm lỗi, như trên đã nêu ra.

Tóm lại, trong bài học thứ nhứt này mục đích là nói lên sự cung kính của một vị Sa di đối với bậc Đại sa môn là người đã thọ Đại giới, tất nhiên, là người có giới đức hơn ta rất nhiều. Do đó, ta phải hết lòng cung kính và học hỏi ở nơi các ngài. Ta cũng không nên nói những điều xấu dở của các ngài mà ta sẽ bị mang tội.

Câu hỏi:

1. Sa di là gì? Và Sa di có mấy bậc? Xin giải thích rõ ra.
2. Phải cung kính bậc Đại sa môn như thế nào?
3. Hạ Lạp là gì? Và tại sao Phật dạy chư tăng phải an cư kiết hạ vào mùa mưa?

**Đệ Nhị
Sự Sư**

Chánh văn

Đương tảo khởi. Dục nhập hộ đương tiên tam đờn chỉ. Nhược hữu quá, “Hòa Thượng”, “A Xà Lê”, giáo giới chỉ, bất đắc hoàn nghịch ngữ. Thị “Hòa Thượng”, “A Xà Lê”, đương như thị Phật. Nhược sử xuất bất tịnh khí, bất đắc thóa, bất đắc nộ nhuế. Nhược lễ bái, sư tọa thiền, bất ưng tác lễ; sư kinh hành, bất ưng tác lễ; sư thực, sư thuyết Kinh, sư số xỉ, sư tháo dục, sư mạnh tức, đặng, câu bất ưng tác lễ; sư bế hộ, bất ưng hộ ngoại tác lễ, ưng đờn chỉ tam biên, sư bất ứng ưng khứ. Trì sư ẩm thực, giai đương lưỡng thủ bồng, thực tất liễm khí đương từ từ.

Chương 2 Phép Thờ Thầy

Dịch Nghĩa

Phải dậy sớm. Muốn vào cửa, trước phải khảy móng tay ba lần. Bằng có lỗi, thầy “Hòa thượng”, thầy “A xà lê”, dạy răn đó, chẳng đặng nói trả lại. Coi thầy “Hòa thượng”, và thầy “A xà lê”, cũng như coi Phật vậy. Hoặc thầy sai đồ đồ bất tịnh, chẳng đặng khạc nhổ, chẳng đặng giận hờn. Hoặc lễ bái, thầy ngồi thiền, chẳng nên làm lễ, thầy đi kinh hành chẳng nên làm lễ. Thầy ăn cơm, thầy nói Kinh, thầy xĩa răng, thầy tắm rửa và thầy ngủ nghỉ v.v... đều không nên làm lễ. Thầy đóng cửa không nên làm lễ ngoài cửa. Muốn vào cửa làm lễ, phải khảy móng tay ba lần, thầy chẳng đáp nên lui. Dem đồ ăn cho thầy đều phải bung hai tay. Ăn xong, dọn đồ phải sể sể.

*Là Sa di ta cần phải nhớ
Điều thứ hai phép tắc thờ thầy*

*Siêng năng dậy sớm hầu thầy
Xem thầy có bảo ta đây giúp liền.
Muốn vào cửa trước tiên phải gõ
Cho thầy hay rồi mới bước vào
Thưa trình tự sự trước sau
Nếu mà có lỗi phải mau sửa liền,
Lời thầy dạy bên kiên ghi nhớ
Khắc vào lòng khác tợ nam châm
Hầu thầy sớm tối bao năm
Không nên chệnh mảng thành tâm phụng thờ.
Thầy sai đồ đồ dơ bất tịnh
Phải vui lòng cải lệnh không nên
Cũng đừng góm nhỏ trên nên
Tứ đại dơ bẩn có bên sạch đâu.
Khi làm lễ đứng hầu phải lúc
Thầy kinh hành hoặc lúc ăn cơm
Hầu thầy túc trực sớm hôm
Ngủ nghỉ ăn uống luôn dòm để tâm.*

Giải thích từ ngữ

Đồ bất tịnh: Đồ đại tiện, đồ tiểu tiện, và các thứ như bản nhóp nhúa khác, như ống nhổ v.v..

Ngồi thiền: Ngồi theo tư thế bán già hoặc kiết già. Ngồi thiền là nhiếp tâm an trụ vào một cảnh cho tâm được chánh định.

Đại ý:

Đoạn này dạy ta về cách thức hầu thầy mọi việc cần phải cẩn thận, chu đáo, và luôn luôn siêng năng làm mọi việc khi thầy cần sai bảo.

Lược giảng

Về phép thờ thầy, tại sao phải dậy sớm?

Vì trong Phật pháp một đêm chia làm ba thời: đầu hôm, giữa đêm và buổi khuya. Gọi là: thời đầu, thời giữa và thời sau. Hầu thầy ở thời đầu và thời sau. Nghĩa là ở hai thời này, thầy tụng kinh hoặc lễ Phật, ta cần có mặt để thầy có cần sai bảo. Chỉ nên ngủ nghỉ ở thời giữa đêm mà thôi. Thời xưa thờ thầy là như thế. Thời nay, việc hầu thầy không đến nỗi gắt gao như thời xưa, tùy theo tâm cảnh mỗi thời mà có khác.

Tại sao khi vào phòng thầy phải gõ cửa?

Nói theo ngày nay, thì đây là phép rất lịch sự. Ngày xưa gọi là khảy móng tay, ngày nay ta có thể nói là gõ cửa (knock at the door) nhẹ vừa đủ nghe mà thôi, không nên gõ lớn tiếng, gây tiếng ồn khó chịu cho thầy và những người chung quanh. Ngoài cửa phòng thầy ra, khi ta muốn vào bất cứ phòng nào của ai, kể cả phòng vệ sinh, ta cũng đều phải gõ cửa nhẹ nhàng trước khi vào. Bao giờ bên trong có người đáp lại cho phép ta mới được vào. Bằng không thì phải thôi lui.

Khi có lỗi, hai thầy Hòa thượng và A xà lê răn dạy quở trách, ta nên lắng nghe và vâng lời, chớ không được nói đu đưa trả treo lại mà phạm lỗi bất kính. Ta nên coi hai vị này như Phật hiện tiền luôn thức nhắc ta để ta thăng tiến trên đường đạo. Vì thế ta phải hết lòng kính trọng phụng hành.

Khi thầy hữu sự như: ngồi thiền, kinh hành, thuyết pháp v.v... ta không nên làm lễ hoặc thưa hỏi bất cứ điều gì. Muốn lễ bái hay có việc cần thưa hỏi, phải đợi lúc thầy rảnh rang, mới nên thưa hỏi.

Khi đem đồ ăn uống cho thầy, hoặc tất cả những việc dâng khác, ta cũng phải kính trọng mà dâng hai tay và phải trình trọng nhẹ nhàng, không được vụt chặc thô tháo.

Câu hỏi

1. Khi ta muốn vào phòng thầy, trước phải làm sao?
2. Tại sao ta phải kính trọng hai thầy, Hòa thượng và A xà lê như là kính trọng Phật?
3. Ta phải có thái độ như thế nào khi thầy sai ta đồ đồ bất tịnh?

Sư Sư (*tương tục*)

Chánh văn

Thị sư, bất đắc đối diện lập, bất đắc cao xú lập, bất đắc thái viễn lập, đương linh sư tiểu ngữ đắc văn, bất phí tôn lực. Nhược thính vấn Phật pháp nhưn duyên đương chỉnh y lễ bái, hiệp chưởng hồ qui. Sư hữu ngữ, trừng tâm đề thính, tư duy thâm nhập. Nhược vấn gia thường sự, bất tu bái qui, đã đoan lập sư trắc, cứ thiết thân bạch.

Sư nhược thân tâm quyện, giáo khứ ưng khứ, bất đắc tâm tình bất hỷ, hiện ư nhan sắc. Phạm hữu phạm giới đẳng sự, bất đắc phú tàng, tốc nghệ sư ai khát sám hối, sư hứa, tắc tận tình phát lồ, tinh thành hối cải, huờn đắc thanh tịnh. Sư ngữ vị liễu, bất đắc ngữ. Bất đắc hí tọa sư tòa, cập ngọa sư sàng, trước sư y mạo đẳng.

Phép Thờ Thầy (*tiếp theo*)

Dịch Nghĩa

Hầu thầy, chẳng đặng đứng trước mặt, chẳng đặng đứng chỗ cao, chẳng đặng đứng xa lắm, để thầy nói nhỏ nghe đặng khỏi hao sức thầy. Bằng thưa hỏi câu chuyện Phật pháp, phải sửa y lễ bái, quì gối, chấp tay. Thầy có dạy, chăm lòng nghe kỹ, nhớ in sâu vào óc. Bằng hỏi việc thường trong chùa, chẳng buộc lạy quì, chỉ đứng vững bên thầy, cứ thật trình thưa. Bằng thầy thân tâm mỗi mệt, dạy lui, phải lui chẳng nên tâm tình chẳng vui hiện bày sắc mặt. Phạm có phạm giới các việc chẳng đặng che giấu, mau tới thầy cầu xin sám hối. Thầy cho thì hết lòng tỏ bày tình thành hối cải, lại đặng thanh tịnh. Thầy nói chưa rồi, ta chẳng đặng nói. Chẳng đặng ngồi chơi chỗ thầy cùng mặc áo mảo của thầy.

*Khi hầu thầy chẳng nên đứng trước
Cũng không nên đứng lướt trên cao
Chẳng đặng xa lắm cách nhau
Gần thầy nói nhỏ khỏi hao sức thầy.
Bằng thưa hỏi với thầy Phật pháp
Phải sửa y lễ bái chấp tay
Khi thầy giảng dạy điều hay
Phải nên ghi tạc nhớ dai để lòng,
Bằng thưa hỏi trong chùa các việc
Chỉ đứng bên cứ thiệt thưa ngay
Hỏi qua công việc thường ngày
Nếu thầy mỗi mệt chấp tay xá lui.
Chẳng để lộ không vui trên mặt
Nếu phạm điều nhỏ nhặt giới răn
Phải mau sám hối ăn năn
Không nên che giấu dối ngăn cùng thầy,
Khi thầy nói trình bày các việc
Ta không nên cắt tuyệt lời thầy*

*Hoặc ngồi vào chỗ của thầy
Cùng là mặc áo của thầy không nên.*

Giải thích từ ngữ

Phật pháp: Giáo pháp của Phật dạy để mọi người noi theo đó mà tu hành chóng thành quả Phật.

Thân tâm: Thân chỉ cho phần thể xác của con người. Tâm chỉ cho phần hiểu biết của con người. Kết hợp hai phần này lại, thì gọi là thân tâm.

Tâm tình: Tình cảm hiện khởi trong tâm thức. Những thứ tình cảm như là: Mừng, giận, thương, sợ, buồn, ghét, muốn, luôn luôn hiện khởi trong tâm thức của con người, nhà Phật gọi chúng là Thất tình. Những thứ này luôn xáo trộn và làm che ngấn chân tánh.

Sám hối: Ăn năn lỗi trước và chừa bỏ lỗi sau.

Đại ý

Đoạn này nhằm khuyến nhắc người hầu thầy cần phải để ý các việc thường nhật của thầy và cố gắng siêng năng giữ gìn cẩn thận mọi hành vi, cử chỉ, việc làm của mình để cho mọi việc thầy được vui lòng.

Lược giảng

Hầu thầy là một trọng trách và nghĩa cử rất đẹp của Sa di. Vì vậy trong mọi cử chỉ, lời nói, việc làm, ta phải luôn luôn cẩn trọng. Khi đứng hầu thầy, ta phải để ý đến vị trí đứng của mình. Phải đứng gần bên thầy, để phòng khi thầy có việc cần

sai bảo. Nếu đứng cách xa thầy quá, khi thầy cần, thầy phải kêu gọi lớn tiếng, đó là làm tổn hao sức khỏe của thầy. Khi đứng bên thầy, tuyệt đối không được có những hành động như là: cười giỡn, xoay mình nhìn ngó lung tung....mất đi tư cách oai nghi nghiêm chỉnh.

Khi thưa hỏi Phật pháp, vì trọng pháp, nên cần phải hết lòng cung kính. Sự cung kính đó, được biểu lộ qua hình thức lễ nghi của người thưa hỏi. Là sa di, nhứt là người hầu thầy, ta cần nên lưu ý điểm này. Vì khao khát muốn nghe giáo pháp của Phật nên thưa hỏi. Trong khi thầy giảng dạy, ta phải hết lòng chăm chú lắng nghe. Phải tập trung tâm ý nghe thầy nói. Có thể, thì ta mới lãnh hội được phần nào những gì mà thầy đã nói. Nghe, nhớ, hiểu và thật hành. Như vậy, mới là thực sự lợi ích cho mình.

Muốn thưa hỏi những công việc thường nhật trong chùa, ta không cần phải giữ đủ lễ nghi như khi thưa hỏi Phật pháp. Chỉ đứng nghiêm trang bên thầy cứ thật trình bày các việc. Khi thưa hỏi, thấy thầy không khỏe, thầy bảo lui, thì lui, không nên tỏ thái độ khó chịu bực mình hay hờn giận.

Phàm khi phạm giới cấm, phải thật lòng bày tỏ cùng thầy để cầu xin sám hối. Tuyệt đối không được che giấu, càng che giấu càng tăng thêm tội nặng. Khi sám hối, thầy có cảnh cáo khuyên dạy, phải hết lòng ghi nhớ, không được dùng lời biện bạch chối quanh làm thầy buồn. Phải thành thật ăn năn cải hối, nguyện trước thầy không được tái phạm.

Khi thưa chuyện cùng thầy, phải lắng nghe khi thầy đang nói. Thầy nói chưa xong, không được cắt ngang hoặc xen vào lời nói của thầy. Vì như thế, mất sự tôn kính và mất đi sự tôn ti trật tự. Nơi chỗ của thầy thường ngồi, ta không được tự tiện

ngồi vào chỗ của thầy. Thí dụ: cái ghế của thầy thường ngồi tiếp khách hoặc ăn cơm chẳng hạn. Cũng không nên lấy áo hoặc mũ của thầy mặc vào. Như thế là mất đi sự tôn kính.

Câu hỏi:

1. Hầu thầy phải đứng như thế nào mới đúng?
2. Khi thưa hỏi Phật pháp, thầy giảng dạy, thái độ ta phải làm sao?
3. Khi phạm lỗi lầm, phải phát lồ sám hối, vậy ý nghĩa sám hối là gì?

Sự Sư (tương tục)

Chánh văn

Vị sư trì đạt thơ tín, bất đắc tự tự sách khán, diệc bất đắc dĩ nhưn khán. Đáo bỉ hữu vấn, ưng đáp tất thiết đối. Bất ưng đáp tắc thiện từ khước chi, bỉ lưu bất đắc tiện trụ, đương nhứt tâm tư sư vọng qui.

Sư đối tân, hoặc lập thường xứ hoặc ư sư trác, hoặc ư sư hậu, tất sử nhĩ mục tương tiếp, hầu sư sở tu. Sư tật bệnh, nhứt nhứt dụng tâm điều trị, phòng thất bị nhục, dục nhĩ chúc tự đẳng. Trì y, thọ lý, tẩy cán, hồng sai đẳng, cụ ư Luật trung, tư bất phiền lục .

Phép thờ thầy (tiếp theo)

Dịch Nghĩa

Thầy dạy đem thơ tín, chớ đặng riêng mình mở ra coi, cũng chẳng đặng cho người coi. Đến kia có hỏi, đáng trả lời, thời cứ thật tình thưa. Không đáng trả lời, thời khéo lời từ chối lui đi. Người có cầm thì mình không được ở lại, phải một lòng nhớ thầy trông về. Thầy nói chuyện với khách, ta đứng chỗ thường hoặc bên thầy, hoặc đứng sau thầy, phải cho tay mắt tiếp nhau, hầu để thầy khi cần dùng.

Thầy có tật bệnh, mọi việc phải hết lòng nuôi dưỡng, phòng nhà, mền nệm, thuốc thang, cơm cháo các việc điều trị.

Cầm y, trao giầy, giặt rửa hong phơi, các việc đủ như trong Đại Luật, đây chẳng chép nhiều.

*Khi thầy dạy đem thơ người khác
Chẳng riêng mình mở toạc ra coi
Hoặc cho người khác xem coi
Cả hai đều tránh lỗi thời mới không
Nếu người hỏi thật lòng đối đáp
Thấy không cần chẳng hạp thời lui
Nhớ thầy trông đợi khôn nguôi
Phải nên từ tạ xá lui trở về.
Thấy khách đến một bề thưa hỏi
Đứng bên thầy chẳng nệ khó khăn
Khi thầy tiếp chuyện nói năng
Phải nên để ý thầy rằng gọi tên
Khi thầy yếu nằm trên giường bệnh
Phải chăm lo sinh mệnh của thầy
Thuốc thang cơm cháo rước thầy
Để lo trị liệu cho thầy mau qua
Cầm y giặt phơi mà cho kỹ
Khi sửa y tử mĩ trông coi
Việc làm tươm tất xong rồi*

Những đồ vật dụng hong phơi lấy vào.

Giải thích từ ngữ:

Thơ tín : Tin tức thơ từ (News letter). Ngày xưa đưa thư từ bằng tay, không như ngày nay gửi thư bằng bưu điện.

Khách: Những người có hữu sự hoặc vì tham quan chiêm bái...mà đến chùa nên gọi họ là khách. Khách có hai hạng: khách Tăng và khách cư sĩ.

Tai mắt tiếp nhau: Tai mắt là hai cơ quan nhạy bén nhất. Khi hầu Thầy, hai cơ quan này phải luôn luôn để ý nhìn và nghe Thầy sai bảo, hoặc Thầy nói bằng lời, hoặc Thầy dùng tay ra dấu, mà làm theo đúng như ý của Thầy.

Hong phơi: Phơi đồ ngoài nắng cho đồ mau khô.

Đại ý

Khi Thầy sai bảo đưa thư cho ai thì ta không được mở ra xem và cho người xem. Khi thầy tiếp khách phải để ý để thầy có sai bảo và khi thầy bệnh phải hết lòng chăm sóc cơm cháo thuốc thang. Phải để ý sửa y phơi đồ cẩn thận.

Lược giảng

Tại sao khi đem thư cho người không được mở ra xem? Có nhiều lý do:

1. Mất phép lịch sự
2. Tiết lộ sự bí mật của người
3. Thất kính và mất niềm tin nơi người đưa thư nhờ mình

4. Cần phải tôn trọng đời tư của người khác
5. Điều này muôn đời vẫn hợp thời.

Khi đến đưa thư cho người, ta phải thận trọng chú ý: Nếu người hỏi ta điều gì, xét thấy ngoài phạm vi hiểu biết của ta, thì ta nên khéo lời tìm cách thôi lui. Tránh đi những lỗi lầm mà người ta cố tình khai thác những chuyện riêng tư, nếu ta nói lỡ lời thì rất là có hại cho ta và cho thầy ta. Do đó, ta cần phải khôn khéo linh động mà xử sự cho hợp lẽ.

Ngày nay việc đưa thư tín như thời xưa thì chắc ít có, ngoài việc gửi bằng bưu điện ra, phần nhiều người ta chỉ sử dụng email để gửi hoặc nhắn tin (messages). Đây là những tín hiệu gửi đi người nhận rất nhanh. Thời đại khoa học điện tử các loại máy móc rất tinh vi tiện lợi cho việc giao dịch qua lại hằng ngày. Tuy nhiên, nó là con dao hai lưỡi, có lợi mà cũng có hại. Đối với các chú Sa di trẻ tuổi khi sử dụng máy computer (điện toán), cần phải được sự bảo hộ giám sát của những bậc sư huynh lớn tuổi. Những vị này có nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng máy điện toán . Ta không được tự ý riêng sử dụng máy một mình. Vì trong máy điện toán có nhiều vùng "cấm địa" rất nguy hiểm, có tác hại lớn, ta không nên vào trong đó.

Người hầu thầy phải chú ý, trong khi thầy tiếp chuyện với khách, dù khách tăng hay tục cũng vậy. Trường hợp này, mọi việc đều tùy theo lời dạy bảo của thầy. Có những chuyện thầy muốn nói riêng với khách thì ta không được lén nghe. Vì lúc này, thầy không cần ta có mặt để sai khiến. Nhưng cũng không được đi cách quá xa, phòng khi thầy cần gọi đến. Điều quan trọng là khi thấy khách đến muốn gặp thầy thì ta phải cung kính lễ độ chào hỏi khách đàng hoàng. Đây là biểu lộ cái cung cách của người tu đối với mọi người.

Khi thầy có bệnh cần sai bảo điều gì, ta phải hết lòng lo lắng chăm sóc cho thầy, từ cơm ăn nước uống cho đến mọi việc khác. Quan trọng nhất là thức ăn phải phù hợp với căn bệnh của thầy. Trong lúc thầy bệnh, ta đừng bao giờ có thái độ bất kính hoặc tỏ ra khó chịu làm cho thầy buồn. Vì người bệnh bao giờ cũng khó chịu hơn trong lúc bình thường. Hiểu như vậy, ta phải hết sức thận trọng và luôn làm cho thầy vui được mau lành bệnh, Đó là ta được nhiều phước đức rất lớn.

Khi thầy đắp y, đội mũ ta phải sửa y và mũ cho thầy ngay ngắn đàng hoàng. Nếu thầy không cần, thì phải làm theo ý thầy. Đồ vật dụng thường xài hằng ngày của thầy, ta phải nên để ý giặt giũ cho sạch sẽ và phơi xếp cất vào tủ cho có ngăn nắp thứ lớp. Không được thầy bỏ tùm lum. Cái nào thầy thường xài thì để riêng, còn cái nào không thường xài thì phải để riêng ra, khi thầy cần dùng đến thì dễ kiếm không phải lộn xộn làm mất thời giờ.

Câu hỏi:

1. Tại sao khi đem thư trao cho người không được mở ra xem?
2. Khi thầy có bệnh, ta phải giúp Thầy như thế nào?
3. Khi thấy khách đến, muốn gặp thầy, ta phải tiếp họ như thế nào? Và trong khi Thầy tiếp chuyện với khách, ta phải làm sao?

Sự Sư (*tương tục*)

Chánh Văn

Phàm đệ tử, đương trạch "minh sư", cứu cứu thân cận, bất đắc ly sư thái tảo; như sư thiết bất minh, đương biệt cầu "Lương Đạo". Thiết ly sư; đương ức sư hối, bất đắc túng tình tư dụng, tùy thế tục lưu, hành "bất chánh" sự. Diệc bất đắc trụ thị tỉnh não xứ, Bất đắc trụ "Thần miếu" Bất đắc trụ dân phòng, bất đắc trụ cận ni tự xứ. Bất đắc dữ sư các trụ, nhi hành thế pháp trung, nhứt thiết ác sự.

Phụ Vân: Phàm thị sư, bất mang tọa, bất cảm tọa, bất vấn, bất cảm đối, trừ tự hữu sự dục vấn. Phàm thị lập, bất đắc ỷ bích kháo trác, nghi đoan thân tề túc trác lập. Dục lễ bái, nhược sư chỉ chi, nghi thuận sư mạng vật bái. Phàm sư dữ khách đàm luận, thiệp đạo thoại, hữu ích thân tâm giả, giai đương ký thủ. Sư hữu sở xử linh, nghi cập thời tác biện, bất đắc quy mạn. Phàm thùy mạnh, bất đắc tiên sư. Phàm nhưn vấn sư "húy", đương vân: thượng mỗ tự, hạ mỗ tự.

Phép Thờ Thầy (tiếp theo)

Dịch Nghĩa

Phàm đệ tử phải lựa ông "Minh Sư" gần gũi thật lâu, chớ nên lia thầy sớm lắm. Bằng thầy thật không hiểu Phật pháp, phải riêng cầu ông "Lương Đạo". Dầu có lia thầy, nhưng cũng nhớ lời thầy dạy, chẳng nên lung tình tự ý theo người thế tục, làm việc bất chánh. Cũng chẳng đặng ở chỗ chợ, giếng rày rà. Cũng chẳng đặng ở chỗ Miếu "Ông Thần". Chẳng đặng ở nhà dân, chẳng đặng ở chùa Ni. Chẳng đặng cùng thầy đồng ở, mà làm tất cả việc ác trong pháp thế gian.

Lời Phụ: Phàm hầu thầy, thầy chẳng dạy ngồi chẳng dám ngồi. thầy chẳng hỏi, chẳng dám thưa, trừ mình có việc cần muốn thưa mới hỏi.

Phàm đứng hầu thầy, chẳng nên nương vách, dựa ghế, phải vững mình bằng chun, đứng một bên. Muốn kính lạy, bằng thầy bảo thôi, nên nghe lời thầy chớ lạy. Phàm thầy cùng khách đàm luận, câu chuyện nhằm đạo, có ích thân tâm, đều phải nhớ lấy.

Thầy có sai khiến, phải kịp thời làm xong, chớ nên trái trề. Phàm ngủ nghỉ chớ nên trước thầy. Phàm người hỏi tên “húy” của thầy, phải nói trên chữ chi, dưới chữ chi.

*Là đệ tử ta nên ghi nhớ
Tìm Minh Sư dạy dỗ học hành
Nếu thầy Phật pháp không rành
Nên tìm thầy giỏi học hành mới nên
Ta ý thức thời gian tên bản
Đã đi xa cũng nhớ lời thầy
Đừng để thế tục khuấy rây
Buông lòng tạo nghiệp việc này không nên
Dù ở đâu không nên tranh cãi
Nơi Miếu Thần hoặc ở nhà dân
Chùa Ni cũng chớ cận thân
Ở lâu không tốt phải dần lánh xa*

*Khi hầu thầy cần nên ghi nhớ
Thầy chẳng cho xin chớ có ngồi
Muốn trình thưa hỏi khúc nôi
Được thầy cho phép mới khơi tỏ bày.
Đứng hầu thầy đừng hay nương vách
Cũng không nên tựa ghế dựa lưng
Phải nên đứng vững đôi chun
Bên thầy sai khiến hô xưng có liền*

*Có duyên sự tiền thiên đánh lễ
Thầy bảo thôi kính nể vâng theo
Hoặc thầy cùng khách đàm trao
Lắng lòng theo dõi chớ xao lãng thầy
Chuyện đạo lý ta cần nhớ lấy
Thầy sai chi chớ thấy nãn lòng
Siêng năng giải quyết cho xong
Rồi sao ngủ nghỉ chẳng đồng thầy đi
Nếu hỏi thầy tên chi kẻ đáp
Dạ thưa rằng: Thượng Pháp hạ Danh
Không nên nói trống pháp danh
Đó là thất lễ lòng thành của ta.*

Giải thích từ ngữ

Minh sư: bậc thầy có đầy đủ trí đức, cần nên nương tựa học hỏi. Điều gì chưa hiểu chưa thông nên hỏi bậc minh sư này.

Lương đạo: là người hiền từ khoan dung đức độ. Tài đức vẹn toàn.

Thần miếu: một ngôi nhà nhỏ để thờ các vị thần linh.

Bất chánh: làm việc trái với đạo lý chơn chánh.

Ỗ: dựa mình vào một vật nào đó như dựa vào vách hay ghế v.v...

Khảo: đứng nghiêng người dạo một bên.

Doan thân: thân đứng ngay ngắn tề chỉnh.

Đạo thoại: lời nói bàn luận về đạo lý.

Đại ý

Đoạn này Tổ dạy ta cần phải tìm một bậc thầy có đủ tài đức trong Phật pháp để ta nương tựa tu học. Việc hầu thầy mọi việc đều phải hết sức cẩn thận và tế nhị. Không được buông lung tâm ý, phải gìn giữ bốn oai nghi nghiêm trang. Tất cả việc lớn việc nhỏ đều phải vâng theo lời thầy dạy.

Lược giảng

Là người xuất gia từ bỏ thế tục vào đạo thế phát theo thầy, thế thì ta cần phải tìm một vị thầy có đầy đủ trí đức để ta nương tựa cầu học. Nếu lỡ như ta chọn một vị thầy không thông giáo lý và thiếu đức hạnh, thì ta nên tìm một vị thầy khác có đầy đủ trí đức để ta nương tựa học hỏi. Đó là thái độ khôn ngoan của người mới bước chân vào đạo. Nếu ta không sớm tìm thầy thông hiểu Phật pháp để ta tu học, thì đó là một thiệt thòi rất lớn cho ta.

Người xuất gia sống chung với nhau hoặc đi đến ở bất cứ nơi nào, trong khi giao tiếp ta cần phải biết kính trên nhường dưới. Tuyệt đối không nên tranh cãi lớn tiếng hơn thua với nhau. Vì đó không phải là hạnh của người tu có ý mong cầu xuất thế. Tranh cãi hơn thua chỉ đem lại thiệt hại cho mình và người chớ chẳng có ích lợi gì. Nếu phải bàn luận về Phật pháp thì ta phải nên dùng lời ái ngữ mà bàn giải ôn hòa. Không nên cãi cọ gây gổ lớn tiếng chỉ làm trò cười cho hàng bạch y cư sĩ mà thôi.

Lời Phụ Tổ Vân Thê dạy: Trong lúc hầu thầy, khi nào thầy cho phép thì ta mới được ngồi. Tuyệt đối, không nên tự ý

muốn ngồi đâu thì ngồi. Đến việc thưa hỏi, khi nào thầy cho phép thì mới được trình thưa. Không nên đối đáp với thầy một cách trả treo ngang nhiên vô lễ vô phép.

Phạm đứng thì phải đứng thẳng người, không nên tỏ ra thân thể lười mỏi uể oải kiếm chỗ tựa lưng, vì như thế sẽ mất oai nghi và mất phép tắc lễ độ. Phải nên tìm chỗ đứng hầu thầy cho thích hợp. Không được đứng trước mặt thầy và cũng không được đứng xa quá, vì phòng khi có việc thầy cần gọi đến thì có thể nghe được.

Lễ lạy là một hình thức biểu lộ lòng cung kính đối với các bậc trưởng thượng đức độ. Tuy nhiên, không phải đưng đâu lạy đó. Khi lễ lạy, cũng phải có nơi chỗ thích hợp và nhất là phải được thầy cho phép. Nếu thầy không cho phép thì ta không nên lễ bái. Vì cung kính không bằng vâng lời.

Trong lúc thầy tiếp khách đàm luận đạo lý, ta phải đề tâm theo dõi lắng nghe học hỏi. Điều đó rất có lợi ích cho việc tu học của ta. Nếu như có những điều gì mà không phù hợp với đạo lý, thì ta không nên đề tâm chê trách hoặc phê bình nói xấu cho người khác biết. Vì như thế, vô tình ta làm mất thanh danh và tổn hại uy tín của thầy. Trong khi đó ta chưa biết sự việc đúng sai thế nào mà ta vội kết luận một cách hàm hồ. Như thế là ta phạm một cái lỗi rất lớn và không xứng đáng làm người hầu thầy. Là thị giả ta phải nên cẩn thận lưu ý điều này.

Khi có việc, thầy nhờ đến thì mình phải vui vẻ cố gắng làm cho xong. Không nên viện cớ để tránh né. Ban đêm không nên ngủ nghỉ trước thầy. Vì phòng khi thầy cần đến mình lại vắng mặt. Khi nào thầy cho phép thì mới được ngủ trước thầy. Người ngủ nhiều thường sanh ra những tệ hại như: biếng nhác

trẻ nãi, tâm trí u tối, học hành không giỏi, thân thể nhu nhược, phì béo dễ sanh bệnh hoạn...

Nếu có ai hỏi đến tên Húy, tức pháp danh hoặc pháp hiệu của thầy, thì mình phải tôn trọng mà khéo lựa lời xưng hô cho phải phép. Như nói: Thầy là thượng Minh hạ Giác... Chớ không nên nói trống là thầy Minh Giác...

Câu Hỏi:

1. Tại sao không được ngủ nghỉ trước thầy?
2. Khi hầu thầy phải đứng ngồi như thế nào mới đúng?
3. Trong khi thầy và khách đàm luận thì thái độ của thị giả như thế nào?

Đệ Tam Tùy Sư Xuất Hành

Chánh Văn

Bất đắc quá lịch nhơn gia. Bất đắc chỉ trụ đạo biên, cộng nhơn ngữ. Bất đắc tả hữu cố thị, đương đề đầy tùy sư hậu. Đáo "đàn việt" gia, đương trụ nhứt diện, sư giáo tọa, ưng tọa. Đáo tha tự viện, sư lễ Phật, hoặc tự lễ, bất đắc thiện tự minh khánh. Nhược sơn hành, đương trì tọa cụ tùy chi. Nhược viễn hành, bất đắc tương ly thái viễn. Nhược độ thủy, đương, trì trượng, tử thi thiền thâm. Trì bình, huề tích đặng, cụ như luật trung văn phiền bất lục.

Phụ vân: Nhược ngẫu phân hành, ước ư mỗ xứ hội, bất đắc hậu thời. Sư thọ trai, đương thị lập xuất sanh, trai tất, đương thị lập thân khẩu.

Chương 3 Theo Thầy Ra Đi

Dịch Nghĩa

Chẳng dặng trái qua nhà người khác. Chẳng dặng đứng bên đường cùng người nói chuyện. Chẳng dặng liếc ngó hai bên, phải cúi đầu theo sau thầy. Đến nhà người "Đàn việt" phải đứng một bên thầy, thầy dạy ngồi mới ngồi. Đến chùa, am khác, thầy lễ Phật, hoặc mình lễ, chẳng dặng tự chuyên đánh khánh (thỉnh chuông). Bằng thầy đi núi, phải đem đồ ngồi theo. Bằng đi đường xa, chẳng dặng cách thầy xa lắm. Bằng lội nước, phải cầm gậy dò thử sâu hay cạn. Mang bình, cầm tích trượng còn nhiều việc hầu thầy, đủ như trong Luật, văn nhiều không chép.

Lời Phụ: Hoặc tình cờ chia ra đi, hẹn chỗ nào nhóm, chẳng dặng tới sau. Thầy chúng trai, phải đứng hầu mà xuất sanh, trai xong phải đứng hầu cất cửa cúng.

*Lúc theo thầy phải nên để ý
Đi cùng thầy chẳng cách rời xa
Không nên ghé tạc qua nhà
Của người Đàn việt hoặc là người quen
Hoặc dừng lại cùng người nói chuyện
Hay đang đi liếc ngó hai bên
Cả hai việc đó không nên
Cúi đầu ngó xuống một bên theo thầy
Đến nơi khác, chùa am ghi nhớ
Thầy dạy sao làm vậy chớ sai
Dù cho khó nhọc chẳng nài
Không nên tự ý làm sai lời thầy
Thỉnh chuông khánh khi thầy cho phép*

*Nếu không thì ta chớ làm ngang
Mọi việc phải được an toàn
Qua sông, leo núi mọi đàng phải tuân*

Giải thích từ ngữ

Đàn Việt: Danh từ này ghép bởi chữ Phạn và chữ Hán. Đàn là tiếng Phạn, nói cho đủ là Đàn na, Trung Hoa dịch là bố thí. Việt có nghĩa là vượt qua. Ý nói, người thí chủ làm việc bố thí cúng dường thì sẽ vượt qua biển khổ nghèo khó vậy.

Bình bát: là cái bát để đựng thực phẩm trong khi đi khát thực. Bát có nhiều loại và nhiều cỡ, tùy theo khả năng dung lượng bao tử của mỗi người mà cái bát có lớn nhỏ khác nhau.

Tích trượng: cây gậy để chống. Trên đầu gậy có nhiều khoen.

Đại ý

Khi có việc cùng thầy đồng đi, trên đường đi không được tự tiện làm theo ý mình và khi đến chùa am thì phải nghe theo lời thầy dạy.

Lược giảng

Khi có việc cần cùng đi chung với thầy, là thị giả ta phải luôn có mặt bên thầy, không được tự tiện ghé lại nhà này, nhà kia, dù đó là nhà của cha mẹ hay người thân ruột thịt của mình. Vì như thế, khi thầy cần đến thì không có mặt mình. Đó là điều sai trái cần phải để ý. Ngoại trừ là thầy cho phép mình mới được ghé thăm. Trường hợp có gặp người thân quen trên đường đi, mình cũng không nên đứng lại nói chuyện với họ.

Cũng không được ngó đông, nhìn tây, vì như thế là tâm ý dễ sanh loạn động. Phải cúi đầu nhìn xuống và giữ thân hình ngay thẳng chậm rãi bước đi theo sau thầy. Khi vào nhà thí chủ, thầy nói chuyện, mình không được tự ý nói, chỉ đứng một bên, khi nào thầy cho phép mình mới được ngồi. Điều đáng lưu ý hơn nữa, mỗi khi đến các tự viện khác, mình không được tự chuyên sử dụng chuông, mõ, khánh v.v... Bởi mỗi nơi nghi lễ mỗi khác, hơn nữa, mình là người khách mới đến, chưa biết nghi lễ của những nơi đó ra sao, vì vậy tốt nhất là phải cẩn thận chớ nên làm.

Thỉnh thoảng, có khi thầy đi du ngoạn lâm cảnh núi này núi kia v.v... mình phải nhớ đem theo tọa cụ hoặc những vật dụng cần thiết khác. Có khi thầy đi xa, mình phải đi gần thầy để thầy dễ sai bảo. Nếu có lộ suối qua sông nhỏ, thì mình phải cầm gậy dò trước để biết sâu cạn mà báo cho thầy biết. Nếu cạn thì dìu thầy lội qua, còn như sâu thì nên tìm phương tiện khác như ghe, thuyền v.v...

Tổ Vân Thê còn nhắc nhở thêm: "Hoặc tình cờ chia ra đi, hẹn nhau ở một điểm nào đó gặp nhau thì mình không được tới sau thầy. Khi thầy chứng trai, mình phải đứng hầu mà xuất sanh, thọ trai xong, nếu có thí chủ cúng dường phẩm vật thì mình phải cất giữ cho thầy".

Đệ tứ Nhập Chúng

Chánh Văn

Bất đắc tranh tọa xứ. Bất đắc ư tòa thượng, điều tương hô ngữ tiếu. Chúng trung hữu thất nghi, đương ản ác dương

thiện. Bất đắc phật lao hiển kỹ chi công. Phàm tại xứ, thù bắt tại nhơn tiên, khởi bắt tại nhơn hậu. Phàm tẩy diện, bắt đắc đa sử thủy. Sát nha thổ thủy, tu đê đầu dẫn thủy hạ, bắt đắc phún thủy tiên nhơn. Bất đắc cao thính tĩ gi ầu thổ. Bất đắc ư diện tháp, cập tịnh thất, tịnh thủy trung gi thóa, đưng ư tịnh xứ. Thiết trà thang thời, bắt đắc chích thủ áp nhơn. Bất đắc hương tháp tẩy xỉ, cập hương Hòa thượng, A xà lê đấng.

Phàm văn chung thính hiệp chưởng mặc niệm vân: "Văn chung thính, phiền não khinh, trí huệ trưởng, Bồ đề sanh; ly địa ngục xuất hỏa khanh, nguyện thành Phật độ chúng sanh". "Ăn giã ra để dạ ta bà ha".

Chương 4 Nhập Chúng

Dịch Nghĩa

Chẳng đặng tranh chỗ ngồi. Chẳng đặng ngồi chỗ cao xa, kêu nhau nói cười. Trong chúng có sơ thất oai nghi, phải giấu dữ bày lành. Chẳng đặng khoe sự nhọc, để rõ công lao của mình. Phàm ở đâu, ngủ không nên ngủ trước người, dậy không nên dậy sau người. Phàm rửa mặt, chớ nên hao nhiều nước. Xỉa răng, nhổ nước, phải cúi đầu đem nước xuống, chẳng nên phun nước nhằm người. Chẳng nên hỉ mũi và khạc nhổ lớn tiếng. Chẳng đặng ở trong chùa, ở trên điện và Tháp cùng nhà sạch, đất sạch, trong nước sạch hỉ mũi, khạc nhổ; phải hỉ khạc nơi chỗ khuất (trong ống nhổ). Khi uống nước trà (cũng như khi ăn cơm) chẳng nên một tay tiếp người. Chẳng đặng trước tháp xỉa răng và trước vị Hòa thượng, vị A xà lê v.v...

Phàm nghe tiếng chuông chấp tay thầm tưởng bài kệ rằng:
"Nghe tiếng chuông, phiền não nhẹ, trí huệ lớn, Bồ đề sanh,
lìa địa ngục, khỏi hầm lửa, cầu thành Phật, độ chúng sanh".
"Án già ra để dạ ta bà ha" (3 lần)

*Bài thứ bốn nói về nhập chúng
Khi mới vào lúng túng chưa quen
Xuất gia nào nệ sang hèn
Đứng ngồi phải phép chớ dèm lỗi nhau
Tranh chi chỗ thấp cao ngồi đứng
Cùng nói cười nhỏ tiếng mới nên
Oai nghi có lỗi phải nên
Chỉ bày trong chúng không nên nêu ngoài
Đến ngủ nghỉ nước xài để ý
Ngủ trước người đứng lý dấy sau
Nước xài phải nhớ công lao
Chớ nên phung phí mai sau khổ nần
Hỉ khạc nhỏ đàng hoàng nơi chốn
Tránh Tháp, Chùa là chốn tôn nghiêm
Phước bồi mỗi chút ta tìm
Xỉa răng, uống nước đừng phiền người bên
Chuông huyền diệu tiếng rền vang khắp
Cõi Ta bà khắp chốn u minh
Bao nhiêu phiền não tội tình
Nghe chuông nhẹ thoát an bình thanh thoi.*

Giải thích từ ngữ

Oai nghi: là những động tác hình dáng bên ngoài bao gồm bốn động tác: đi, đứng, nằm, ngồi. Mỗi mỗi cần phải gìn giữ đúng phép không nên câu thả thô tháo.

Phiền não: Những thứ gây ra bực bội bức bách rối rắm trong lòng. Có rất nhiều thứ nhưng không ngoài hai thứ: Căn bản phiền não và chi mạt phiền não. Chi mạt phiền não còn gọi là Tùy phiền não.

Bồ đề: tánh giác. Đây là tánh thanh tịnh sáng suốt mà tất cả chúng sanh đều sẵn có. Gọi là tánh giác ngộ, còn gọi là trí tuệ bát nhã.

Địa ngục: Địa là nơi; ngục là tối tăm. Cảnh giới tối tăm bị hình phạt đau khổ gọi là địa ngục.

Đại ý

Những sinh hoạt trong thiền môn cần phải để tâm học hỏi từ việc nhỏ đến việc lớn, phải giữ gìn cẩn thận chu đáo, không nên khinh thường mà mắc phải lỗi lầm.

Lược giảng

Khi vào trong chúng tu học, ta cần phải hòa mình cùng với đại chúng. Đại chúng là một tăng thân giúp cho ta rất lớn trong việc tu học. Sống trong một tăng thân, ta không nên có những cử chỉ, thái độ, lời nói, hành động đi ngược lại. Như thế là ta trở thành một kẻ phá hoại tăng đoàn. Đây là một trọng tội mà ta cần phải tránh. Người xuất gia, đã bỏ hết tất cả vào đạo, mà còn có ý niệm hơn thua tranh chấp với nhau sao? Nói chõngõ, chỉ là một việc nhỏ mà không giữ được, thì nói chi đến việc trọng đại khác. Sống chung an lạc là mục đích chính của tăng thân. Muốn được an lạc là mỗi người phải gìn giữ cẩn trọng ở nơi luật nghi đã thọ. Sống trong chúng, lấy đại chúng làm trọng, đừng coi trọng bản ngã vị kỷ của mình. Làm việc phục vụ trong chúng là điều ta nên làm, không nên tìm cách

lánh nặng tìm nhẹ. Mỗi người đều có phận sự riêng và phải thật tâm làm đúng theo trách nhiệm bản phận của mình. Vì những công việc này là do tăng sai cắt cử giao phó. Vì còn là phàm phu nên không sao tránh khỏi lỗi lầm. Khi trong chúng có xảy ra chuyện bất hòa, hay có những hành vi xấu ác, thì ta nên thật tâm tìm cách chỉ bày cho nhau. Tuyệt đối không được đem lỗi của chúng tăng mà rêu rao bêu xấu cho người ngoài biết. Đừng làm mất tín tâm của người khác. Khi sống chung, ta phải ý thức đến những gì chung quanh ta, đừng gì hành động thô tháo vô ý thức của mình mà gây ra cho người khác phải đau khổ khó chịu.

Khi sử dụng những vật dụng cần thiết trong thiền môn như: điện, ga, nước v.v... tất cả ta phải gìn giữ tiết kiệm tối đa. Không nên nghĩ rằng, đó là của chung mà ta lại tiêu xài một cách phung phí. Ta nên ý thức rằng, ở trong chúng nếu khéo biết tu tập, phục vụ và gìn giữ của Tam bảo, thì phước đức của ta rất lớn. Bằng ngược lại, thì tội lỗi cũng không vừa. Qua những lời dạy trên, Phật tử luôn thức nhắc người xuất gia, nhất là Sa di phải nên gìn giữ thận trọng. Từ những việc nhỏ như: ngủ nghỉ, rửa mặt, xia răng, nhổ nước, hỉ mũi, khạc nhổ, uống nước v.v... thật là hết sức tế nhị và lịch sự. Bởi hỉ mũi, khạc nhổ, hành động này vừa mất vệ sinh mà cũng vừa mất phép lịch sự. Nhất là những nơi công cộng gây cho người khác nhìn mình họ nhòm góm. Và họ đánh giá mình là một người tu không có oai nghi và thất học. Đến việc nghe chuông cũng phải nhiếp tâm theo dõi tiếng chuông để cho tâm ta được an thoát nhẹ nhàng. Tất cả, Phật tử đều muốn cho chúng ta nên thực tập chánh niệm trong mọi hành động việc làm. Có như thế, thì mới xứng hợp tác phong cao đẹp của người xuất gia vậy.

Câu Hỏi:

1. Tại sao trong chúng có lỗi phải che giấu không được đem ra ngoài bên xấu. Điều này có tác hại gì?
2. Ngủ trước và dậy sau như lời dạy đây, có còn phù hợp nữa hay không?
3. Tại sao khi nghe tiếng chuông phải thềm tưởng bài kệ? Điều này có lợi ích gì cho thân tâm của ta?

Nhập Chúng (*tương tục*)

Chánh Văn

Bất đắc đa tiểu, nhược đại tiểu, cập ha khiếm, đương dĩ y tu yểm khẩu. Bất đắc cấp hành, Bất đắc tương Phật đặng, tương tự kỹ dụng; nhược nhiên đặng, đương hảo di trạo mật phú, vật linh phi trùng đầu nhập. Cúng Phật hoa, thủ khai viên giả, bất đắc tiêu hữu trừ hủy giả phương cúng tân giả, hủy giả, bất đắc khí địa tiền đạp, nghi trí bình xứ. Bất đắc văn hô, bất ứng phạm hô, cu nghi dĩ niệm Phật ứng chi. Phạm thập dĩ vật, tức đương bạch "Tri sự" Tăng.

Phụ vân: "Bất đắc dữ niên thiếu Sa di kiết hữu. Bất đắc tam y cầu giảm. Bất đắc đa tác y phục, nhược hữu dư đương xả. Bất đắc biện tinh trí thao phát, ngoạn khí đặng, trang điểm "giang hồ" thủ tiểu thức giả. Bất đắc trước sắc phục, cập loại tục nhưn y sức đặng. Bất đắc thủ bất tịnh đáp y. Phạm thượng diện, tu thúc phục khổ miệt, bất đắc phóng ý tự tiện. Bất đắc nhân tẩu, bất đắc đa ngôn. Bất đắc tọa thị "đại chúng" lao vụ; tử lại thân an. Bất đắc tư thủ "chiêu đề" trước mộc, hoa quả số thể, nhứt thiết ẩm thực, cập nhứt thiết khí vật đặng. Bất đắc đàm thuyết "Triều Đình", công phủ, chánh sự đắc, thất, cập "bạch y" gia trường đoản hảo ố. Phạm tự xưng, đương cử nhi tự

"pháp danh", bất đắc vân ngã, cập "Tiểu Tăng". Bất đắc hơn tiểu sự tranh chấp, nhược đại sự nan nhẫn giả, dục tu tâm bình khí hòa, dĩ lý luận biện; bất khả, tác từ nhi khứ, động khí phát thô, tức phi "hảo tăng" dã".

Nhập Chúng (tiếp theo)

Chẳng nên cười nhiều, hoặc cười to, cùng ợ ngáp phải lấy tay áo che miệng. Chẳng đặng đi mau, chẳng đặng đem đèn bàn Phật riêng để mình dùng. Bằng thắp đèn, lúc đương cháy, phải lấy lòng chụp lại, đừng để trùng bướm ngã vào.

Bông cúng Phật lựa bông nở tròn đủ, tươi đẹp; chẳng đặng ngửi trước, bỏ bông héo, phải cúng bông tươi. Bông héo chẳng nên bỏ dưới đất giẫm đạp, phải để chỗ vắng. Chẳng đặng nghe thầy kêu không đáp, phàm nghe kêu, đều phải đáp câu niệm Phật thế lời. Phàm lượm của rơi, liền phải thưa thầy Tri sự.

Tổ Vân Thê nhắc nhở thêm: "Chẳng đặng kết bạn với thầy Sa di tuổi nhỏ. Chẳng đặng ba y khiếm thiếu. Chẳng nên sắm nhiều y phục, bằng có dư nên cho. Chẳng đặng sắm dây lưng tốt đẹp và đồ chơi v.v...trang điểm "giang hồ" làm trò cười cho người thức giả. Chẳng đặng mặc đồ ngũ sắc, và y phục giống người thế tục v.v...Chẳng đặng tay không sạch đắp y. Phàm lên chánh điện, phải buộc ống quần, chẳng đặng lung ý tự tiện. Chẳng đặng đi chơi, chẳng đặng nói nhiều. Chẳng đặng ngồi ngó Đại chúng làm việc nhọc mà trốn tránh lánh trộm yên. Chẳng đặng riêng lấy của chiêu đề như tre, cây, hoa quả, rau, cải, tất cả đồ ẩm thực và tất cả đồ đạc v.v...Chẳng đặng nói việc chánh, đắc, thất trong "Triều đình", chôn "công phủ" và việc hơn thua tốt xấu của nhà thế gian. Phàm mình xung, phải xung hai chữ pháp danh, chẳng đặng xung ta hay

là "Tiểu Tăng". Chẳng đặng như việc nhỏ tranh đua, bằng việc lớn khó nhẫn cũng phải tâm bình, khí hòa lấy lý luận biện, chẳng đặng, khéo từ mà lui, nổi giận thốt lời thô, tức không phải bậc "Hảo Tăng" vậy.

*Người xuất gia nói cười phải phép
Giữ oai nghi ọ, ngáp khó coi
Áo che lịch sự hấn hoi
Bước đi chậm rãi vậy thời mới nên
Đèn thấp sáng cúng dường điện Phật
Ta không nên dòi cát riêng xài
Điện đèn thấp sáng hằng ngày
Phải nên che lại không may chết trùng
Tổ Vân Thê dạy chung phải nhớ
Mỗi việc làm duyên có lưu tâm
Việc nào phận nấy chớ lằm
Tránh xa tội lỗi an tâm tu hành
Lời Tổ dạy đành rành các việc
Phải nhớ ghi tạc dạ trong lòng
Thường xuyên quán chiếu bên trong
Lỗi lằm nên tránh mới hòng yên thân*

Giải thích từ ngữ

Ba y: Chỉ cho ba y của thầy Tỳ kheo: Y ngũ điều, y thất điều và y cứu điều.

Giang hồ: Giang là sông hồ là cái hồ nhỏ hơn con sông. Ý nói những kẻ phong sương rày đây mai đó, không nơi cố định gọi là giang hồ.

Triều đình: Là nơi làm việc của vua quan để bàn luận về những công việc chánh trị, cai trị đất nước.

Công phủ: Là nơi làm việc công cộng lo cho dân cho nước.

Tiểu tăng: Tăng là chỉ chung cho một đoàn thể lấy sự thanh tịnh hòa hợp làm gốc để sinh hoạt tu học. Nói Tiểu là có ý khinh thường Đại Tăng. Nên không được tự xưng là Tiểu Tăng.

Hảo tăng: là tăng tốt, luật nghi nghiêm trang đầy đủ.

Đại ý

Người xuất gia phải cẩn thận về oai nghi tế hạnh, mọi động tác thi vi phải nghiêm trang: nói, cười, ợ, ngáp phải cẩn trọng lịch sự. Cúng dường hoa quả phải cúng đồ tươi. Không nên lấy đèn cúng Phật xài riêng và phải che đèn để tránh các loài trùng bướm ngã vào mà chết.

Lược giảng

Đoạn văn trên là lời dạy thêm của tổ Vân Thê. Tổ muốn nhắc nhở những điều thiết yếu về những phẩm hạnh của Sa di nói riêng và người xuất gia nói chung. Tổ khuyến nhắc chúng ta không nên kết bạn với thầy Sa di tuổi nhỏ. Nói Sa di tuổi nhỏ tất nhiên là tánh tình còn trẻ con có nhiều khiếm khuyết. Nếu ta lân la gần gũi với họ tất nhiên, sẽ gây cho ta nhiều phiền phức rối rắm trong việc tu học. Nói chung, là ta không nên giao du kết thân với những người bạn xấu.

Còn nói ba y không được thiếu là tại sao? Lẽ ra thầy Sa di chưa thọ Đại giới (Tỳ kheo) thì làm gì có ba y của Tỳ kheo. Thật ra, trong Luật có nói không những Sa di mà ngay cả những vị Ưu bà tắc (thiện nam) cũng được sắm ba y để kỷ

niệm, tưởng nhớ đến phước điền và giải thoát. Thế thì Sa di sắm ba y cũng không có lỗi gì. Sắm sẵn để chuẩn bị cho tương lai thọ Đại giới cũng tốt. Tuy nhiên, nếu chưa thọ giới Tỳ kheo (Cù túc) thì tuyệt đối không được đắp. Vì đó là việc làm trái phép. Sắm nhiều y phục cũng không nên, nếu có dư ra thì ta nên tặng cho các bạn đồng tu khác. Người xuất gia phải giữ ba việc vừa đủ, không nên dư thừa. Ba việc đó là: "âm thực, y phục và ngủ nghỉ", gọi là Tam thường bát túc. Cũng không nên sắm các loại trang điểm làm đẹp khác, như ăn mặc giống như những kẻ "giang hồ" vô gia cư, vì như thế sẽ mất đi cung cách phẩm giá của người xuất gia.

Người xuất gia không nên ăn mặc lòe loẹt màu sắc nổi bật như người thế tục, mà phải mặc đồ hoại sắc (đồ đã nhuộm). Người thế gian vì thích làm đẹp nên họ ăn mặc chung diện đủ màu, đủ kiểu để người khác ngắm nhìn, nhất là phái nữ. Ngược lại, người xuất gia đã cạo bỏ râu tóc, hủy khí hình hài, thử hỏi còn ham thích gì nữa mà còn chung diện làm đẹp?

Tổ lại răn nhắc, tay không sạch thì không nên đắp y. Đây là lời khuyên nhắc của Tổ cho ta nhớ đến phương pháp vệ sinh. Không phải chỉ đắp y không thôi, bởi y là tượng trưng cho sự trong sạch giải thoát, đến những thứ khác trước khi cầm nắm cũng phải rửa tay cho sạch sẽ. Điều này cũng rất phù hợp với ngành y học hiện tại về vấn đề đúng pháp vệ sinh vậy.

Tại sao người xuất gia, Tổ dạy khi lên chánh điện đều phải buộc ống quần, chẳng đặng lung ý tự tiện? Lý do là vì chánh điện là nơi tôn nghiêm thanh tịnh, sợ e khi "hạ mao" thì có lỗi, ngoại trừ các chú Sa di nhỏ tuổi không buộc thì không sao. Ngày nay, có nhiều vị tăng ni khi lên chánh điện hành lễ thì hay bỏ ống quần vào trong vớ. Việc làm này cũng tốt và lại tránh được sự lạnh lẽo của đôi chân.

Còn nói chẳng đặng đi chơi, chẳng đặng nói nhiều là sao? Bởi đi chơi làm mất thời giờ tu học một cách vô ích. Tuy nhiên, đi chơi lành mạnh để giải trí cho khuây khỏa thoải mái tâm hồn, thiết nghĩ cũng không có gì là lỗi cả. Nhưng nếu để thời giờ đi chơi chiếm hữu nhiều quá trong việc tu học thì thật không có lợi ích gì. Người xuất gia phải khéo biết lợi dụng thời gian để nỗ lực đầu tư cho việc tu học và tạo nhiều nhân lành để được lợi mình, lợi người. Do đó, nên tránh việc đi chơi lâu lẳng bê tha vô ích. Nói nhiều, tức bàn tán những chuyện tạp nhạp bù khú ở thế gian, chuyện thiên hạ sự, chỉ mang thêm khẩu nghiệp và tán tâm mà thôi.

Nói của "chiêu đề", tức là những vật dụng chung của Thập phương thường trụ tạng. Vì là của chung của chúng tăng, ta không nên lấy tiêu xài riêng cho cá nhân mình. Nếu lấy như thế, thì sẽ mang trọng tội. Bởi đồ vật của chúng tăng, nếu cần thì phải thưa hỏi vị trụ trì hoặc thầy tri sự. Vì hai vị này là do chúng tăng công cử thay mặt thập phương tăng để hành hóa và để giữ gìn của Tam bảo. Khi được hai vị đó cho phép thì ta mới được dùng.

Người xuất gia, nhất là Sa di lã ra phải dồn hết thời giờ trong việc tu học, đâu có thời gian rảnh rỗi để bàn tán chuyện thế sự thời cuộc thành, bại, đắc thất v.v... Nhất là những chuyện chánh trị, quân sự chiến trận quân quyền...và những chuyện tạp nhạp bù khú khác. Nói như thế chẳng có đem lại lợi lạc gì cho mình mà còn bị tán tâm thất niệm, thêm nhiều tội lỗi. Vì đó không phải là chuyện của người xuất gia. Tuy nhiên, nếu lời nói của mình đem lại lợi ích chung cho mọi người thì nên nói. Nhưng phải nói trong sự ôn hòa và trong tinh thần yêu thương, cởi mở, bao dung, đoàn kết và xây dựng.

Tổ cũng nhắc nhở thêm về cách xưng hô cho đúng phép, phải xưng pháp danh, hoặc con (đối với các bậc trưởng thượng) chớ không được tự xưng mình là Tiểu tăng. Vì chữ Tăng không phải nhỏ nên không được nói là tiểu. Nói thế có ý là khinh thị toàn thể chúng Tăng. Đó là có lỗi lớn nên tránh. Việc tranh cãi hơn thua với nhau, đó không phải là cái đạo hạnh của người tu xuất thế. Mà người tu cần phải nói trong ôn hòa nhã nhặn dùng lời ái ngữ để bàn thảo giải bày với nhau. Không được nổi giận phùng mang trợn mắt thốt ra toàn những lời dao búa thô tục bỉ ổi mạt sát hại nhau. Tuyệt đối, người xuất gia không nên biểu lộ thái độ thô tục như thế, nếu vậy, thì còn gì là phẩm cách giá trị của người xuất gia?

Câu hỏi:

1. Tại sao người xuất gia không được bàn luận chuyện thế tục?
2. Vì sao người xuất gia không được tiêu xài những vật dụng của chúng Tăng?
3. Tại sao người xuất gia không được trang điểm ăn mặc theo kiểu giang hồ?

Đệ Ngũ Tùy Chúng Thực

Chánh Văn

Văn "kiền chùy" thịnh, tức đương chỉnh y phục. Lâm thực chú nguyện, giai đương cung kính. "Xuất sanh" phạm bất quá thất liệt, miến bất quá nhứt thốn, "mạn đầu" bất quá, chỉ giáp hử, đa tắc vi "tham", tiểu tắc vi "xan", kỳ dư số thế đậu hử bất xuất.

"Phàm xuất sanh" an tá chưởng trung, tưởng niệm kê vân: Nhữ đẳng quý thân chúng, ngã kim thí nhữ cúng, thử thực biến thập phương, nhứt thiết quý thân cộng. Phàm dục thực tắc ngũ quán tưởng:

- Nhứt: Kế công đa thiếu lượng bỉ lai xứ.
- Nhị: Thôn kỹ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng.
- Tam: Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông.
- Tứ: Chánh sự lương được, vị liệu hình khô.
- Ngũ: Vị thành đạo cố, phương thọ thử thực.

Vô ha thực hảo ó, Bất đắc dĩ thực tư sở dĩ, nhược trích dĩ cầu. Lai ích thực, bất đắc ngôn bất bất dụng; nhược dĩ bảo, đương dĩ thử nhược khước chi. Bất đắc trao đầu, sự phong tiết lạc lân bát trung.

Chương 5 Theo Chúng Ăn

Dịch Nghĩa

Nghe tiếng "Kiền chùy" liền phải sửa sang y phục. Đến khi ăn, chú nguyện đều phải cung kính. Cơm "xuất sanh" chẳng quá 7 hột, bún chẳng quá một tác. Bánh "mạng đầu" cỡ chừng móng tay, không nên nhiều, không nên ít. Vì sao vậy? Nhiều thì là "Tham", ít thì là "Sén". Ngoài ra, các món như là: rau, cải, đậu, mè không nên xuất sanh.

Phàm cơm xuất sanh để trong bàn tay bên trái tưởng niệm bài kệ rằng: "*Các người chúng quý thân, ta nay cúng thí cho người, cơm này khắp đủ mười phương, tất cả chúng quý thân*". Phàm tới bữa ăn, phải tưởng niệm năm phép quán:

- Một là: Kế công nhiều ít xét chỗ người đem đến.
- Hai là: Xét đức hạnh của mình đủ hay thiếu mà thọ nhận của người cúng dường.

- Ba là: Ngăn tâm khỏi lỗi, tham sân là gốc.
- Bốn là: Món ăn là thuốc hay chính thức chữa được hình gây.
- Năm là: Vì thành đạo nghiệp, mới thọ cơm này.

Chớ chê đồ ăn ngon dở, Chẳng đặng lấy đồ ăn chung cho riêng hoặc quăng cho chó. Dem thêm đồ ăn, chẳng nên nói không dùng, như no rồi, phải lấy tay nhường, xá mà lui. Đương ăn chẳng đặng gãi đầu, khiến bụi bay vào trong bát người gần bên.

*Nghe kiên chùy sữa sang y phục
Đến khi ăn chú nguyện kính dâng
Xuất sanh tổng thực quý thân
Không quá bảy hột mạng đầu được cho
Khi cúng thí chớ so nhiều ít
Vận tâm thành ngăn bít sên tham
Đậu, mè, rau, cải chớ đem
Xuất sanh cúng thí quý thân chẳng ăn
Khi cúng thí đọc thâm bài kệ
Cho quý thân hộ vệ người tu
Mười phương kẻ trí hiền ngu
Quý thân thọ dụng ngục tù thoát ra
Năm phép quán thật là tuyệt hảo
Xét công lao đã tạo cơm này
Thức ăn thọ dụng hằng ngày
Biết bao khó nhọc ta nay hưởng dùng
Ân thí chủ một lòng ghi nhớ
Chớ chê khen ngon dở đồ ăn
Công lao nấu nướng khó khăn
Cho riêng, quăng chó rõ ràng tội khinh
Thức ăn thêm làm thịnh lui xá
Chớ gãi đầu mát cả oai nghi
Bụi bay vào bát tức thì*

Mấy điều ghi nhớ thực thi hành trì

Giải thích từ ngữ

Kiên chùy: Phàm cây, đá, đồng, sắt, đánh mà có tiếng đều gọi là tiếng kiên chùy. Khi nghe tiếng kiên chùy báo hiệu, thì phải sửa sang chuẩn bị đi cho đúng giờ, không nên đi trễ trong các giờ hành lễ.

Xuất sanh: Cơm hoặc các thứ bột làm bánh, ngoại trừ bánh mạng đầu, đều có thể dùng để xuất sanh được. Nếu là cơm thì gấp 7 hột, còn bún thì không quá một tấc. Ngoài ra, các loại thực phẩm khác như rau, cải, mè... thì quỷ thần không ăn.

Mạng đầu: loại bánh làm bằng hình đầu con người. Loại bánh này không cúng thí quỷ thần được.

Quỷ thần: Quỷ và thần cũng cùng một loại. Tuy nhiên, gọi thần là vì các vị này có quyền uy thế lực mạnh hơn nên gọi đó là thần. Quỷ thần ở đây nói là chỉ cho mẹ con quỷ La sát.

Đại ý

Nói về nghi thức cúng quá đường trong khi thọ thực cần phải giữ đúng theo quy tắc luật nghi. Nhất là đối với năm phép quán tưởng rất quan trọng mà người xuất gia khi thọ thực cần phải ghi nhớ.

Lược giảng

Trong thiên môn các loại pháp khí như chuông, mõ, trống v.v... đều có công dụng chung là để cảnh báo. Tuy nhiên, mỗi thứ đều có công dụng riêng. Kiên chùy là tên gọi chung của

các loại pháp khí tạo thành âm thanh và mỗi khi đại chúng nghe tiếng kiền chùy lập tức phải chuẩn bị y áo chỉnh tề để hành lễ. Tất cả phải đến nơi hành lễ đúng giờ, không được đến trễ, nếu chậm trễ thì phạm vào cái lỗi lật đật mất oai nghi.

Trong khi thọ thực ở trai đường ta phải gìn giữ chánh niệm và thành tâm cung kính chú nguyện, không được tán tâm chuyện trò tạp nhạp. Nếu là giờ Ngọ trai, thì ta phải giữ đúng theo nghi thức cúng quá đường. Trước phải tụng bài cúng dường, kê đến xuất sanh, rồi xướng "Tăng bạt", tụng kệ, tam đề và ngũ quán. Xong rồi tụng chú kiết trai. Nghi thức quá đường này, người xuất gia cần phải học thuộc nằm lòng. Không riêng gì người xuất gia mà ngay cả những phật tử nam nữ đến chùa thọ bát cũng nên học thuộc lòng nghi thức cúng quá đường này đều rất tốt.

Phép xuất sanh là gấp 7 hột cơm, để vào chung nước nhỏ, thâm tưởng bài kệ: "*Pháp lực bất tư nghi, từ bi vô chướng ngại, thất liệp biến thập phương, phổ thí châu sa giới, nhữ đẳng quý thân chúng, ngã kim thí nhữ cúng, thử thực biến thập phương, nhứt thiết quý thân cộng*". rồi niệm chú... Vị thị giả đem đến bàn xuất sanh tụng kệ gọi tên mẹ con quý La Sát cho chúng ăn no đủ. Không riêng gì mẹ con quý La sát mà còn cúng thí chung cho các loại quý thân khác. Bởi mẹ con quý La Sát theo Phật thọ giới bát sát, nên Phật dạy người xuất gia, khi ăn phải nhớ cúng thí cho mẹ con họ.

Về năm phép quán tưởng đây là lời nhắc của chư Tổ ta không nên xem thường. Phải xét đến những công lao khó nhọc của những người tạo thành những thức ăn này. Có quán tưởng như thế thì ta mới gắng công nỗ lực tu hành. Trong năm điều quán tưởng, điều thứ năm nhắc ta rằng: "Vì thành đạo nghiệp, mới thọ cơm này". Đó là mục đích nhắm tới của

người tu. Như vậy, ăn đạm bạc để nuôi sống xác thân tứ đại giả tạm qua ngày. Ý thức như thế, thì ta không nên sanh vọng tâm tham đắm, chê khen ngon dở ở nơi thức ăn. Nếu không được như vậy, thì ta sẽ mắc nợ của Đàn na thí chủ.

Điều ta nên lưu ý, là vật thuộc của "Chúng Tăng" ta không nên lấy dùng riêng. Hoặc riêng cho người thì ta phạm vào cái tội ăn trộm. Nói nghiêm khắc hơn, là vật chung của chúng tăng ta không được dùng trước, nếu không được cho phép. Hơn nữa, trong khi ăn có người đem thêm đồ ăn cho ta, khi đó ta đã no không dùng nữa, thì phải chấp ta xá chớ không được to tiếng thốt nên lời làm động chúng. Cũng không được vừa ăn vừa gãi đầu làm bụi bặm bay vào trong bát của người ngồi gần bên. Oai nghi của người tu, thật không còn phép lịch sự nào hơn vậy.

Câu Hỏi:

1. Tại sao người xuất gia khi ăn phải nhớ đến năm điều quán tưởng?
2. Tại sao Phật dạy người xuất gia khi thọ trai phải cúng xuất sanh?
3. Tại sao không được chuyện trò tạp nhạp trong khi ăn?

Tùy Chúng Thực (tương tục)

Chánh Văn

Bất đắc hàm tự ngữ. Bất đắc tiểu đàm tạp thoại. Bất đắc tước thực hữu thỉnh. Như dục khiêu nha, dĩ y tu yểm khẩu. Tự trung, hoặc hữu trùng nghị, nghị mật yểm tàng chi; mặc linh đơn kiến, sanh nghi tâm. Đương nhứt, tọa thực, bất bắc thực ngật, ly tòa cánh tọa thực. Bất đắc thực

ngật, dĩ thủ chỉ quát oản bát thực. Phàm thực, bất đắc thái tốc, bất đắc thái trì. Hành thực vi chí, bất đắc sanh phiền não. Hoặc hữu sở nhu, mặc nhiên chi thọ, bất đắc cao thình đạo hoán. Bất đắc oản bát tác thình. Bất đắc thực tất thiên khởi. Nhược vi "Tăng" chế, văn "Bạch Chùy", bất đắc oản cự bất phục. Phạn trung hữu cốc, khứ bì thực chi. Bất đắc kiến mỹ vị, sanh tham tâm, tứ khẩu thực. Bất đắc thiên chúng thực.

Theo Chúng Ăn (tiếp theo)

Dịch Nghĩa

Chẳng dặng vừa ngậm cơm vừa nói chuyện. Chẳng dặng cười nói bậy bạ. chẳng dặng nhai cơm có tiếng. Trong cơm hoặc có "sâu bọ", phải kín che giấu đừng để người ngồi gần thấy sanh lòng nghi, ăn không được. Phải ngồi một chỗ mà ăn, chẳng dặng ăn rồi, khởi chỗ ngồi, lại ngồi ăn nữa. Chẳng dặng ăn rồi, lấy ngón tay vét trong chén bát mà ăn. Phàm ăn, chẳng dặng mau lăm, chẳng dặng lâu lăm. Dem đồ ăn chưa đến, chẳng dặng sanh phiền não. Hoặc có cần dùng, yên lặng chỉ trao, đừng nên cao tiếng nói lớn. Chẳng dặng khua chén bát nổi tiếng. Chẳng dặng ăn rồi dậy trước. Bằng có lỗi phép "Chúng Tăng" nghe tiếng "Bạch Chùy" chẳng dặng kinh chống chẳng chịu. Trong cơm có thóc, lột bỏ vỡ mà ăn đó. Chẳng dặng thấy món ngon sanh lòng tham, lung miệng mà ăn. chẳng dặng ăn mịch chúng.

*Khi thọ thực ta nên ghi nhớ
Đang ngậm cơm chẳng dặng nói cười
Tỏ ra thái độ biếng lười
Nhai cơm có tiếng ấy thời không nên
Kìa sâu bọ phải nên che giấu*

*Đừng để người nhìn thấu sanh nghi
Sanh tâm nhòm góm tức thì
Ấy ta có lỗi phải ghi điều này
Khi dùng bữa chưa đầy no bụng
Đừng mong người cung phụng cho ta
Ngồi ăn một chỗ đó là
Oai nghi tẻ chính chẳng mà rời đi
Lời tỏ dạy không chi nói hết
Là người tu phải giữ nét na
Phận mình là kẻ xuất gia
Luật nghi gìn giữ mới là người tu.*

Giải thích từ ngữ

Bạch chùy: Tiếng kiền chùy báo trước.

Chúng Tăng: Những vị xuất gia đồng tu học sống chung trong một môi trường giữ gìn quy giới, Lục hòa thanh tịnh.

Mích chúng: Ăn trước chúng gây nên sự bất hòa làm méch lòng người khác.

Đại ý

Trong giờ thọ thực ta cần phải giữ gìn chánh niệm trong mọi thi vi động tác, chớ để mất oai nghi làm cho người khác sanh phiền não mà mình có tội.

Lược giảng

Trong lúc ăn cơm ta không nên vừa ngậm cơm vừa nói chuyện, giả như có người hỏi, ta cũng không nên đáp trả lại, mà phải chờ khi nuốt xong miếng cơm, thì ta mới đáp trả.

Đồng thời, cũng không được nói cười làm mất đi sự trang nghiêm thanh tịnh trong bữa ăn. Có người theo thói quen ngoài đời, thường nhai cơm, húp canh, húp cháo tạo thành tiếng kêu "ột ột". Đó là thiếu oai nghi và mất lịch sự. Dùng cơm xong, khi xĩa răng, ta phải nhớ lấy tay áo che miệng lại. Nếu không, thì có lỗi vừa mất lịch sự lại vừa gây cho người ta sanh tâm nhòm góm. Nếu trường hợp trong cơm có sâu bọ, thì ta phải mau tìm cách bỏ đi đừng để cho người ngồi gần bên trông thấy nhòm góm sanh tâm nghi ngờ ăn không được thì mình có lỗi.

Có người ăn chưa xong, rời chỗ ngồi, rồi trở lại ngồi ăn tiếp. Điều này Tổ dạy cũng không nên, ngoại trừ có công việc cần thiết phải đi trước thì không có lỗi. Tuy nhiên, phải xin phép đại chúng hoặc người có trách nhiệm trong chúng rồi mới được đi. Không nên ăn rồi, lấy ngón tay vét trong chén bát mà ăn, điều này vừa mất vệ sinh và cũng biểu lộ cái tướng đói khát, chẳng phải phép tắc của người xuất gia.

Về thời gian trong mỗi bữa ăn, thường được ấn định là nửa tiếng đồng hồ hoặc 45 phút. Nếu ăn quá nhanh, thì có hại cho bao tử và ảnh hưởng không tốt cho bộ tiêu hóa. Còn nếu ăn quá lâu, thì làm cho người khác phải chờ đợi mình mà mang tội. Vì thế, nếu ta có thói quen ăn nhanh, thì phải ăn chậm lại. Ăn nhanh quá làm sao nhai kỹ thức ăn được. Còn nếu có thói quen ăn lâu, thì cũng phải ăn cho kịp giờ cùng với đại chúng. Tuy đây là việc nhỏ, nhưng nếu ta không khéo thì cũng dễ gây ra mất lòng người khác và có hại cho mình.

Người có tật xấu, tánh hay nóng nảy, khi ngồi chờ người ta mang thức ăn đến hơi lâu một chút, thì lại sanh phiền não bực dọc, biểu lộ thái độ khó chịu hiện ra bên ngoài. Điều này, ta cũng cần phải lưu ý chớ có coi thường. Khi cần điều gì ta phải

yên lặng ra dấu hiệu hoặc nói nhỏ tiếng cho người giúp việc dọn ăn vừa đủ nghe, không nên nói to tiếng làm cho động chúng. Tối kỵ trong khi ăn không được khua chén bát nổi tiếng. Ăn rồi đứng lên đi trước không chờ đợi xá hòa chúng, đây cũng là một điều lỗi lầm mà ta nên tránh. Ngoại trừ, cần phải giải quyết việc trong chúng hay việc trong chùa, hoặc bệnh hoạn không tiện ngồi lâu thì đứng lên đi trước không lỗi. Có người vì không chịu học hỏi oai nghi trong bữa ăn, nên có những hành động thô tháo, trái với phép tắc luật nghi của người xuất gia.

Bạch chùy là phép cử tội. Nếu mình có lỗi với "Chúng Tăng" (một tăng thân, tức đoàn thể tu học), khi được Chúng Tăng cử tội thì mình không được kinh chống lại. Phải giữ đúng theo sáu phép "Lục hòa" mà Phật đã dạy. Không được chống trái làm mất hòa khí trong tình huynh đệ, đó là điều không thể chấp nhận. Xưa vua Võ nghe lời lành thì lạy. Thầy Tử Lộ nghe người chỉ lỗi thì mừng, đó là khí tượng của bậc Thánh Hiền, Huống gì ta là người xuất gia học đạo lý giác ngộ mà lại không bằng các vị đó hay sao? Nói cơm có thóc phải lột bỏ vỏ mà ăn, đây là nói theo xưa. Bởi ngày xưa, không có máy chà gạo như ngày nay. Muốn có cơm ăn người ta phải xoay lúa, giã gạo, lượm thóc v.v... Do đó, nên thỉnh thoảng trong cơm vẫn còn có thóc sót lại.

Người xưa có nói: "Ăn để mà sống, chớ không phải sống để mà ăn". Lời nói này ngầm ý khuyên người ta không nên tham đắm thức ăn. Có người vì tham ăn mà mất hết phẩm giá như con người. Câu nói: "Miếng ăn là miếng tội tàn, mất ăn một miếng lộn gan lên đầu". Thật là tội lỗi, xấu hổ biết bao! Vì thế, nên Tổ dạy: "Chẳng đặng thấy món ngon sanh lòng tham, lung miệng mà ăn". Ăn mịch chúng là vật chung của

Chúng Tăng mà mình lại lấy ăn trước, đó là lỗi, là tội xấu, ta nên tránh vậy.

Câu hỏi

1. Tại sao Tổ dạy người xuất gia phải ăn uống theo lễ nghi phép tắc như thế? Có quá khắc khe và khó lắm không?
2. Nếu ăn nhanh hoặc ăn lâu thì có lỗi gì?
3. Quan niệm ăn uống của người xuất gia như thế nào?

Đệ Lục Lễ Bái

Chánh Văn

Lễ bái bất đắc chiếm diện trung ương, thị "Trụ trì" vị. Hữu nhưn lễ Phật, bất đắc hướng bỉ nhưn đầu tiên kính quá. Phạm hiệp chưởng, bất đắc thập chỉ sân si, bất đắc trung hư, bất đắc tương chỉ sáp tĩ trung, tu bình hung, cao đê đắc sở. Bất đắc phi thời lễ bái, như dục phi thời lễ tu đãi nhưn tịnh thời. Sư lễ Phật, bất đắc dĩ sư tịnh lễ, đương tùy sư hậu viễn bái. Sư bát nhưn bất đắc dĩ sư đồng bái. Tại sư tiền, bất đắc dĩ đồng loại tương lễ, tại sư tiên bất đắc thọ nhưn lễ. Kỳ thủ trì kính tượng, bất đắc vị nhưn tác lễ.

Phụ vân: "Phạm lễ bái, tu tinh thành tác quán giáo liệt thất chưởng lễ bất khả bất tri".

Chương 6 Phép Lễ Bái

Dịch Nghĩa

Lễ bái chẳng đặng đứng chính giữa chùa; ấy là để nhường cho vị "Trụ trì" vậy. Có người lễ Phật ta chẳng đặng đứng gần và đi ngang qua trước đầu người lạy. Phàm chấp tay chẳng đặng mười ngón so le, chẳng đặng bộng chính giữa, chẳng đặng nhét ngón tay trong mũi, phải bằng ngực, cao thấp vừa chừng. Chẳng đặng lễ bái phi thời. Bằng muốn lễ phi thời phải chờ khi người vắng. thầy lạy Phật chẳng đặng cùng thầy đồng lạy, phải theo sau xa thầy mà lạy. Thầy xá người, không phép cùng thầy đồng xá. Ở trước thầy chẳng đặng cùng người đồng bực lạy nhau. Ở trước thầy chẳng đặng chịu cho người lạy mình. Tay cầm Kinh tượng, chẳng đặng vì người xá lễ.

Lời phụ: "Phàm kính lễ, phải tinh thành quán tưởng. Kinh có dạy bảy phép lạy, chẳng khá chẳng biết".

*Khi lễ bái ta cần nên biết
Nơi giữa chùa chỉ có Trụ trì
Đó là phép tắc lễ nghi
Ta nên kính trọng tôn ti đàng hoàng
Khi người lạy đi ngang có lỗi
Phàm chấp tay chẳng được so le
Theo lời thầy dạy lắng nghe
Nên chấp ngang ngực so le bị rầy
Bộng chính giữa, thọt tay vào mũi
Thất lễ nghi buồn tủi người xem
Phi thời lễ bái chẳng nên
Chờ khi thanh vắng mới nên lễ thời
Thầy lạy Phật ta thời chẳng lạy
Lạy sau thầy chẳng ngại cho ta
Nếu không sẽ bị thầy la
Khi thầy xá thời ta không cùng
Trước mặt thầy lạy chung trái phép
Người lạy mình khép nép tránh xa*

*Nếu không tồn đức đó mà
Tay cầm Kinh tượng chẳng là xá nhau
Phép lễ bái thanh cao tuyệt đẹp
Phải tinh thành lễ Phật Thánh Hiền
Bảy cách lạy Phật tinh chuyên
Ta cần hiểu rõ gieo duyên căn lành*

Giải thích từ ngữ:

Quán tưởng: Quán là xem xét; tưởng là biết, là nhớ đến một đối tượng. Phải tập trung tư tưởng quán chiếu biết một cách rõ ràng về đối tượng đó. Không nên để tâm vào những việc khác.

Kính lễ: Phải cung kính lễ bái một cách thành tâm.

Trụ trì: Trụ là ở; trì là gìn giữ. Trụ trì là người trông coi gìn giữ ngôi Tam bảo. Đồng thời cũng là người hoằng dương chánh pháp, hướng dẫn chỉ giáo tín đồ Phật tử tu học đúng theo chánh pháp.

Phi thời: Phi là chẳng phải; thời là giờ khắc. Phi thời là chẳng phải giờ ăn mà mình ăn thì phạm vào cái lỗi phi thời.

Đại ý

Bài này chú trọng về cung cách lễ bái, chấp tay, xá chào... tất cả đều phải giữ gìn cho đúng phép tắc, không được cầu thả buông lung tâm ý.

Lược giảng

Khi lạy Phật ta không nên đứng giữa điện Phật, vì nơi đó dành riêng cho vị Trụ trì hoặc là vị Trì sự. Trụ trì theo nghĩa thông

thường là người quản trị đối nội, đối ngoại của một ngôi chùa, có trách nhiệm hướng dẫn đời sống tâm linh cho hàng phật tử tu học đúng theo chánh pháp. Luận về nghĩa siêu việt thì, Trụ trì: Trụ "Pháp Vương" gia, Trì "Nhu Lai" tạng. Nghĩa là ở trong ngôi nhà Pháp Vương và gìn giữ tạng pháp của Nhu Lai.

Nếu có người lễ Phật, mình không được "đứng gần" hoặc "đi ngang qua" trước đầu người lạy. Cả hai đều phạm vào cái lỗi mất vẻ tôn kính.

Khi chấp tay ta nên tránh những cái lỗi: mười ngón so le không bằng nhau. Bụng tay chính giữa. Thọt ngón tay vào mũi. Cao quá hoặc thấp quá. Tất cả đều biểu hiện cái tướng biếng lười. Chấp cho đúng là phải chấp tay ngang ngực (chỗ trái tim).

Sao gọi là lễ bái phi thời? Phi thời là chẳng phải cái giờ mình lễ bái. Bởi ở trong chúng giờ khắc hành lễ được phân định rõ ràng. Những thời khóa lễ, nói chung là mọi sinh hoạt phải nhịp nhàng với nhau. Giờ nào làm theo giờ đó, đúng theo nội quy đã quy định. Bằng làm trái lại đó gọi là phi thời. Không phải giờ mình lễ mà mình tự động lễ bái. Luật cho phép khi nào trong chúng ngủ nghỉ thì mình có thể lễ bái, nhưng phải trình cho vị quản chúng biết.

Tại sao thầy lạy Phật mình không được cùng thầy đồng lạy? Bởi vì mình đứng ngang thầy cùng lạy là vô lễ trái phép. Mình chỉ đứng phía sau cách xa thầy mà lạy thì không có lỗi. Đó là mình khéo biết tôn kính thầy. Khi thầy xá người đối diện, mình cũng không được phép cùng thầy đồng xá. Bởi đồng xá là phạm vào cái lỗi mất tôn ti trật tự. Lớn nhỏ không phân minh, thiếu oai nghi lễ độ.

Ta nên nhớ, trên tay cầm Kinh hoặc tượng Phật, Bò tát thì không được vì người mà xá lễ. Bởi Kinh, tượng Phật trời người đều cung kính, cho nên ta không được xá người.

Trong Kinh có nêu ra bảy cách lạy Phật. Có cách thuộc về sự, có cách thuộc về lý. Và có những cách lạy không đúng phép. Sau đây là bảy cách lạy mà ta cần nên biết.

1. Lạy ngã mạn
2. Lạy cầu danh.
3. Thân tâm cung kính mà lạy
4. Mở trí thanh tịnh mà lạy
5. Thông nhập pháp giới mà lạy.
6. Tưởng chính thiết tu mà lạy
7. Thật tướng bình đẳng mà lạy.

Trong bảy cách lạy trên thì hai cách lạy ngã mạn và cầu danh tuyệt đối, ta nên tránh, vì nó không đúng phép lạy chánh đáng. Còn năm cách lạy sau tuy đúng phép lạy nhưng lại có cao thấp, khó dễ khác nhau. Về bảy cách lạy này, ta cần phải tìm hiểu học hỏi để biết qua.

Câu hỏi:

1. Tại sao ta không được đứng giữa điện Phật để lạy?
2. Hãy cho biết cách chấp tay như thế nào mới đúng?
3. Trong bảy cách lạy, cách nào thuộc về lý và cách nào thuộc về sự và cách nào không đúng cách lạy?

**Đệ Thất
Thỉnh Pháp**

Chánh Văn

Phàm ngộ quái thượng đường bài, nghi tảo thượng đường, mặc đãi pháp cổ đại lôi. Chính lý y phục, bình thị trực tấn. Tọa tất đoan nghiêm. Bất đắc loạn ngữ. Bất đắc đại khái thỏa. Phàm thính pháp, tu văn nhi tư, tư nhi tu. Bất đắc chuyên ký danh ngôn, dĩ tư đàm bính. Bất đắc vị hội xung hội, nhập nhi xuất khẩu. Niên thiếu Sa di, giới lực vị cố, nghi cách học luật, bất đắc tảo phó giảng diên.

Chương 7 Nghe Pháp

Dịch Nghĩa

Phàm gặp bảng treo trên nhà giảng đường, phải sớm lên giảng đường, chớ đợi trống pháp đánh reo mới đến. Sửa sang y phục nghiêm trang thẳng tơi. Ngồi phải đoan nghiêm. Chẳng dặng nói chuyện tạp nhạp. Chẳng dặng ho khạc lớn tiếng.

Phàm nghe pháp phải nghe mà nhớ, nhớ mà tu. Chẳng dặng chuyên nhớ lời hay, để giúp câu văn lý luận. Chẳng dặng chưa tỏ ngộ, nói mình tỏ ngộ, vào tai ra miệng. Ông Sa di tuổi nhỏ, giữ giới chưa chắc, lại phải học luật, chớ nên sớm tới trường giảng kinh luận.

*Người tu Phật phải nên trọng pháp
Pháp lệnh mời sớm đến để nghe
Không nên trễ nải e dè
Chỉn sang y phục đi nghe kịp thời
Khi nghe pháp phải ngồi ngay ngắn
Cũng không nên chuyện vắn, chuyện dài
Nhiếp tâm chú ý miệt mài
Nghe rồi ghi nhớ, nhớ rồi để tu
Tu không học tu mù đáng trách*

*Học không tu đãi sách chưng bày
Pháp âm Phật dạy lời hay
Ta nên ghi nhớ hằng ngày chuyên tu
Đừng viện có lu bu lười biếng
Hoặc cầu danh có tiếng với người
Vào tai ra miệng ai ơi!
Cho mình tỏ ngộ vậy thời tự cao
Giới và Luật trước sau thứ lớp
Học cho rành mới hợp lời răn
Sa di tuổi nhỏ siêng năn
Chuyên cần học hỏi tự răn lấy mình*

Giải thích từ ngữ:

Đoan nghiêm: Đoan là ngay thẳng; nghiêm là nghiêm trang. Thân ngời phải ngay thẳng nghiêm trang.

Tỏ ngộ: Nhận biết rõ ràng không còn nghi ngờ một vấn đề nào đó. Như tỏ ngộ về lý vô thường, vô ngã v.v... hay tỏ ngộ ở nơi bản tâm mình.

Kinh luận: Kinh là những lời Phật dạy được chư Tổ kết tập lại thành văn tự chữ nghĩa gọi là kinh. Kinh nói cho đủ là kệ kinh. Chữ kệ là hợp. Chữ hợp có hai nghĩa: Trên hợp với chân lý; dưới hợp với căn cơ trình độ thời đại, đủ hai nghĩa này gọi là kệ kinh. Còn **Luận** là những lời chư tổ bàn giải rộng thêm trong kinh, gọi là luận.

Đại ý

Bài này chú trọng đến việc nghe pháp. Người nghe pháp phải chú tâm trong khi nghe pháp. Không được lơ là và sanh tâm lười mỏi.

Lược giảng

Nghe pháp cũng là một cách học hỏi trực tiếp qua những lời trình bày của các vị pháp sư. Người nghe pháp nên chú trọng đến những điều: "trước khi nghe, trong khi nghe và sau khi nghe". Trước khi nghe là ta phải vào trong giảng đường đúng giờ đã quy định. Không nên đến trễ và tối kỵ là đến cùng một lượt với vị pháp sư. Như thế thì thật là vô lễ bất kính. Trong thiền môn giờ giấc rất quan trọng. Giờ nghe pháp là phải tập trung đến nghe pháp, không nên làm việc gì khác, mà không đi nghe pháp. Khi đến nghe pháp, ta phải chú ý đến y phục của ta. Phải sửa sang y phục đàng hoàng và oai nghi tề chỉnh. Khi vào bên trong giảng đường ta tìm chỗ ngồi thích hợp, không nên tranh giành chỗ ngồi. Chỉ vì chỗ ngồi mà tranh cãi với nhau thì còn gì là thể thống của người xuất gia. Bởi trong khi nghe pháp không chỉ có riêng người xuất gia không thôi mà còn có cư sĩ vào nghe nữa. Vì thế ta nên cẩn thận ở nơi ba nghiệp. Ta nên ngồi ngay thẳng, để xương sống khỏi phải bị đau nhức. Trong khi nghe ta phải hết lòng chú tâm theo dõi, không được có thái độ cử chỉ bất kính. Không nên nói chuyện nhỏ to làm động tâm người khác. Cũng không được ho, khạc hay ợ ngáp lớn tiếng. Nghe pháp ta phải lắng lòng để tư duy những gì mà vị pháp sư đã nói. Tư duy không chưa đủ mà ta còn phải thật hành những gì mà ta tư duy đúng chân lý. Đó là chánh tư duy. Không phải nhớ để rồi ra ngoài khua môi múa mép, phô trương kiên thức của mình. Học nghe không hành chẳng có lợi ích. Như người chỉ nói thức ăn mà không ăn thì không bao giờ no bụng. Cho nên học và hành phải đi đôi với nhau.

Chưa tỏ ngộ mà tự cho mình tỏ ngộ đó là dối trá gạt người, tội đây rất nặng. Người học đạo cần nên cẩn trọng dè dặt điếm

này. Có người học hiểu lồm bồm, đầu Ngô mình Sở, căn bản không có, vậy mà hay khoe khoang tự hào cho mình thông hiểu Phật pháp, rồi sanh tâm cống cao ngã mạn, mục hạ vô nhơn, khinh người dưới mắt. Thật không biết hổ thẹn! Là Sa di, trước phải học Luật cho rành rẽ, rồi sau mới học đến các Kinh, Luận khác. Muốn xây nhà phải xây nền tảng vững chắc trước. "Giới, Định, Huệ" là ba môn học phải theo thứ lớp. Trong Luật có dạy, người xuất gia năm hạ về trước phải tinh chuyên giới luật, năm hạ về sau mới được thỉnh giáo tham thiền. Đó là học theo thứ lớp vậy. Bài kế tiếp sẽ nói rõ hơn.

Câu hỏi:

1. Cung cách và thái độ của người nghe pháp phải như thế nào?
2. Ba món huệ học là gì? Trong ba món huệ học cái nào quan trọng nhất?
3. Vào tai ra miệng là sao? Lợi và hại như thế nào?

Đệ Bát Tập Học Kinh Điển

Chánh Văn

Nghi tiên học luật, hậu học tu đa la, bất đắc vi việt. Phạm học nhưt kinh, tu tiên bạch sự; kinh hoàn cánh bạch biệt học mỗ kinh. Bất đắc khẩu xuy kinh thượng trần. Bất đắc kinh án thượng bao tàng trà mật tạp vật. Nhơn duyệt kinh, bất đắc cận bi án tiền kinh hành. Phạm kinh tịch tổn hoại, nghi tốc tu bổ. Sa di bổn nghiệp vị thành, bất đắc tập học ngoại thơ, "tử sử" trị thế điển chương.

Phụ Vân: Bất đắc giản "ứng phó đạo tràng" kinh, tập học. Bất đắc tập học ngục tạo kinh điển. Bất đắc tập học mạng thơ, tướng thơ, y thơ, binh thơ, bốc phệ thơ, thiên văn thơ, địa lý thơ, đồ sấm thơ. Nã chí "lư hỏa" "huỳnh bạch". Thần kỳ, quỷ quái, phù thủy, đảng thơ. Bất đắc tập học tuyên quyền dã kệ. Bất đắc tập học ngoại đạo thơ, trừ trí lực hữu dư, vị dục tri nội ngoại giáo thâm thiền giả. Khả dĩ thiện lập, nhiên vật sanh tập học tướng. Bất đắc tập học thi từ. Bất đắc trước tâm học tự cầu công, đản thơ tả đoan giai túc hỷ. Bất đắc ô thủ chấp trì kinh. Đối kinh điển, như đối Phật, bất đắc hí tiêu. Bất đắc án thượng lang tạ quyền diệt. Bất đắc cao thình động chúng. Bất đắc tá nhơn kinh khán bất hoàn, cập bất gia ái trọng, dĩ trí tổ hoại.

Chương 8 **Tập Học Kinh Điển**

Dịch Nghĩa

Trước phải học luật, sau học các bộ kinh, chớ nên vượt bực. Phàm học một bộ kinh, trước phải thưa Thầy, kinh đó rồi lại bạch học kinh chi khác nữa. Chẳng đặng miệng thổi bụi trên kinh. Chẳng đặng trên ghé kinh, để gói trà, cùng các đồ lặt vặt khác. Người coi kinh, ta chẳng đặng đứng gần và đi trước ghé kinh người coi. Bồn nghiệp "Sa di" chưa rồi, chẳng đặng tập học sách ngoài như: sách tử sử và những sách trị đời.

Lời Phụ: Chẳng đặng lựa kinh ứng phó đạo tràng tập học. Chẳng đặng tập học kinh điển ngục tạo, sách coi số, sách coi tướng, sách làm thuốc, sách binh trận, sách thiên văn, sách địa lý, sách "đồ sấm". Nhãn đến chẳng đặng tập học những phép "Lô Hỏa" và phép "Huỳnh Bạch". Chẳng đặng tập học những sách "Thần Kỳ" "Quỷ Quái", sách "Phù Thủy" v.v...

Chẳng đặng tập học vở quyển rập kê. Chẳng đặng tập học sách vở "ngoại đạo" trừ những thầy trí lực có dư, vì muốn biết giáo điển nội ngoại, cao thấp thế nào nên mới trải qua cho biết, song cũng đừng sanh tâm tưởng tập học. Chẳng đặng tập học làm thi. Chẳng đặng quyết lòng viết chữ cho hay, miễn viết nét ngay thẳng là đủ. Chẳng đặng tay như cầm nắm quyển kinh. Đối với kinh điển như đối với Phật, chẳng đặng giỡn cười. Chẳng nên trên ghé pho quyển lộn xộn. Chẳng đặng lớn tiếng động chúng. Chẳng đặng mượn kinh người coi không trả, và không có tâm yêu tiếc đến nỗi hư rách.

*Người học Phật trước sau thứ lớp
Học luật rồi mới học các kinh
Chuyên tâm học tập cho tinh
Kinh nào muốn học phải xin với thầy
Kinh Phật dạy lòng đầy kính trọng
Coi quyển kinh như Phật hiện tiền
Nơi gương Phật Tổ Thánh Hiền
Phải nên kính trọng gieo duyên căn lành
Lời Phật dạy chưa rành nghiên cứu
Suốt cả đời chưa đủ vào đâu
Sách kinh ngoại đạo chớ cầu
Không nên học tập đào sâu làm gì?
Chưa đủ sức làm thi tập loạn
Học cho rành sâu cạn dễ phân
Chánh kiến trang bị ân cần
Phá tà hiển chánh là phần của ta
Người xuất gia thiết tha chánh pháp
Một con đường giải thoát ta đi
Diệt trừ phiền não tham, si...
Tồi tà phụ chánh chẳng ly tác lòng*

Giải thích từ ngữ

Tu đa la: Tiếng Phạn gọi là Tu đa la, Trung Hoa dịch là Kinh. Chữ Kinh cũng có nghĩa là "thẳng tắt" là con đường thẳng tắt trải qua bụi "Tam thừa" và đến quả Niết bàn của đức Phật cho nên gọi là Kinh.

Tử sử: Chữ Tử là sách bá gia chư tử; chữ sử là sách sử các nước.

Ứng phó đạo tràng: Đây là một "khoa nghi" nặng về hình thức, chuyên về việc tán tụng đăm sấm trong các buổi lễ như: "chấn tế cô hồn, vớt vong thủy lục v.v..."

Thiên văn: là những sách chuyên đoán về những hiện tượng ở trên trời: mặt trời, mặt trăng và các vì tinh tú... xuất hiện lành dữ ảnh hưởng đến đời sống của dân chúng trong nước.

Đồ Sám: Là những thứ sách phù hiệp lời sấm. Lời sấm là những lời ghi, để kinh nghiệm đời sau phù hợp không sai vậy.

Lô hỏa và huỳnh bạch: Là những sách nói về những phép thần tiên.

Thần kỳ và quỷ quái: Có phước mà linh hiển thì gọi là thần; không phước mà quái thì gọi là quỷ. Những loại sách nói về việc trừ thần ếm quỷ...

Phù thủy: Những sách đạo phù thủy dạy cách lập đàn cúng vái và vẽ bùa, phun nước...

Đại ý

Học tập kinh điển phải theo thứ lớp và tránh những loại sách ngoại đạo là những loại tà thuyết không nên xem.

Lược giảng

Giới, định, huệ là ba môn học quan yếu mà bất cứ người tu theo Phật giáo nào cũng đều phải trải qua. Giới luật là nền tảng của đạo giải thoát. Cho nên người tu Phật, trước tiên phải học giới và giữ giới. Nhờ "Giới" mới sanh "Định" và nhờ "Định" mới phát "Huệ". Thứ lớp là vậy. Tuy nhiên, nói một cách nghiêm khắc hơn, thì trong Giới có Định và Huệ. Ngược lại cũng thế. Một là ba mà ba cũng là một. Người xuất gia, nhất là Sa di bước đầu học Phật, trước tiên phải học giới rồi sau đó mới nghiên cứu tìm hiểu qua những bộ kinh khác từ thấp lên cao. Học Phật theo thứ lớp căn bản là thế. Tuy nhiên, Sa di vì kiến thức còn nông cạn, chưa đủ để nhận định sâu rộng, nên cần phải bạch trình với thầy, để thầy chỉ dạy nên học kinh nào trước và kinh nào sau.

Câu nói: "Thị Kinh như thị Phật". Nghĩa là thấy kinh như thấy Phật. Do đó, nên phải kính trọng kinh điển, vì đó là những lời Phật dạy. Cho nên, không được dùng miệng thổi bụi trên kinh, vì tránh hai lỗi: miệng hôi và bất kính. Cũng như không được thấm nước miếng lật trang kinh. Đến như đồ cúng dường cho Chúng Tăng, cũng không được dùng miệng thổi. Trên bàn để kinh, cũng không được để những đồ lật vật xen tạp vào. Nếu có người đang tụng, đọc hoặc coi kinh, ta không nên đứng gần hay đi trước mặt người đó. Nếu thế, thì phạm hai lỗi: bất kính và động tâm niệm. Nếu như quyển kinh lỡ bị hư rách thì ta nên tìm cách bồi sửa dán lại. Có người không biết kính trọng kinh sách, khi đọc tụng hoặc coi, họ thường hay bẻ cốp lại làm cho quyển kinh sách bị tỳ vết mất trang trọng.

Tổ nêu bày các loại kinh sách có những nội dung khác nhau: Các sách ngoại điển như: Tử sử, Y dược, Binh thư, Thiên văn, Địa lý, thi từ, thư pháp. Những sách mang tính tà ngoại như: Đoán số mạng, Coi tướng, Bói khoa, Xử quẻ, Đồ sâm, Lô hỏa, Huỳnh bạch, Thần kỳ, Quỷ quái, Phù thủy v.v... Đó là những loại sách mà đối với một vị Sa di chưa có đủ trí tuệ trình độ nhận thức thì Tổ dạy không nên xem qua. Nhất là đối với những loại sách ngoại đạo tà thuyết, đọc vào chỉ thêm rối loạn tâm trí mà thôi. Còn như những sách ngoại điển như đã nói trên, tuy không có hại gì, nhưng đối với những vị Sa di còn trẻ cũng không nên đọc. Tất cả hãy dồn hết thời giờ cho việc nghiên tầm học hỏi giáo pháp. Kinh luật học chưa tới đâu, làm sao có thể nghiên cứu tìm hiểu qua các loại sách khác. Tuy nhiên, khi đã có trình độ học lực khá, thì việc nghiên tầm ngoại điển cũng rất cần thiết. Bởi xã hội ngày nay, khác hơn thời xưa, người xuất gia ngoại việc học hỏi giáo lý ra, còn cần phải học hỏi nhiều bộ môn ngoại điển khác. Sống trong thời đại khoa học tiên tiến, nhu cầu học hỏi không thể đóng khung được, mà phải mở rộng kiến thức qua các lĩnh vực khác. Tuy nhiên, sở trường của người xuất gia trước sau vẫn là lấy việc học hỏi nghiên cứu giáo lý làm gốc, vì đó là chất liệu căn bản của người tu đạo xuất thế vậy.

Câu hỏi:

1. Người xuất gia làm Sa di phải học tập như thế nào mới đúng theo lời Tổ dạy?
2. Tại sao Sa di không được học tập các loại sách không phải là giáo lý? Như thế có bất lợi lắm không?
3. Phải kính trọng kinh điển như thế nào?

Đệ Cửu Nhập Tự Viện

Chánh văn

Phàm nhập tự môn, bất đắc hành trung ương, tu duyên tả hữu biên hành, duyên tả, tiên tả túc, duyên hữu, tiên hữu túc. Bất đắc vô cố đặng "đại điện" du hành. Bất đắc vô cố đặng Tháp. Nhập "điện Tháp", đương hữu nhiều, bất đắc tả chuyển. Bất đắc Điện Tháp trung di thóa. Nhiều Tháp, hoặc tam tráp, thất tráp, nãi chí thập bá tráp, tu tri biên số. Bất đắc dĩ liệt trượng đặng, ý diện bích.

Chương 9 Vào Chùa Am

Dịch Nghĩa

Phàm vào cửa chùa chẳng đặng đi chính giữa, phải theo hai bên mà đi. Theo bên trái chân trái bước trước, theo bên mặt chân mặt bước trước. Chẳng đặng vô cố lên chôn "đại điện" dạo chơi. Chẳng đặng vô cố lên tháp. Vào "điện tháp" phải quanh bên hữu, chẳng đặng quanh bên tả. Chẳng đặng hỉ khạc trong điện và tháp. Đi nhiều tháp hoặc ba vòng, bảy vòng n्हẫn đến mười vòng, một trăm vòng, phải biết số mấy vòng. Chẳng đặng lấy nón gậy, các món dụng vách chùa.

*Chương thứ chín nói vào chùa tháp
Đi vào chùa cửa chánh không nên
Phải đi cánh cửa hai bên
Cửa trái, cửa phải bước lên chân đều
Chôn đại điện tôn nghiêm thờ Phật
Không chuyện gì tránh tạt dạo chơi
Chỉ trừ chánh lễ đúng thời
Mới lên đại điện sáng mới tới chiều
Lên bảo tháp nhớ điều cấm kỵ*

*Không việc gì một tí chớ lên
Có việc phải nhớ đi bên
Tay phải cứ bước chẳng nên trái lời
Đi nhiều tháp tùy thời cho phép
Bao nhiêu vòng rộng hẹp chớ chê
Nhiếp tâm thành ý một bề
Cầu cho muôn loại đồng về bản tâm*

Giải thích từ ngữ:

Tháp: Tiếng Phạn gọi là Phù đồ, dịch là tháp hay bảo tháp. Tháp được kiến tạo qua nhiều chất liệu như chuyên tháp (tháp xây bằng gạch) mộc tháp (tháp xây bằng gỗ), thạch tháp (tháp xây bằng đá), đồng tháp (tháp xây bằng đồng, ngọc tháp v.v... Tháp để thờ Xá lợi Phật hoặc xương cốt...

Đại điện: Điện lớn, tức chỉ cho ngôi Đại hùng bảo điện là nơi để tôn thờ đáng Trung Tôn, Phật Thích Ca Mâu Ni và chư vị Phật Bồ tát khác.

Nhiều tháp: Đi quanh tháp, ba vòng, bảy vòng hoặc nhiều hơn.

Đại ý

Chánh điện và bảo tháp là nơi tôn thờ Phật và Xá lợi Phật hoặc Bồ tát, vô cớ ta không nên dạo chơi, ngoại trừ có việc cần thiết và cho phép thì không lỗi.

Lược giảng

Chùa là nơi tôn nghiêm thờ phụng Tam bảo. Khi vào chùa ta không nên ngang nhiên đi vào cửa chính mà phải đi hai bên

phải hoặc trái. Nếu ta xông xáo đi vào cửa chính thì phạm vào cái lỗi bất kính. Ngày xưa, nơi nha môn, công phủ, những quan chức thấp thì không được đi vào cửa chính. Ngày nay, đa số các chùa đều đóng cửa chính, chỉ chừa hai cửa nhỏ hai bên, có nơi còn đóng luôn hết cả ba cửa. Khi nào có việc cần thiết lắm thì chùa mới mở. Cửa chính phần nhiều là vào các ngày lễ lớn thì người ta mới mở cả ba cửa. Chư tôn đức Tăng, Ni được cung nghinh đi vào cửa chính và các Phật tử đến dự lễ cũng được đi vào. Đó là trường hợp đặc biệt của những ngày lễ lớn.. Ngoài ra, ngày thường thì không có đi như thế.

Chẳng đặng vô cớ lên chốn đại điện dạo chơi. Nói vô cớ là không có duyên sự cần thiết. Bởi đại điện là nơi tôn thờ chư Phật, Bồ tát, không phải là nơi để mình tự tiện dạo chơi. Dạo chơi còn không nên hà hưởng là nằm ngang, nằm dọc trên Chánh điện. Thật là không biết tội lỗi gì cả.

Ngoài điện Phật ra nơi bảo tháp cũng thế. Nghĩa là vô cớ không có duyên sự cần thiết cũng không được tự tiện đi dạo. Khi vào trong điện, tháp, phải đi quanh bên hữu, chẳng đặng đi quanh bên tả. Bởi bên hữu là tiêu biểu cho ý nghĩa kiết tường. Trong nhà Phật thường chú trọng bên hữu hơn là bên tả. Tóc Phật cũng xoay về phía hữu và chữ "Vạn" cũng xoay chiều về phía hữu. Đi kinh hành cũng đi xoay về phía hữu. Trong Luật có giải thích: "Bên hữu gọi là Kiết, bên trái gọi là Hung. Khi đi nhiều thì đi từ Đông qua Nam, thời gọi là hữu nhiều".

Chẳng đặng hỉ khạc trong điện và tháp. Đây là điều cấm kỵ. Hành vi này vừa vô lễ bất kính và cũng vừa mất vệ sinh và phép lịch sự. Không phải riêng gì chùa tháp, là những nơi tôn nghiêm không hỉ khạc đã đành, ở những nơi khác nhất là những nơi công cộng chúng ta cũng cần phải giữ gìn vệ sinh

chung không được khắc nhỏ bùa bái. Người có đức tánh tự trọng không ai làm như thế. Ngoại trừ những kẻ không biết lễ độ và tự trọng. Việc cấm đoán này rất phù hợp với những quốc gia văn minh tiến tiến ngày nay.

Nói đi nhiều tháp ba vòng, bảy vòng, mười vòng hoặc một trăm vòng, đây cũng chỉ là nêu lên con số tiêu biểu tượng trưng mà thôi. Như đi ba vòng là trừ ba độc (tham, sân, si). Còn đi bảy vòng là trừ tội thất chi (thân tam, khẩu tứ) còn đi mười vòng là trừ thập ác...

Điều chúng ta cũng nên lưu ý, theo đây dạy, thì những vật dụng như dù, nón, gậy v.v... đều không được dựng vào vách chùa. Đó là phạm vào cái tội khinh dễ vậy. Người xưa rất kỹ về vấn đề này, người nay vì thiếu hiểu biết nên hay làm càng bướng mà không sợ tội lỗi. Các vị Sa di trẻ tuổi nên cẩn thận ghi nhớ điều này.

Câu hỏi:

1. Tại sao vào chùa không đi vào cửa chính mà phải đi vào cửa hai bên?
2. Khi đi nhiều tháp, tại sao phải đi ba vòng bảy vòng hoặc mười vòng điều này có ý nghĩa gì?
3. Lý do vì sao không được dạo chơi nơi điện tháp?

Đệ Thập Nhập Thiên Đường Tùy Chúng

Chánh Văn

Đơn thượng, bất đắc đầu y bị, tác thỉnh phỉn phong, sử lân đơn động niệm. Hạ sàng mặc niệm kệ vân: Tùng triều

dần dần trực chí mộ, nhứt thiết chúng sanh tự hồi hộ, nhược y túc hạ tán thân hình, nguyện nhữ tức thời sanh Tịnh độ. Bất đắc đại ngữ cao thính. Khinh thủ yết liêm, tu thù hậu thủ. Bất đắc đà hài tác thính. Bất đắc đại khái thấu tác thính. Bất đắc lân đơn giao đầu tiếp nhĩ, giảng thuyết thể sự. Hoặc hữu đạo bạn thân tình tương khán, đường trung bất đắc cửu thoại, tương yên lâm hạ thù biên, nãi khả khuynh tâm đàm luận. Nhược khán kinh, tu thân trừng tâm mặc ngoạn, bất đắc xuất thính. Nhị bản minh, tức nghi tảo tấn đường. Qui vị mặc niệm kệ vân: Chánh thân đoan tọa, đương nguyện chúng sanh, tọa bồ đề tòa, tâm vô sở trước.

Phụ vân: Bất đắc xuyên đường trực quá. Thượng đơn hạ đơn, cu đương tế hạnh, vật linh lân đơn động niệm. Bất đắc đơn thượng tả văn tự, trừ chúng khán kinh giáo thời. Bất đắc đơn thượng, tương tụ bãi trà, dạ tọa tạp thoại. Bất đắc đơn thượng, phùng bồ y bị, bất đắc manh ngoạ, cộng lân đơn thuyết thoại động chúng.

Chương 10 Vào Nhà Thiên Phải Tùy Chúng

Dịch Nghĩa

Trên đơn chẳng đặng giữ áo mền, nổi tiếng bụi bay, khiến người gần đơn động niệm. Khi xuống đơn thăm tướng bài kê rằng: "*Từ sớm giờ dần thẳng đến tối, tất cả chúng sanh lánh giữ mình; bằng ở dưới chơn tan thân hình, cầu người bấy giờ sanh Tịnh độ*". Chẳng đặng cao tiếng nói lớn. Nhẹ tay thả sáo phải dỡ tay sau. Chẳng đặng kéo giày có tiếng. Chẳng đặng ho khạc có tiếng lớn. Chẳng đặng gần đơn dùm đầu kê tai luận nói chuyện đời. Hoặc có bạn học tình thân quen nhau. Trong nhà Thiên chẳng đặng nói lâu, đem nhau dưới rừng bên suối,

mới khá hết lòng luận nói. Bằng coi kinh, phải vững mình, lóng thần, ngẫm xét chẳng đặng ra tiếng. Nghe đánh bả hai, mau phải sớm tới nhà giảng đường. Lúc về đơn, thăm tướng bài kệ như vậy: Thẳng mình ngồi vững, cầu cho chúng sanh, ngồi tòa Bồ đề, tâm không nhiễm trước.

*Vào nhà Thiên phải nên tùy chúng
Mới bước đầu lúng túng chưa quen
Khi nào có giữ áo mền
Chớ nên thô tháo người bên trách mình
Nếu có lỗi chân tình sám hối
Tình đệ huynh chỉ lỗi cho nhau
Nói năng hòa nhã ngọt ngào
Không gì quý giá bằng vào đệ huynh
Khi xuống đơn riêng mình phải nhớ
Lòng từ bi giúp đỡ chúng sanh
Lỡ khi đạ phải thân hình
Nguyện cầu cho chúng vãng sinh tức thì
Khi trao đổi đừng gì to tiếng
Gây ồn ào động chúng không nên
Tình thân luôn giữ cho bền
Nói lâu không tiện kiếm bên vắng người
Ho khạc nhổ chẳng nên lớn tiếng
Kéo giày đi to tiếng khó nghe
Gần đơn ta phải kiêng dè
Giữ gìn hòa khí mới là người khôn
Sống chung nhau cùng tôn trọng kính
Mỗi hành vi thức tỉnh chánh tâm
Tới, lui, đi, đứng, ngồi, nằm
Đừng cho động chúng an tâm tu hành.*

Giải thích từ ngữ

Đơn: Riêng rẽ. Cái đơn làm bằng ván vừa đủ chỉ một người nằm ngủ.

Thả sáo: buông cái tấm sáo xuống để che chắn ở cửa sổ xuống gọi là thả sáo.

Lóng thần: Lóng là lóng lạng các thứ cặn cẩu, chỉ cho những thứ phiền não, để cho thần trí được minh mẫn sáng suốt gọi là lóng thần.

Giảng đường: là cái nhà để giảng pháp.

Tòa Bồ đề: Bồ đề là giác. Tòa là chỗ ngồi. Tòa Bồ đề là chỉ cho chỗ ngồi giác ngộ. Ngồi đâu là có giác ngộ tỉnh thức ở đó.

Nhiễm trước: nhiễm nghĩa đen là nhuộm; trước là dính mắc. Ý nói sáu căn dính mắc đắm nhiễm vào sáu trần.

Đại ý

Ở trong chúng mỗi việc làm đều phải hòa hợp với chúng, không được tự ý làm ngược lại. Đồng thời phải luôn giữ chánh niệm trong mỗi động tác. Nếu làm trái lại trong chúng là phạm vào cái tội phá hòa hợp tăng, một trong năm tội lớn (ngũ nghịch tội).

Lược giảng

Sống tùy chúng là một nếp sống chung có nhiều lợi lạc. Nếu như ta khéo gìn giữ chánh niệm trong mỗi động tác việc làm của ta, thì đâu có gì phải răn nhắc. Ngặt gì ta không giữ được nên mới gây ra nhiều lỗi lầm. Ta nên nhớ rằng điều gì mình không thích, thì chớ nên làm cho người khác phải khó chịu.

Sống trong chúng ta phải hết sức cẩn thận mỗi hành vi động tác của ta. Ta không nên có những hành động thô tháo, vụt chạc, như giữ áo mền cũng phải giữ nhẹ nhẹ, không nên gây tiếng động lớn làm cho người gần bên ta họ bức mình khó chịu. Đó là ta có lỗi và sẽ làm mất đi tình hòa khí, vì hành động vô ý thức bất cẩn của ta. Vì sợ chúng ta luôn sống trong thất niệm, nên chư Tổ thường khuyến nhắc chúng ta bằng những bài kệ. Tất cả những bài kệ đều có công dụng là thức nhắc chúng ta nên phải giữ gìn chánh niệm. Bởi khi mình tập trung tư tưởng nhớ đến bài kệ, thì mọi vọng niệm khác sẽ không có. Đó là cách thức thực tập hay nhất cho chúng ta có được chánh niệm. Có chánh niệm là có an lạc hạnh phúc. Hễ thất niệm là rơi vào đau khổ. Chư Tổ không muốn cho chúng ta rơi vào trong đau khổ. Vì thế, nên chư Tổ mới chế tác ra các bài kệ tụng.

Trong thiền môn, kệ tụng đóng một vai trò rất quan yếu. Khi có chánh niệm rồi, thì những điều thức nhắc kia không cần thiết nữa. Tuy nhiên, vì chúng ta chưa có được chánh niệm, chánh quán trong mỗi hành động, lời nói và việc làm, nên chư Tổ mới thức nhắc chúng ta những điều hệ trọng như thế.

Nói lớn tiếng đó là một thói quen không tốt, mắc phải cái tội làm động chúng. Ai có thói quen này nên điều chỉnh âm thanh lại. Trong khi giảng thuyết thì ta có thể nói lớn tiếng một chút không sao. Vì chúng ta muốn cho mọi người đều nghe rõ những gì ta nói. Tuy nhiên, như thế thì cũng bất lợi cho ta là dễ bị hao hơi tổn tiếng. Trái lại, những lúc giao tiếp nói chuyện bình thường, thì ta nên nói với nhau vừa đủ nghe là tốt. Khi giao tiếp cần nói, ta nên nói lời ái ngữ.

Ta thấy, người đời, có người họ nói chuyện với nhau rất là nhỏ nhẹ, hòa ái êm dịu, huống chi ta là người thích tử thiền

môn mà lại thua họ hay sao? Người có cung cách tu hành, lời nói của họ rất ôn hòa, dịu hiền, từ tốn, nhỏ nhẹ, gây cho người nghe có một cảm giác thật an lạc dễ chịu. Ngược lại, người thô bạo thiếu cung cách tác phong đạo hạnh của người tu, thì lời nói của họ không những lớn tiếng thôï mà còn xuất ngôn bừa bãi câu thả, nói toàn là những chuyện tạp nhạp không đâu vào đâu, thật là không có tác phong oai nghi chi cả.

Có lẽ các chùa xưa thường có treo những tấm màn hoặc tấm sáo, cho nên Tổ mới nói là khi thả sáo xuống phải thả nhẹ nhàng không nên thô tháo vụt chặc. Việc treo sáo đối với trong các chùa hiện nay, không biết có còn hay không, nhưng hầu hết đều có các cửa sổ nên khi đóng các cánh cửa sổ lại, ta cũng phải đóng khép nhẹ nhàng, không nên gây tiếng động.

Thậm chí khi mang giày đi, ta không nên kéo giày có tiếng. Điều này tuy nhỏ nhặt, nhưng ta cũng phải hết sức lưu ý cẩn thận, đừng khinh thường. Vì gây tiếng động làm người khác khó chịu. Khi họ phát sanh phiền não thì mình có tội.

Đến như không được ho khạc to tiếng. Điều này vừa mất vệ sinh mà cũng vừa mất phép lịch sự. Người có chút tự trọng, không ai làm việc này. Nếu có lỡ ho, thì ta nên lấy tay bịt miệng lại, đừng để tiếng ho của ta làm cho người khác phải động niệm. Nhất là những lúc tịnh tọa niệm Phật hay tham thiền, tốt nhất là ta nên đứng lên nhẹ nhàng đi ra ngoài.

Dụm đầu tán hươ tán vượn bàn tán những chuyện bù khú tạp nhạp ở thế gian, điều này tối kỵ của người xuất gia. Còn những điều khác suy ra ta cũng nên gìn giữ cẩn thận. Nói chung là ta phải cố gắng chú tâm vào những việc làm tránh những hành động thô tháo vụt chặc gây cho người khác phải bực bội khó chịu vì mình.

Câu hỏi:

1. Tại sao vào nhà thiên phải tùy chúng? Sống tùy chúng là phải sống như thế nào?
2. Học thuộc lòng các bài kệ có ích lợi gì cho ta? Và công dụng của kệ tụng như thế nào?
3. Tại sao người xuất gia không được nói chuyện lớn tiếng? Và bàn luận những chuyện tạp nhạp ở thế gian?

Đệ Thập Nhứt Chấp Tác

Chánh Văn

Đương tích chúng tăng vật. Đương tùy tri sự giả giáo lệnh, bất đắc vi lệ. Phàm tẩy thể, đương tam dịch thủy. Phàm cấp thủy, tiên tịnh thủ. Phàn dụng thủy, đương để hữu trùng vô trùng. Hữu dĩ mật la lự quá, phương dụng. Nhược nghiêm đông, bất đắc tảo lự thủy, tu đãi nhứt xuất. Phàm thiêu tảo bất đắc nhiên hủ tân. Phàm tác thực, bất đắc đối trao giáp cầu. Phàm khí ô thủy, bất đắc đương đạo, bất đắc cao thủ dương bát. Đương lý địa tứ ngũ thốn, từ từ khí chi. Phàm tảo địa, bất đắc nghịch phong tảo, bất đắc tụ khô thổ, an môn phiến hậu. Tẩy nội y, tu thập khứ cơ sắt phương tẩy. Hạ ngoạt dụng thủy, bồn liễu tu phúc, ngược ngưỡng tức trùng sanh. Bất đắc nhiệt thang, bát địa thượng. Nhứt thiết mẽ miến sơ quả đẳng, bất đắc khinh khí lang tạ, tu gia ái tích.

Chương 11 Giữ Làm Việc Chúng Tăng

Dịch Nghĩa

Phải tiếc của, của chúng Tăng. Phải theo thầy "Tri sự" dạy bảo, chẳng đặng trái cãi. Phàm rửa rau phải thay nước ba lần. Phàm múc nước, trước rửa tay cho sạch. Phàm dùng nước phải chĩnh xem có trùng, không trùng. Như có lầy lượ dày lượt qua mới dùng. Bằng tiết nghiêm đông, trời lạnh chớ nên lượt nước sớm, phải đợi mặt trời mọc. Phàm nhúm bếp chớ nên chum củi mục. Phàm làm đồ ăn, chớ nên để móng tay nhờn. Phàm đổ nước nhờn, chẳng đặng giữa đường. Chẳng đặng cao tay hát đồ. Phải cách đất chừng 4, 5 tấc sẽ sẽ đổ đó. Phàm quét đất, chẳng đặng quét ngược gió, chẳng đặng nhóm bụi đất để sau cánh cửa. Giặt áo trong, phải lượm bỏ rệp rận mới giặt. Tháng mùa Hạ, dùng nước, dùng rồi phải úp chậu xuống, nếu để ngửa ắt sanh trùng. Chẳng đặng nước nóng đổ trên đất. Tất cả gạo, hột, rau, trái v.v...chẳng đặng khinh bỏ bậy bạ, phải sanh lòng yêu tiếc.

*Vật chúng Tăng tiêu xài chớ hủy
Nước muốn dùng xem thử có trùng
Nhớ rằng vật dụng xài chung
Nước trùng phải lượt mới dùng chẳng sao
Lời thầy dạy trước sau ghi nhớ
Phải một lòng giúp đỡ cho nhau
Phàm khi dùng nước rửa rau
Ba lần thay nước rồi sau mới dùng
Khi nhúm bếp không dùng củi mục
Chết mối trùng địa ngục phải mang
Chớ nên đổ nước giữa đường
Hoặc là cao tạt kẻ than người hiền
Khi quét rác sân tiền, sân hậu
Gom gọn gàng bỏ chậu hay thùng
Rác làm phân bón để dùng
Nước nóng chớ đổ lung tung đất bằng*

*Gạo, rau, trái không dùng chớ bỏ
Của Đàn na vật nhỏ công to
Gạo là hạt ngọc trời cho
Chớ nên khinh hủy tội to bằng trời.*

Giải thích từ ngữ

Tri sự: Tri là biết; sự là việc. Người biết hết mọi công việc trong chùa. Tri sự là vị phó trụ trì phụ lực cùng với trụ trì quảng trị mọi việc đối nội, đối ngoại trong chùa.

Đầy lượt nước: Dùng dây kẽm uốn cong thành vòng tròn nhỏ rồi lấy vải mỏng may vào để dùng khi uống hoặc nấu nước.

Trùng: Những loài sâu bọ nhỏ nhít...

Đại ý

Bài này dạy ta, khi làm việc trong chúng, từ việc nhỏ đến việc lớn, ta phải hết sức cẩn trọng gìn giữ oai nghi tế hạnh. Những vật dụng của chúng Tăng hoặc của Tam bảo ta không được dùng riêng hay phí phạm làm tổn hại mà mang trọng tội.

Lược giảng

Tại sao phải tiếc của, của chúng Tăng? Bởi vì vật của chúng Tăng là của chung. Tuy nói là của chung, nhưng trong đó cũng có phần của ta. Vì vậy, ta phải có bốn phận gìn giữ những vật dụng của chung này. Vật của Thường trụ, của Tam bảo, nếu ta xài riêng hoặc phí phạm thì mang tội rất nặng. Nếu vì sự bất cẩn ta lỡ gây ra làm tổn hại mất mát đồ vật của chúng Tăng hay của Thường trụ, của Tam bảo, thì ta phải mau

bạch trình với thầy Trụ trì, hoặc thầy Tri sự để ta tìm cách đền bồi lại. Có thể, thì mới không có tội.

Phàm khi thầy Tri sự (phó trụ trì) có dạy bảo ta điều gì, thì ta không nên chống cãi lại. Ta nên ý thức rằng, mình là Sa di cần phải lưu tâm học hỏi những điều hay lẽ phải, nhất là những công việc trong chùa mà ta chưa biết hết. Vì thế, mỗi khi có thầy dạy thì ta phải lắng nghe để học hỏi và làm theo. Được như vậy, thì ta mới tránh được những lỗi lầm sai trái và mới tiến bộ trên bước đường tu học.

Khi làm việc gì ta nên chú ý cẩn thận việc đó. Như rửa rau, ta phải nhớ thay nước ba lần. Có vậy, thì rau mới sạch. Việc làm này, tuy không có gì nặng nhọc, nhưng nó rất quan trọng. Quan trọng thứ nhất là vấn đề vệ sinh. Nếu rửa không sạch, thì đại chúng dùng dễ gây ra sanh bệnh. Điều quan trọng thứ hai, ta rửa rau là để cho chúng Tăng dùng. Nếu ta làm cẩu thả, mọi người bị bệnh thì tội ta rất nặng. Thế nên, ta phải hết sức cẩn trọng vấn đề này.

Đến như mức nước, trước phải rửa tay cho sạch sẽ. Hoặc là dùng nước, thì phải xem kỹ coi trong nước có trùng không. Trùng nói ở đây là những con vật rất nhỏ như lăng quăng chẳng hạn. Thời xưa làm gì có máy lọc nước như bây giờ. Cho nên, Phật Tổ dạy, trước khi uống nước ta phải dùng lụa mỏng để lượt trùng. Ngày nay, vì có máy lọc nước sát trùng, nên việc lượt nước ít ai dùng đến. Tuy nhiên, người tu hành phải có lòng từ bi với muôn loài chúng sinh. Một vật nhỏ nhít như con trùng, mà ta còn không nỡ sát hại, nói chi đến những loài sinh mạng lớn. Bởi loài vật nào dù nhỏ hay lớn, tất cả cũng đều ham sống sợ chết như nhau. Theo lẽ công bằng, mình biết quý trọng thân mạng của mình, thì các loài vật khác chúng cũng biết quý trọng thân mạng của chúng. Thế thì, vì

tôn trọng mạng sống và bảo vệ mạng sống, mà ta không nên sát hại lẫn nhau.

Tại sao khi nhúm lửa ta không nên chụm củi mục? Lý do là vì củi mục thì có nhiều trùng mối. Nếu như ta chụm thì sẽ giết hại các loài trùng mối đó. Điều này, xét kỹ ta thấy không còn phù hợp với thời đại văn minh tân tiến ngày nay, bởi các chùa (trừ một vài chùa ở các nơi xa xôi thôn quê hẻo lánh, chưa có điện ga thì có thể vẫn còn chụm củi) bây giờ phần nhiều các chùa đều xài bếp ga hoặc bếp điện chớ làm gì còn có chụm củi lửa nữa? Tuy nhiên, thời của Phật và của Tổ thì làm gì có điện ga? Cho nên hầu hết trong các tự viện đều phải chụm củi.

Tại sao khi làm đồ ăn không được để móng tay dài? Bởi để móng tay dài thì dễ bị dính bụi nhơ, cho nên Phật dạy người xuất gia không nên để móng tay dài. Luật dạy: *"Bằng để dính dơ bất tịnh, làm đồ ăn, mắc báo làm Quỷ trong nhà xí"*. Ngoài ra, khi đổ nước ta không nên đổ giữa đường, vì sợ người ta đi qua trượt té, và cũng không được cao tay hát đổ. Đổ nước như thế thật là khó coi và mất oai nghi. Thế nên ta cần đổ thấp và nhẹ tay.

Đến như quét rác, ta cũng phải cẩn thận, không nên quét ngược gió, vì quét ngược gió thì bụi bay trở lại vào mình và cũng không được gom lại thành đống gần bên cửa. Như thế thì bụi bay vào cửa và làm mất vệ sinh. Điều này tuy việc nhỏ, nhưng ta cũng phải chú ý cẩn thận.

Trong những tháng mùa hạ, khí trời oi bức nóng nực, nên những chậu dùng đựng nước, khi xài xong, ta phải nhớ úp chậu xuống, nếu không thì dễ sanh trùng. Điều quan trọng hơn nữa mà ta cần phải nhớ là: *"Tất cả gạo, hột, rau, trái v.v... chẳng đáng coi thường vứt bỏ bậy bạ, phải có tâm yêu tiếc"*.

Đời nay không tiếc của, đời sau nghèo đói không có mà dùng. Những người đói khát khốn khổ đời nay, do vì đời trước họ tiêu xài phung phí quá đỗi, không một chút thương tiếc những vật dụng của Thường trụ Tam bảo. Vì thế, nên họ phải chịu quả báo bần cùng đói khát khốn khổ vậy.

Câu hỏi:

1. Vì sao phải tiếc của, của chúng Tăng và của Thường trụ Tam bảo?
2. Khi làm việc cùng chúng Tăng, ta phải hành xử như thế nào mới đúng?
3. Nếu ta lỡ làm hư hoại vật của chúng Tăng hoặc của Tam bảo, thì ta phải làm gì mà không mang tội?

Đệ Thập Nhị Nhập Dục

Chánh Văn

Tiên dĩ thang tẩy diện, tòng thượng chi hạ, từ từ tẩy chi. Bất đắc thô tháo, dĩ thang thủy tiện lân nhơn, bất đắc dục đường tiểu di. Bất đắc cộng nhơn ngữ tiểu. Nhơn Thiên Bửu Giám vân: Nhứt Sa di nhập dục hi tiểu, toại câm phát thang địa ngục chi báo. Bất đắc tẩy tịch xứ. Phàm hữu sang tiền, nghi tại hậu dục. Hoặc hữu khả úy sang vuu nghi hồi ty miễn thích nhơn nhãn. Bất đắc tứ ý cửu tẩy, phương ngại hậu nhơn.

Phụ vân: Thoát y trước y, an tường tự tại. Dục tiền tiên tẩy tịnh tu tế hạnh, bất đắc dĩ tẩy tịnh thủy, nhập dục phủ. Thang lãnh nhiệt, y lệ khích bang, bất đắc đại oán.

Chương 12 Vào Nhà Tắm

Dịch Nghĩa

Trước lấy nước nóng rửa mặt, từ trên đến dưới từ từ rửa đó. Chẳng đừng lật đật, khiến nước nóng văng nhằm người gần. Chẳng đừng tiều di trong nhà tắm. Chẳng đừng cùng người nói cười: Nhơn Thiên Bửu Giám nói: "Một ông Sa di vào nhà tắm, giỡn cười, liền mắc báo địa ngục nước sôi".

Chẳng nên tắm chỗ khuất. Phàm có ghẻ lác, phải tắm ở sau. Hoặc có ghẻ đáng sợ, phải nên lẩn tránh, khỏi gay mắt người. Chẳng đừng lung ý tắm lâu, mịch lòng người sau.

Lời Phụ: Cởi áo, mặc áo, thong thả bình tĩnh. Khi sắp tắm, nước phải tẩy tịnh và cho kỹ lưỡng. Chẳng đừng lấy nước tẩy tịnh đổ vào trong vò tắm. Nước lạnh, nước nóng, theo lệ đánh mõ chẳng đừng kêu to.

*Vào nhà tắm cần nên lưu ý
Nước nóng dùng rửa kỹ mặt da
Tắm thường ít bệnh cho ta
Kỳ cọ sạch sẽ tránh xa giỡn cười
Siêng tắm rửa biếng lười hôi hám
Đừng để người chẳng dám gần ta
Tiểu giải nhà tắm đó là
Khiến người hôi hám thật là phải kiêng
Trong quyển sách: "Nhơn Thiên Bửu Giám"
Có nêu ra một chú Sa di
Trong khi tắm rửa giỡn cười
Phải sa địa ngục ôi thôi! khổ nạn
Có ghẻ lác mau toan chữa trị
Đừng để người dị nghị khó coi*

*Vì mình kẻ khác xăm soi
Mang tội "phá kiến" hằng soi lại mình
Khi tắm rửa dù cho dùng nước
Chỉ đủ vừa ngó trước dòm sau
Không nên vội vã tắm mau
Xà phòng tắm gội để vào bên trong.*

Giải thích từ ngữ

Tiểu di: Đồng nghĩa với tiểu giải, tiểu tiện.

Lung ý: Buông lung tâm ý không có gì kèm thúc, giống như vượn, khi chuyen nhảy lung tung.

Tẩy tịnh: Rửa rái sạch sẽ

Vò tắm: Cái vò để đựng nước tắm rửa.

Theo lệ: Là theo lệ thường hay làm.

Đại ý

Khi tắm rửa ta cần phải để ý nước nóng nước lạnh và mọi thứ phải tiêu xài chừng mực không nên phí phạm của Tam bảo. Trường hợp có bệnh ghẻ lác, thì phải kỹ lưỡng không nên để người nhìn thấy nhòm góm và tuyệt đối không được tiểu giải trong nhà tắm.

Lược giảng

Tắm rửa là một nhu cầu thiết yếu của thân thể. Người không thường xuyên tắm rửa, ngoài việc hôi hám ra, nó còn gây ra nhiều thứ bệnh hoạn. Nhưng khi tắm rửa ta cần chú ý đến việc

dùng nước. Những vật dụng dùng để đựng nước, ngày nay có khác hơn xưa. Ngày nay, đa số người ta sử dụng nước theo hệ thống phong tên (vòi nước) nên nước rất sạch và không có trùng. Vì nước đã được tinh lọc sát trùng rồi. Tuy nhiên, đối với một số ít các chùa quê hiện nay, người ta vẫn còn sử dụng những đồ chứa nước để tắm. Đây là những chùa, chưa có làm hệ thống dẫn nước.

Tổ dạy khi tắm không nên lật đật, khiến nước văng nhằm người gần, và cũng không được tiêu giải trong nhà tắm.

Tại sao nước văng nhằm người gần? Câu này ta không thấy trong "Sa Di Luật Giải" giải thích. Nhưng ta có thể hiểu nếu mỗi người tắm riêng một nhà tắm, thì làm gì có chuyện văng nước nhằm người khác? Ngoại trừ khi tắm tập thể hoặc hai, ba người tắm chung trong một nhà tắm thì mới có việc đó. Có thể các chú Sa di nhỏ tuổi nên các chú tắm chung với nhau, nên câu dưới Tổ mới dạy là không được giỡn cười. Vì các chú còn nhỏ tuổi nên hay đùa cợt trớ trêu, như là khi tắm chung với nhau. Dẫn chứng trong sách có nêu: Một ông Sa di đi vào nhà tắm, giỡn cười, liền mắc báo "Địa ngục" nước sôi. Chỉ giỡn cười thôi mà còn phải mắc tội như thế, nói chi đến những việc khác. Cũng không được tiêu giải trong nhà tắm. Vì như thế là mất vệ sinh, gây hôi hám làm cho người khác bực mình khó chịu.

Trong trường hợp có bệnh ghẻ lác, thì ta không được tắm chung và phải lánh xa người, đừng để người trông thấy sanh tâm nhòm góm. Tốt nhất là ta nên tắm trước hoặc tắm sau mọi người.

Thường trong nhà tắm có để sẵn nước thơm gội đầu hoặc xà phòng, khi sử dụng các thứ này ta cũng phải tiết kiệm không

nên xài phí nhiều quá mà tổn phúc. Nếu không muốn xài chung, thì ta cũng có thể mua sắm riêng để xài.

Câu Hỏi:

1. Tại sao không được tiểu giải trong nhà tắm?
2. Khi có bệnh ghẻ lác thì ta phải tắm như thế nào?
3. Tại sao giỡn cười trong nhà tắm phải mắc tội đọa Địa ngục nước sôi?

Đệ Thập Tam Nhập Xí

Chánh Văn

Dục đại tiểu tiện tức đương hành, mặc đãi nội bức sáng sốt. Ư trước can thượng, quái "trực chuyết" tập linh tề chỉnh dĩ thủ cân hoặc yêu thao. Hệ chi, nhứt tác kỹ nhận, nhị khủng đọa địa. Tu thoát hoán hài lý, bất khả tịnh hài nhập xí. Chí đương tam đờn chỉ, sử nội nhơn trí, bất đắc hách xúc nội nhơn xử xuất. Dĩ thượng, phục đương tam đờn chỉ, mặc niệm vân: "Đại tiểu tiện thời, đương nguyện chúng sanh, khí tham sân si, quyên trừ tội pháp". Bất đắc đê đầu thị hạ. Bất đắc trì thảo họa địa. Bất đắc cách bích, cộng nhơn thuyết thoại. Bất đắc thóa bích. Phùng nhơn bất đắc tác lễ, nghi trặc thân tị chi. Bất đắc duyên lộ hành, hệ y đới. Tiện tất, đương tịnh tháo thủ. Vị tháo bất đắc trì vật. Tẩy thủ mặc niệm vân: "dĩ thủy quán chưởng, đương nguyện chúng sanh, đắc thanh tịnh thủ, thọ trì Phật pháp". Ấn chú ca ra da tá ha.

Phụ vân: Nhược tiểu giải, diệp yếu thâu khởi y tụ, hựu bất khả trước "thiên sam" tiểu giải.

Chương 13 Vào Nhà Xí

Dịch Nghĩa

Vừa muốn đại tiểu tiện, phải đi liền dừng đê trong thúc lật đật. Ở trên sào tre giắt áo "trục chuyết", xếp cho bằng phẳng, lấy khăn tay, hoặc dây lưng buộc nó. Là nghĩa chi vậy? 1. Làm cho nhớ lấy. 2. Sợ rớt xuống đất. Phải thay đổi giày dép, chẳng nên giày sạch, mang vào nhà xí. Khi đến nhà xí, phải đờn chỉ ba tiếng cho người trong biết, chớ nên hỏi thúc người trong ra cho mau. Lúc lên ngồi trên nhà "xí" rồi, lại phải đờn chỉ ba tiếng, thăm tướng kệ rằng: "*Khi đại tiểu tiện, nguyện cho chúng sanh, bỏ tham sân si, sạch hết các tội*". Chẳng đặng cúi đầu ngó xuống. Chẳng đặng cầm cỏ vẽ đất. Chẳng đặng rán hơi ra tiếng. Chẳng đặng cách vách cùng người nói chuyện. Chẳng đặng nhổ phun trong vách. Gặp người không nên làm lễ, phải nghiêng mình lánh đi. Chẳng đặng đi dọc đường buộc vải áo. Đại tiện rồi, phải rửa tay cho sạch. Như chưa sạch, chẳng đặng cầm vật chi. Rửa tay thăm tướng kệ rằng: "*Dùng nước rửa tay, cầu nguyện cho chúng sanh, đặng tay trong sạch, vưng giữ Phật pháp*". Án chú ca ra da tá ha (7 lần)

Lời Phụ: Bằng tiểu giải cũng phải xắn tay áo lên, và chẳng nên mặc áo "Thiên Sam" (áo tràng) đi tiểu giải.

*Đại tiểu tiện chớ nên chờ đợi
Vừa mắc đi phải tới kịp thời
Nếu không, lật đật khó coi
Khăn áo phải giắt có nơi chỗ dùng
Giày dép sạch cần dùng thay đổi*

*Khi vào cầu phải đổi dép dơ
Gõ cửa nhẹ tiếng đợi chờ
Có người trong đó lặng lẽ bỏ đi
Phép lịch sự ta thì nhớ giữ
Nếu không người ta cứ vào trong
Bài kệ ta nhớ nằm lòng
Tiêu trừ nghiệp chướng mới hòng an vui
Người cách vách nói cười to tiếng
Phạm lỗi làm bàn chuyện thế gian
Gặp người đi ở giữa đàng
Chớ nên làm lễ lánh sang đi liền
Ta nên nhớ trước tiên tẩy thủ
Kệ tướng thâm nhớ đủ đừng quên
Áo tràng mặc tiểu không nên
Luật nghi trái phép phải nên răn chừa.*

Giải thích từ ngữ

Trực chuyết: chiếc áo lở, lưng chừng, gọi là áo vạt khách.

Đờn chỉ: khay móng tay

Rán hơi: ém hơi rặng thành tiếng lớn.

Nhà xí: nhà cầu hay nhà vệ sinh để đi tiêu tiểu.

Đại ý

Khi mắc đại tiện tiện ta phải nên đi liền, vì nếu không thì có những điều bất lợi cho ta, nhất là thiếu oai nghi và sanh bệnh. Trong khi đại tiện ta nên nhớ đến bài kệ để gìn giữ chánh niệm.

Lược giảng

Đại tiểu tiện là một nhu cầu thiết yếu hằng ngày của cơ thể con người. Theo luật tự nhiên đã có mượn vào tất nhiên phải có trả ra. Mượn và trả không lúc nào có thể vắng thiếu được. Tuy nhiên, ở đây chỉ nêu ra vấn đề bài tiết ô uế của thân thể mà thôi. Khi bài tiết cũng cần phải có chỗ nơi cố định. Không nên đung dậu bừa bãi, đó là thiếu văn minh, văn hóa và làm mất vệ sinh gây ô nhiễm môi trường chung quanh. Điều ta nên nhớ là khi mắc đại tiểu tiện, thì phải nên đi liền. Bằng không thì sẽ gây ra những điều bất lợi cho ta. Đó là mất oai nghi bằng thái độ lính quỳnh lật đật và cũng dễ sanh ra bệnh hoạn.

Mỗi khi vào nhà vệ sinh, ta phải mặc áo gọn gàng. Nếu có mặc áo tràng thì ta phải cởi ra và máng hoặc giắt trên móc hay sào. Và khi đi cầu ta nên thay đổi giày dép. Nếu không, thì ta mang giày hoặc dép dơ đi vào trong những nơi tôn nghiêm như pháp đường v.v... thì sẽ mang tội bất kính. Đây là nói khi ta đang ở trong chùa. Còn như khi ta đi ra ngoài hoặc ở nơi giữa đường, thì đâu cần phải thay đổi giày dép. Điều này ta phải khéo biết linh động không nên cố chấp.

Trước khi vào bên trong nhà vệ sinh, ta nên nhớ phải gõ cửa nhẹ chỉ vừa đủ nghe thôi. Nếu có người bên trong gõ đáp lại, thì ta nên sang nhà cầu khác, hoặc phải đứng đợi chờ bên ngoài, không nên hỏi thúc người bên trong. Khi ngồi trên cầu phải nhớ đờn chỉ (khảy móng tay) ba tiếng để đánh thức các loài quỷ chuyên ăn đồ như ế bất tịnh biết để chúng tránh. Đó cũng là lòng từ bi không muốn phẫn như đụng nhằm chúng. Nếu không thì mình có lỗi.

Trong khi ở trên cầu, ta nên tránh những điều sau đây:

1. Không được cúi đầu ngó xuống.

2. Không được cầm bất cứ thứ gì để vẽ làm dơ bản vách tường.
3. Không được rán hơi lớn tiếng làm mất oai nghi. Người nghe chê cười.
4. Không được nói chuyện cùng người bên cầu cách vách.
5. Không được phun nước bọt vào vách hay hỉ mũi khạt nhỏ trong cầu

Đó là năm điều cấm kỵ mà ta cần phải ghi nhớ.

Khi đại tiểu tiện ta nên lưu ý đừng để văng nước tiểu ra ngoài làm ô ố và phải nhớ xả hoặc dội nước cẩn thận. Nghĩa là phải giữ cho nhà cầu được sạch sẽ. đừng để người vào sau nhòm góms mà mình mang tội. Đồng thời phải nhớ rửa tay cho sạch sẽ. Khi đi ra ngoài nếu có gặp người thì ta không nên làm lễ chỉ chào hỏi và nghiêng mình lánh đi.

Câu Hỏi:

1. Tại sao vào nhà xí phải thềm tường bài kệ? Điều này có lợi ích gì?
2. Tại sao lúc lên ngồi trên cầu, phải đờn chỉ ba tiếng? Điều này có ý nghĩa gì?
3. Lý do vì sao trước khi vào cầu phải thay đổi giày dép?

Đệ Thập Tứ Thùy Ngọa

Chánh Văn

**Ngọa tu hữu hiệp, danh "kiết tường" thùy. Bất đắc
ngưỡng phúc ngọa, cập tả hiệp ngọa. Bất đắc dĩ sư đồng
thất, đồng sáp, hoặc đắc đồng thất, bất đắc đồng sáp. Diệc**

bất đắc dĩ đồng sự "Sa di" cộng sập. Phàm quái hài lý tiểu y đẳng, bất đắc quá hơn đầu diện.

Phụ vân: Bất đắc thoát lý y ngoạn. Bất đắc thù thượng sàng, tiểu ngữ cao thính. Bất đắc "thánh tượng", cập "pháp đường" tiên, huê nịch khí quá.

Chương 14 **Phép Nằm Ngủ**

Dịch Nghĩa

Nằm phải nằm nghiêng hông bên phải gọi là ngủ "Kiết tường" (điềm tốt), chẳng đặng nằm sấp, cùng nằm hông bên trái. Chớ nên cùng thầy đồng nhà, đồng giường, hoặc đặng đồng nhà, chẳng đặng đồng giường. Cũng chớ nên cùng "Sa di" đồng sự chung một giường. Phải mang giày dép cùng áo nhỏ v.v... chớ nên khởi đầu mặt người.

Lời phụ: Chẳng đặng cởi áo trong mà nằm. Chẳng đặng ngủ trên giường, cười nói lớn tiếng. Chẳng đặng trước "thánh tượng" và chôn "Pháp đường" xách đồ như đi qua.

*Khi nằm ngủ nằm nghiêng bên phải
Không được nằm hông trái khinh thường
Bên phải điềm tốt Kiết tường
Xoay đầu hướng bắc khác dường Thế Tôn
Phận hầu thầy phải nên tôn kính
Không cùng thầy chung ngủ một giường
Sa di Luật dạy tỏ tường
Phải nên ghi nhớ thuận nhường kính dâng
Chung một nhà ân cần cho phép
Thầy và trò luôn đẹp bên nhau*

*Oai nghi phải nhớ thuộc lòng
Dù là đồng bạn chớ vào ngủ chung
Trước thánh tượng đồ dùng phải sạch
Các đồ như chớ xách đi qua
Bất kính trái phép đó là
Nói cười lớn tiếng phạm mà oai nghi
Dù việc nhỏ khắc ghi luôn nhớ
Áo quần trong chớ cởi lột trần
Mấy điều Tổ dạy ân cần
Gắng công học hỏi sáng ngời huệ tâm.*

Giải thích từ ngữ

Đồng sự: cùng làm chung một việc.

Áo nhỏ: áo lót mặc sát bên trong như áo thun...

Thánh tượng: tượng các bậc thánh như chư Phật và Bồ tát
v.v...

Pháp đường: pháp là giáo pháp; đường là nhà. Nhà giảng
pháp hoặc thật hành các pháp sự.

Đại ý

Bài này dạy về phép nằm ngủ. Khi ngủ nghỉ phải nằm bên
hông phải, vì đó là biểu hiện cho điềm tốt lành và không được
nói cười lớn tiếng hoặc xách đồ như đi ngang qua các thánh
tượng.

Lược giảng

Ngủ nghỉ rất cần thiết cho sự di dưỡng bảo tồn được sức khỏe của con người. Suốt ngày hoạt động tiêu hao rất nhiều sinh lực nên cần phải có thời gian ngủ nghỉ để phục hồi sức lực lại. Tuy nhiên, khi nằm ngủ đối với người xuất gia, Tổ dạy là phải nằm nghiêng bên hông phải biểu trưng cho cách nằm kiết tường. Cách nằm này là y cứ theo cách nằm của Phật. Phật nằm đầu xoay về hướng bắc, tay phải chống gối đầu, thân hình nghiêng bên phải và tay trái để xuôi theo hông bên chân phải. Đó cũng là cách nằm của loài "Sư tử chúa". Lối nằm này để nói lên người xuất gia phải tinh tấn hùng dũng như sư tử vương. Luật dạy: *"Nằm giữa là cách nằm của loài "Tu la". Nằm sấp là lối nằm theo điệu "Nga quý". Nằm hông bên trái là lối nằm theo những người "Tham dục"* .

Thầy Sa di được phép cùng thầy ở chung nhà, nhưng không được ngủ chung giường cùng thầy. Sở dĩ cho ở chung nhà với thầy là vì phòng kẻ bất chánh dâm tà hãm hại. Còn nói không cùng Sa di đồng sự chung giường là sao? Có nghĩa là hai Sa di không được ôm nhau nằm ngủ chung giường. Bởi có nhiều lý do không tốt nên Luật cấm không được ngủ chung.

Không nên máng phơi giày dép cũng như áo quần lót qua khỏi đầu người, việc làm này thật trái phép mất lịch sự thật khó coi. Thậm chí cũng không được cởi hết quần áo lót trong nằm ngủ. Dù có nóng nực khó chịu đến đâu, người xuất gia cũng phải mặc áo quần lót mà nằm ngủ. Tuyệt đối không được cởi trần truồng.

Trước các thánh tượng như tượng chư Phật, Bồ tát, A la hán và các bậc Thầy Tổ, ta không được xách đồ dơ đi ngang qua các Ngài. Đó là điều thất lễ thiếu cung kính tất nhiên là sẽ mang trọng tội vậy.

Câu hỏi:

1. Tại sao ngủ phải nằm nghiêng hông bên phải? Điều này có ý nghĩa gì?
2. Tại sao hai thầy Sa di không được ngủ chung một giường?
3. Tại sao không được máng phơi giày dép và các quần áo lót qua khỏi đầu người?

Đệ Thập Ngũ Vi Lư

Chánh Văn

Bất đắc giao đầu tiếp nhĩ thuyết thoại. Bất đắc đờn câu nị hỏa trung. Bất đắc hồng bồi hài miệt, bất đắc hương hỏa thái cửu, khủng phương hậu nhơn, sảo noãn tiện nghi qui vị.

Chương 15 Phép quanh lò hơi lửa

Dịch Nghĩa

Chẳng đặng giao đầu kê tai nói bậy. Chẳng đặng khay mô hôi như trong lửa. Chẳng đặng hong phơi giày, vớ; chẳng đặng hơi lửa lâu lắm, sợ mịch lòng người sau, nên vừa ấm liền phải về chỗ.

*Bài mười lăm nói về hơi lửa
Trời lạnh nhiều cần lửa để hơi
Mô hôi là thứ ô như
Chẳng cho vào lửa hôi như đến người
Cũng chẳng được nói cười bậy bạ*

*Động tâm người mắc tội không nên
Giữ gìn chánh niệm vững bền
Oai nghi gìn giữ chớ nên sờ sàng
Hơ giầy vớ đàng hoàng cẩn thận
Chớ hơ lâu gây giận người sau
Vừa ấm ta vội đi mau
Mích lòng người khác về sau khó nhìn*

Giải thích từ ngữ

Giao đầu: giao tiếp nói chuyện với nhau.

Kê tai: nói những điều không hay

Đại ý

Bài này nói về việc hơ lửa khi bị lạnh lẽo. Không được hơ lâu làm mích lòng người sau và cũng không được giao đầu kê tai nói bậy dễ sanh phiền não.

Lược giảng

Thường ở các xứ lạnh, việc hơ lửa sưởi ấm rất cần thiết. Điều này đối với thời xưa khi mà khoa học chưa phát minh chế tạo những nhu yếu tiện lợi bằng các loại hệ thống sưởi, thì các chùa nhất là ở các vùng quê xa xôi hẻo lánh, tất nhiên là cần phải đốt lửa để sưởi ấm. Ngày nay việc đốt lửa để sưởi ấm tuy không phổ cập thông dụng như xưa, nhưng một số các chùa ở thôn quê, thiếu phương tiện hệ thống sưởi bằng ga, điện, tất nhiên, người ta cũng vẫn còn sử dụng đốt củi lửa để hơ. Tuy nhiên, điều quan trọng trong bài oai nghi này, Tổ dạy chúng ta là khi hơ lửa không nên giao đầu nói những chuyện tạp nhạp bậy bạ bù khú ở thế gian. Còn việc khảy mồ hôi vào lửa, thiết

nghĩ việc này chắc ít có khi xảy ra. Tuy vậy, ngoài củi khô để đốt ra, nếu chúng ta bỏ vào lửa những thứ gì khác mang tính hôi, khét v.v... khó chịu thì quả thật không tốt cho sức khỏe của ta. Đó cũng là điều mất vệ sinh và gây ảnh hưởng làm ô nhiễm môi trường.

Trong khi dùng củi để đốt, thì chúng ta cũng nên chú ý cẩn thận. Nếu có nhiều người cùng hơi chung một lò lửa, thì chúng ta cũng nên nhường nhịn cho nhau cùng hơi, không được tự mình hơi lâu lắm làm cho người khác phải sanh phiền não bức bối khó chịu. Ta nên nhớ, hơi lửa sưởi ấm tuy là một nhu cầu rất cần thiết cho cơ thể khi bị lạnh rét, tuy nhiên, nếu hơi lâu quá thì cũng có hại cho thân thể và tâm thần. Trong Kinh Phật có dạy: "Hơi lửa có năm việc hại: 1. Khiến người khô nhan sắc. 2. Khiến người mất sức. 3. Khiến người lờ con mắt. 4. Khiến đông rầy rà ồn tạp. 5. Hay luận việc đời".

Đến như giày và vớ là những thứ dơ bẩn, nhất là giày thì ta không nên phơi nó trên cao qua khỏi đầu của chúng ta. Vì như thế thật khó coi.

Câu hỏi

1. Tại sao việc hơi lửa sưởi ấm là một nhu cầu cần thiết cho cơ thể?
2. Trong khi hơi lửa ta phải làm gì để tránh tai hại có thể xảy ra?
3. Tại sao không được phơi giày, vớ cao quá khỏi đầu?

Đệ Thập Lục
Tại Phòng Trung Trụ

Chánh Văn

Cánh tương vấn tẩn, tru trì đại tiếu. Dục tri đặng hỏa nhập, dự cáo phòng nội tri, vân hỏa nhập, dục diệt đặng hỏa, dự vấn đồng phòng nhơn, cánh dụng đặng phủ? Diệc đặng hỏa, bất đắc khẩu xuy, niệm tụng bất đắc cao thình. Nhược hữu bệnh nhơn, đương từ tâm thử chung khán chi. Hữu nhơn thù, bất đắc đả vật tác hướng cập cao thình ngữ tiếu. Bất đắc vô cố, nhập tha phòng viện.

Chương 16 Phép Ở Chung Trong Liâu Phòng

Dịch Nghĩa

Hỏi thăm với nhau, phải biết kẻ lớn người nhỏ. Muốn bùng đèn lửa vào, trước thưa người trong liâu biết, nói đèn vào. Khi muốn tắt đèn, trước cũng hỏi người đồng liâu, còn dùng đèn nữa không? Tắt đèn, đừng lấy miệng thổi, niệm tụng chớ nên lớn tiếng. Bằng có người bệnh, phải sanh lòng thương, trước sau thăm viếng. Có người ngủ chớ nên khua vật vang động, và lớn tiếng nói cười. Chẳng đặng không có, xông vào am phòng người khác.

*Sống cùng phòng ta nên tôn kính
Đừng vì mình bất kính người trên
Lục hòa Phật dạy ta nên
Kính trên nhường dưới đáp đèn với nhau
Khi bùng đèn bước vào phòng khác
Hoặc cùng phòng cũng phải thưa qua
Nếu người đồng ý cho ta
Mới vào không lỗi thật là đệ huynh
Muốn tắt đèn thật tình thưa hỏi*

*Người đồng liêu cùng nói với ta
Bảo rằng cứ tắt đi mà
Thật là lịch sự thiết tha ôn hòa
Tình huynh đệ thật thà thương mến
Cùng sẻ chia thường đến thăm nhau
Thủy chung tình nghĩa trước sau
Vui cười cởi mở rạt rào bi tâm
Vì thành kiến hiểu lầm đau khổ
Nhớ lời vàng Phật Tổ dạy răn
Nếu ai có gặp khó khăn
Ta nên cứu giúp chẳng màn nhọc thân*

Giải thích từ ngữ

Liêu phòng: Nơi chư tăng ni thường ngủ nghỉ.

Đèn lửa: Đèn đốt bằng dầu lửa, khác với đèn điện bây giờ.

Niệm tụng: Niệm là nhớ; tụng là tụng thuộc lòng có âm điệu trầm, bổng, cao, thấp v.v...

Am: Căn nhà nhỏ thường lợp bằng lá hoặc tranh để ẩn tu.

Đại ý

Sống chung với nhau cần phải tương kính và nhường nhịn nhau trong tinh thần Lục hòa. Không nên tự ý làm theo ý mình mà không chút quan tâm đến kẻ khác. Muốn làm điều gì có ảnh hưởng đến người khác thì ta cần phải thưa hỏi trước chớ không nên tự tiện hành động.

Lược giảng

Trong cách hành xử, người xuất gia cần phải biết lễ độ khiêm cung, kính trên nhường dưới, kẻ lớn người nhỏ, và thường viếng thăm vấn an quan tâm sức khỏe cho nhau. Đó là cung cách hành xử rất lịch sự tốt đẹp của người tu. Nhất là đối với trong tình huynh đệ. Ngoài việc hỏi thăm nhau, ta cũng cần chú tâm đến việc tham vấn học hỏi. Đối với các bậc trưởng thượng, am tường Phật pháp, ta nên gần gũi kính thờ học hỏi. Không nên có tâm tự mãn coi thường. Thái độ đó chỉ đem lại thiệt thòi cho ta mà thôi. Trên bước đường tu tập học hỏi, ta luôn cần phải nương thầy bạn. Thầy hiền bạn tốt giúp ta rất nhiều trong sự tu học. Khi có lỗi, được thầy bạn chỉ cho, đó là điều diễm phúc rất lớn cho ta. Ta cần phải sửa đổi ngay. Đó là ta có ý thức và khéo biết làm đẹp đời ta cả hai phương diện thân và tâm.

Khi sống trong chúng, nhất là ở chung cùng phòng, ta nên cẩn thận trong việc hành xử của ta. Từ hành động, thái độ, cử chỉ, đến lời nói, ngay cả đến tư duy của ta, nhứt nhứt ta phải dè dặt không nên buông lung cầu thả. Ta phải tôn trọng lối sống và cách tư duy của người khác. Làm việc gì ta cũng cần cho nhau biết để hoan hỷ thông cảm cho nhau. Tuyệt đối, ta không nên có những hành động hoặc lời nói thiếu chánh niệm. Thất niệm dẫn ta đến sự nứt rạn chia rẽ không vui trong tình huynh đệ. Đó là điều ta cần nên tránh. Như muốn xê dịch hay thay đổi một vật gì đó trong phòng, ta cần nên bàn qua cho những người bạn đồng phòng biết. Xem họ có biểu đồng tình đồng ý cho ta không. Nếu không, thì ta phải tôn trọng ý kiến chung của họ. Đó cũng là một hình thức yết ma trong tăng đoàn.

Sự an ủi thăm lom giúp đỡ lẫn nhau trong lúc bệnh hoạn đau ốm, đó là điều mà huynh đệ sống chung không thể thiếu vắng. Ngay cả Đức Phật còn chăm sóc cho một thầy Tỷ kheo trong lúc đau bệnh không người chăm sóc. Không phải là các huynh

đệ họ không quan tâm hay thờ ơ với nhau. Nhưng vì hôm đó, các thầy khất sĩ khác đều đi khất thực hết, không còn ai ở lại trong tinh xá, nên Đức Phật mới đích thân đến để chăm sóc giúp cho vị thầy đó. Dù là một cử chỉ âu yếm an ủi xoa dịu nhỏ của Phật, vị Tỳ kheo đó cũng cảm thấy mình quá diễm phúc và ấm lòng không thể tả. Cho nên việc chăm sóc đau bệnh cho nhau, là điều rất quan trọng trong tình huynh đệ. Nuôi bệnh cũng là một nghĩa cử cao đẹp và có nhiều lợi lạc công đức của người nuôi bệnh. Một lời nói thăm hỏi, một cử chỉ yêu thương triu mến, một thái độ hoan hỷ quan tâm, cũng đủ để người bệnh cảm thấy rất an lòng và cơn bệnh có thể vượt qua mau chóng.

Khi có một huynh đệ bệnh, người chăm nuôi phải khéo biết dùng lời an ủi khuyên giải mang đến pháp hỷ cho người bệnh. Thái độ và lời nói của người nuôi bệnh thật hết sức quan trọng. Người đến thăm bệnh cũng phải biết tâm lý của người bệnh. Tốt nhất là ta không nên nói nhiều về những công việc Phật sự đã, đang và sẽ làm. Hoặc có những dự tính gì hay những trở ngại gì trong khi điều hành thực hiện công việc v.v... Như thế, thật không có lợi ích gì cho người bệnh cả. Chẳng những không đem đến lợi lạc cho người bệnh mà còn làm cho người bệnh phải tăng thêm những rối rắm phiền muộn nữa. Vì thế, nên người thăm hoặc nuôi bệnh cần phải biết rõ cái tâm lý không hay này. Ta chỉ cần nhắc nhở về pháp tu tập và nhất là giữ chánh niệm thiền quán. Lời thức nhắc cho nhau rất quan trọng trong lúc thăm bệnh. Ta nên ghi nhớ kỹ điều này.

Khi có việc cần gặp mặt người trong phòng, ta phải tỏ ra lịch sự là không được tự nhiên xông vào. Đây là điều vừa vô phép lại vừa không có một chút tự trọng nào cả. Người tự trọng là trước khi vào phòng ai, ta nên báo hiệu cho người trong phòng

biết trước. Như gõ nhẹ vào cửa hay lên tiếng thưa hỏi muốn gặp. Nếu được người trong phòng cho phép thì ta mới đẩy cửa bước vào, bằng người trong phòng không muốn tiếp, thì ta nên tìm cách khéo léo thôi lui, tuyệt nhiên, không chút buồn giận. Vì mình biết là người trong phòng đang bận việc gì đó nên không tiện tiếp mình. Mình nên hoan hỷ thông cảm cho họ. Đó là thái độ hành xử tương kính với nhau rất tốt đẹp vậy.

Câu hỏi

1. Nếu có một huynh đệ bệnh ta phải thăm nuôi như thế nào mới đúng cách?
2. Hành động làm động chúng phải mang tội như thế nào?
3. Muốn vào phòng người khác, ta cần phải làm gì để khỏi có lỗi?

Đệ Thập Thất Đáo Ni Tự

Hữu dị tòa phương tọa; vô dị tòa bất đắc tọa. Bất đắc vị phi thời chi thuyết. Nhược hườn bất đắc thuyết kỳ hảo xứ. Bất đắc "thơ số" vãng lai, cập dã tá tài cát tẩy cán đẳng. Bất đắc thú vị tịnh phát. Bất đắc bình xứ cùng tọa.

Phụ vân: "Vô nhị nhơn, bất đắc đơn tấn; bất đắc bỉ thử tổng lễ. Bất đắc chúc thác "ni tăng", nhập hào quới gia hóa duyên, cập cầu niệm kinh sám đẳng. Bất đắc dữ ni tăng, kiết bái phụ mẫu, tử muội đạo hữu".

Chương 17 Đến Chùa Cô Ni

Có chỗ ngồi riêng mới ngồi; không chỗ ngồi riêng không nên ngồi. Chẳng đặng vì thuyết pháp phi thời. Hoặc lúc về chùa, chẳng đặng nói hình sắc cô Ni đẹp xấu. Chẳng đặng thư từ qua lại, và cây mượn cắt may, cùng giặt nhuộm v.v... Chẳng đặng tay vì cạo tóc. Chẳng đặng chỗ khuất ngồi chung nói chuyện.

Lời Phụ: Không hai người, một mình không nên tới; và cũng đừng kia đây sắm lễ đưa qua lại. Chẳng đặng cùng mấy "Cô" đi tới nhà giàu để xin và thỉnh tụng kinh bái sám v.v... Chẳng đặng cùng mấy "Cô" kết nguyên làm cha mẹ, chị em đạo bạn.

*Đến chùa Ni ta cần phải nhớ
Không chỗ riêng quyết chớ có ngồi
Chẳng nên thuyết pháp phi thời
Về chùa cũng chớ dùng lời khen, chê
Cũng không được rủ rê cây mượn
Hoặc thư từ qua lại không nên
Cắt, may, giặt, nhuộm mình ên
Chớ nên nhờ cậy ân đền với nhau
Tóc tự cạo, nhờ vào kẻ khác
Đều không nên hờn mác giống cười
Tu hành giải đãi biếng lười
Kết tình cha mẹ người cười kẻ chê
Đến nhà giàu rủ rê bái sám
Vì đồng tiền lãnh đám tụng kinh
Làm cho kẻ khác thấy khinh
Đừng vì lợi dưỡng "hạ mình" thế kia
Là Thích tử xa lìa dục lạc
Sống tu hành đạm bạc muối dưa
Mái chùa chung chạ sớm trưa
Luật nghi gìn giữ quyết chừa tham, sân...*

Giải thích từ ngữ

Phi thời: Phi là chẳng phải; thời là thời gian hay giờ khắc. Phi thời là không phải giờ giảng kinh hay ăn uống v.v...

Bái sám: Bái là lễ lạy; sám là đọc tụng bài sám. Bái sám là ý nói trong thời gian cá nhân hay đại chúng hành lễ tụng niệm...

Thuyết pháp: Thuyết là nói; pháp là những lời giáo huấn của Đức Phật. Thuyết pháp là dùng lời thuyết giảng cho mọi người hiểu được những lời Phật dạy.

Đại ý

Đến chùa ni, ta phải biết cương vị của mình để hành xử cho đúng phép tắc lễ nghi của một vị tăng. Tránh những hành động giao dịch qua lại có ảnh hưởng đến việc dục nhiệm không tốt.

Lược giảng

Trong nhà Phật Tăng, Ni, theo luật Phật chế đều có tôn ti trật tự thứ bậc. Chư Ni lúc nào cũng phải kính trọng bên chư Tăng. Một Tỳ kheo Ni ngoài giới luật ra, Phật còn chế thêm "Bát kính pháp". Bát Kính pháp là tám pháp mà chư Ni cần nương tựa vào bên chư Tăng nhờ chư Tăng chỉ giáo bảo hộ. Đó cũng là một nghi cách xứng hợp với phong tục tập quán của xã hội Ấn Độ đương thời. Bởi Ấn Độ thời Phật, nữ giới luôn bị xã hội hà khắc khinh thường bạc đãi. Họ chịu thiệt thòi đủ mọi thứ. Thế nên, nữ giới phải được sự bảo hộ che chở của nam giới. Như vậy, Bát kính pháp là tám pháp mà chư Ni luôn tỏ ra kính trọng chư Tăng và phải được chư Tăng che chở bảo hộ. Chư Ni luôn nương tựa nhận sự chỉ giáo của chư

Tăng trong các pháp sự như: An cư, Bố tát, Tụ tứ v.v... Một cô Ni dù cho có thọ giới lâu năm, nhưng khi gặp một vị Sa di mới thọ giới, thì cũng phải kính lễ theo đúng luật nghi. Tuy nhiên, đối với xã hội ngày nay, cũng như trong tinh thần bình đẳng của Phật giáo, thì các vị Sa di trẻ vẫn phải cung kính đối với các bậc Ni trưởng hạ lạp cao. Đó cũng là một thứ lễ nghi văn hóa tương kính cao đẹp của Phật giáo. Để biểu lộ niềm tương kính đó, nên mỗi khi có việc đến chùa Ni, thì ta nên ngồi đúng chỗ mà chư Ni đã ưu ái sẵn dành. Không được đụng dẫm ngồi đó. Khi chưa được mời ngồi thì ta không nên ngồi.

Thuyết pháp là điều rất quý và cần thiết. Tuy nhiên, không phải đụng dẫm thuyết đó. Thuyết pháp cũng phải có giờ giấc cố định. Nếu thuyết pháp không đúng theo giờ giấc quy định, thì gọi là thuyết pháp phi thời. Khi nào có người thỉnh cầu hoặc có ai hỏi thì ta mới nói. Có thế thì việc thuyết pháp của ta mới có giá trị. Giáo pháp của Phật không phải là thứ hàng tôm hàng cá ế ảm đụng dẫm đâu rao bán đó. Thuyết pháp không đúng thời, đúng cơ, đúng pháp, thì việc thuyết pháp đó trở nên tro trẽn và không có giá trị.

Việc phê bình chê khen người khác là điều tối kỵ của người tu. Hơn nữa, người mà mình chê khen phẩm bình đó lại là phái nữ xuất gia. Điều đó, đối với người có chút tự trọng và biết chút ít tu hành, thì không ai lại làm điều đó. Khi chê khen hay bình phẩm đẹp xấu tất nhiên là ta đã có ý với người đó. Người thật sự tu hành là người chỉ biết nhìn lại lỗi mình mà không nhìn thấy lỗi người. Thái độ vạch lá tìm sâu, bới lông tìm vết, đối với người tu tuyệt đối không nên có. Nhà mình đầy rác rến mà không lo dọn quét cho sạch, cứ xách chổi đi quét nhà thiên hạ, thử hỏi ta nên đánh giá người đó ra sao?

Người đó tốt hay xấu? Chắc chắn hạng người như thế không đánh giá người đó tốt cả. Ta nên nhớ và áp dụng bài thơ này:

*Tôi lo quét lá sân lòng
Tôi không quét lá bao đồng thế gian
Lá lòng còn quá ngổn ngang
Ngày đêm lo quét mới an tâm lòng
Bao giờ hết lá thông dong
Chỉ còn sân trống mới hòng thanh thoi
Bấy giờ mới thật vui chơi
Bấy giờ mới thật thanh thoi an nhàn*

Sự giao tiếp qua lại là điều không có gì xấu. Đó cũng chỉ là một hành động xã giao thông thường. Tuy nhiên, ở đây, Tổ muốn ngăn ngừa sự giao tiếp qua lại như: thư từ gửi bằng email hoặc cắt may, giặt nhuộm áo quần v.v... đối với các vị Sa di ni trẻ hay với người nữ trẻ thì điều này không nên, vì qua lại lâu ngày tất nảy sinh tình cảm không tốt. Việc nhờ vả khác phái cạo tóc điều này chắc là không có xảy ra. Ngoại trừ những người trọng tuổi. Trong lời phụ, Tổ Vân Thê còn khuyên nhắc cảnh báo: "không được đến chùa Ni một mình, không nên trao nhau lễ vật, không được xin tụng kinh cho mấy cô nhà giàu và không được kết duyên làm cha mẹ, chị em đạo bạn..." Những lời khuyên cáo này, tuy là việc nhỏ, nhưng chúng ta cũng không nên xem thường. Người ta chết vì việc nhỏ nhất hơn là việc lớn lao trọng đại.

Câu hỏi

1. Khi đến chùa Ni ta phải làm gì cho đúng phép tắc lễ nghi?
2. Tại sao không được thuyết pháp phi thời? Và thuyết pháp phi thời có lỗi gì?

3. Tại sao Tổ dạy không được giao dịch qua lại thân mật với bên Ni? Điều này còn có phù hợp với thời nay hay không?

Đệ Thập Bát Chí Nhơn Gia

Chánh Văn

Hữu dị tòa đương tọa, bất nghi tạp tọa. Nhơn vấn kinh đương tri thời, thận vật vị phi thời chi thuyết. Bất đắc đa tiểu. Chủ nhơn thiết thực, tuy phi pháp hội, diệc vật thất nghi quý. Vô phạm dạ hành. Bất đắc không thất nội, hoặc bình xứ, dự "nữ nhơn", cộng tọa cộng ngữ. Bất đắc "thơ số" vãng lai đẳng đồng tiền. Nhược tục nghệ tinh thân, đương tiên nhập "trung đường" lễ Phật, hoặc gia đường "Thánh Tượng", đoan trang vấn tẩn, thứ phụ mẫu quyền thuộc đẳng, nhứt nhứt vấn tẩn. Bất đắc hướng phụ mẫu, thuyết sư pháp nghiêm, xuất gia nan, tịch liêu đạm bạc, gian tân khổ huật, đẳng sự Nghi vị thuyết "Phật pháp", linh sanh tín tăng phước. Bất đắc dữ thân tục tiểu nhi đẳng, cửu tọa, cửu lập, tạp thoại hí tiểu; diệc bất đắc vấn tộc trung, thị phi hảo ố. Nhược thiên văn tác túc, đương độc xử nhứt sáp; đa đọa thiếu ngộ, nhứt tâm niệm Phật, sự ngật tức hườn, bất đắc lưu liên.

Phụ vân: Bất đắc tả hữu tả thị, bất đắc tạp ngữ. Nhược dữ "nữ nhơn" ngữ, bất đắc đề thỉnh mật ngữ, bất đắc đa ngữ. Bất đắc trá hiện "oai nghi" giả trang thiên tướng, cầu bỉ cung kính. Bất đắc vọng thuyết "Phật pháp" loạn đáp tha vấn, tự mai đa văn, cầu bỉ cung kính. Bất đắc tổng hợp lễ, hiệu "bạch y" vãng hườn. Bất đắc quản nhơn gia vụ. Bất đắc tạp tọa tửu tịch. Bất đắc thuyết tăng trung quá thất.

Chương 18

Phép Đến Nhà Người

Dịch Nghĩa

Có chỗ riêng mới ngồi, đừng có ngồi bậy. Người hỏi kinh phải biết thời. Dè chớ vì nói phi thời. Chẳng đặng cười nhiều. Chủ nơn đãi bữa, tuy không phải nơi pháp hội nhưng đừng sai phép tắc. Không phép đi đêm. Chẳng đặng trong nhà vắng, hoặc chỗ khuất cùng "nữ nơn" chung ngồi trò chuyện. Chẳng đặng thư từ qua lại, các việc như bài trước. Bằng về tục thăm cha mẹ, trước phải vào trong nhà lễ Phật. Hoặc tượng Thánh trong nhà vững vàng bái xá. Kế chào cha mẹ bà con v.v... mỗi mỗi hỏi thăm. Chẳng đặng về nhà cha mẹ nói phép thầy "ngghiêm khắc", xuất gia khó khăn, đạm bạc, quạnh hiu, nghèo ngặt khổ cực các việc "Phật pháp" cho cha mẹ sanh lòng tin, thêm phước. Chẳng đặng cùng bà con anh em v.v... đứng lâu ngồi lâu nói bậy cười xòa và không đặng hỏi trong họ ai phải ai quấy, ai tốt và ai xấu ... Bằng trời tối, ngủ lại, phải ở riêng một chõng, ngồi nhiều, nằm ít, một lòng niệm Phật, việc rồi liền về, chẳng đặng ở lâu.

Lời phụ: Chẳng đặng liếc ngó hai bên. Chẳng đặng nói bậy. Bằng nói chuyện "người nữ" chẳng đặng nói thì nói thâm và nói nhiều. Chẳng đặng dõi hiện "oai nghi" giả mạo tướng thiên cầu người cung kính. Chẳng đặng quấy nói "Phật pháp", người hỏi đáp bậy, khoe mình đa văn, cầu người cung kính. Chẳng đặng đưa hộp lễ qua lại bắt chước người "thế tục". Chẳng đặng coi ngó việc nhà người. Chẳng đặng chen ngồi trong tiệc rượu. Chẳng đặng kết nguyên với người bạch y làm nghĩa cha , mẹ, chị, em. Chẳng đặng nói việc tội lỗi trong "chúng Tăng".

Đến nhà người ngồi riêng một chỗ
Nếu có ai thưa hỏi nơi mình
Phi thời chẳng được giảng kinh
Phải thời thuyết pháp chớ khinh coi thường
Tu học Phật tình thương trên hết
Giới luật nghi hạnh nét giữ gìn
Dùng lời ái ngữ đẹp xinh
Không nên cười giỡn người khinh chê cười
Được thí chủ cúng dường thọ thực
Phải tâm thành chánh niệm khi ăn
Hoặc cùng người nữ nói năng
Không nên chõ khuất lảng nhãng tư tình
Khi về nhà một mình thăm mẹ
Tỏ lòng thành kính mẹ hỏi thăm
Ấy là chữ hiếu tình thâm
Bà con lối xóm hỏi thăm mỗi người
Nên hiến tặng nụ cười hoan hỷ
Trong tình người chung thủy với nhau
Thăm xong ta phải về mau
Giã từ cha mẹ ân sâu ghi lòng
Đừng nói chuyện "đục trong" nội tự
Bày lỗi người "cự nự" người trên
Đó là những việc không nên
Nhất là nói xấu bậc trên thầy mình
Phải cư xử trong tình hòa khí
Kính nhường nhau chớ nghĩ riêng mình
Học hạnh "Bồ tát Bất Khinh"
Đẹp lòng ngã mạn đẹp tình khiêm cung.

Giải thích từ ngữ

Pháp hội: Nơi tụ họp đông người để nghe pháp hoặc làm các pháp sự khác.

Nghiêm khắc: Hiện ra thái độ bên ngoài nghiêm nghị cứng rắn và tự khắc chế bản thân hoặc hà khắc với tha nhân.

Đạm bạc: Nói về sự ăn uống đơn giản không cầu kỳ, không đòi hỏi những món ngon vật lạ cao lương mỹ vị. Một nếp sống đạm bạc đưa muối qua ngày. Đó là một nếp sống tri túc và giải thoát.

Thế tục: Thói quen của người đời. Nói chung là những con người trần tục ở thế gian.

Đại ý

Khi đến nhà cư sĩ, cần phải giữ lễ nghi phép tắc của một ông thầy, không được có những lời nói hoặc hành động thô tháo, trái phép và khi về nhà thăm cha mẹ cũng phải giữ đúng luật nghi phép tắc.

Lược giảng

Sự sinh hoạt của người xuất gia và người tại gia có nhiều điểm không giống nhau. Khác biệt từ hình thức đến nội dung. Vì thế, nên Tổ Qui Sơn mới nói: "*Người xuất gia tâm hình dị tục*". Hình thức của người xuất gia ngoài việc ăn mặc ra, còn có những oai nghi tế hạnh mà người thế gian không có. Trong bốn oai nghi: "Đi, Đứng, Nằm, Ngồi", nhứt nhứt đều phải giữ gìn cẩn thận. Đến nhà cư sĩ, ta nên để giày dép bên ngoài, không nên tự tiện mang vào. Dù cho họ có nói cho ta mang vào. Tuy người chủ không nói gì, nhưng còn những người khác nhìn mình thật khó coi. Khi vào trong nhà ta không được đụng đầu ngòì đó. Ngòì phải có chỗ nơi. Theo phép lịch sự là phải chờ người chủ nhà mời rồi mình mới được phép ngòì. Vì

khi họ mời, tất nhiên là họ đã dành sẵn chỗ ngồi cho mình rồi. Và khi ngồi ta cũng không được ngồi tréo chân, rung đùi, hoặc lác mình hay nhìn quanh ngó quất v.v... Đó là những hành vi thiếu cung cách và không lịch sự chút nào. Tổ tiên mình có câu nói: "*Ăn coi nôi, ngồi coi hướng*". Câu nói tuy đơn giản nhưng cả một kinh nghiệm trong việc tiếp kỹ xử vật, đối nhơn xử thế.

Trong khi giao tiếp thăm hỏi qua lại, ta phải lựa lời khéo léo mà nói. Tốt nhất là ta nên lắng nghe nhiều hơn nói. Nếu có người hỏi về Phật pháp, thì ta nên tùy nghi mà giải đáp. Chỉ giải đáp vừa đủ để người nghe có thể nhận hiểu được. Nếu nói nhiều quá đôi khi trở thành lạc đề, sống sượng, lộ bịch làm cho người nghe cảm thấy bực mình khó chịu. Vì thế, ta cần phải quán xét trình độ căn cơ của đương sự. Nhất là nên tránh những vấn đề tranh cãi hơn thua. Có đôi khi, người ta chưa thừa hỏi mình câu nào về Phật pháp mà tự nhiên mình đem Phật pháp ra nói huyên thuyên tràng giang đại hải như bắt buộc người ta phải ngồi nghe. Đó là điều tối kỵ nên tránh. Nếu cần, ta chỉ khuyên giải vài lời để cho họ hiểu biết tu hành mà thôi. Người xưa nói ít mà làm nhiều. Người nay thì nói nhiều mà làm ít. Lý thuyết bao giờ nghe cũng hay, nhưng nhìn lại hành động thì chẳng đi tới đâu. Các bậc Cổ Đức thường khuyến nhắc chúng ta là nên "tri hành hợp nhất". Nghĩa là biết và làm phải đi đôi với nhau. Nói hay mà làm dở thì người ta có thể coi thường, ngược lại, nếu chúng ta làm hay mà nói dở thì người ta cũng vẫn kính nể không dám có ý khinh thường. Trong đạo Phật luôn chú trọng nói ít mà làm nhiều.

Đến việc vấn đáp Phật pháp ta cũng phải hết sức cẩn trọng. Không phải hỏi gì cũng đáp. Trong Đại Luật có nêu ra năm hạng người hỏi pháp mà ta không cần phải giải đáp. 1. Hỏi thử (trắc nghiệm trình độ). 2. Không nghi mà hỏi. 3. Không

vì mình dạy bảo chỗ phạm, cố hỏi. 4. Không phục lời nói của mình, cố hỏi. 5. Cật nạn cố hỏi. Đó là năm điều chẳng nên đáp. Ngược lại, nếu có người thật tâm hỏi để tìm hiểu tu học cho đúng theo chánh pháp, thì ta nên vì người đó mà giải bày cặn kẽ để cho họ hiểu mà tu hành làm lành lánh dữ.

Cười là một thái độ biểu lộ tấm lòng hoan hỷ. Điều đó là tốt không có gì cấm kỵ. Tuy nhiên, cũng là nụ cười nhưng biểu lộ có nhiều trạng thái khác nhau. Cười khinh bỉ, cười chế nhạo, cười mỉa may, cười chua chát, cười vô duyên v.v... Tất cả những nụ cười đó không thích hợp cho những người tu nói chung và người xuất gia nói riêng. Người tu cần phải có những nụ cười chân thật và hỷ lạc. Nụ cười phải được xuất phát từ một trái tim cởi mở hoan hỷ tươi mát. Nụ cười đó mới đích thực có giá trị đem lại lợi lạc cho mình và người. Ngược lại, nụ cười giả trá bề ngoài mà trong tâm chất chứa toàn những thứ độc hại, thì nụ cười đó chỉ chuốt thêm khổ lụy mà thôi. *"Bề ngoài thon thót nói cười, mà trong nham hiểm giết người không dao"*. Hạng người nham hiểm ác độc này ta nên tránh xa họ là tốt. Vì đó là những nụ cười giả trá, hiểm độc mang lại cho ta nhiều điều bất lợi vậy.

Trường hợp người chủ có lòng thiết đãi cúng dường phạn thực, thì ta cũng không nên từ khước làm mất tín tâm của họ. Tuy nhiên, khi thọ thực ta cũng phải giữ đúng theo phép tắc lễ nghi như khi dùng bữa trong hội chúng. Chính cái luật nghi hành trì của ta, làm cho họ tăng trưởng tín tâm và nuôi lớn tâm Bồ đề của họ. Tâm Bồ đề là tâm hướng thượng cầu đạo giác ngộ và giải thoát. Ta nên khuyến tấn mọi người nên nuôi lớn cái tâm Bồ đề này. Đó là điều vừa lợi lạc cho mình và cũng đem lại sự lợi lạc cho người.

Luật dạy ta không được đi đêm và cũng không nên cùng người nữ nói chuyện chỗ khuất vắng người. Đây là phòng khi những việc bất trắc xảy ra không hay. Vì ban đêm đi một mình rất là nguy hiểm. Nhất là đối với những nơi không có an ninh. Nếu trong trường hợp cần thiết lắm phải đi, thì ít nhất phải đi hai người. Dù đi bằng xe gắn máy hay đi bộ cũng thế. Tránh nhân thì không có quả. Thời buổi hiện nay, vấn đề an ninh trật tự thật khó bảo đảm. Tốt nhất trời tối ta không nên đi một mình. Đối với người nữ lại càng cần trọng dè dặt hơn. Khi tiếp xúc với người nữ, ta không nên tiếp chuyện chỗ khuất vắng người, vì sợ miệng đời dị nghị tỵ hiềm không tốt cho mình. Hơn nữa, dễ phát sanh tình cảm nam nữ.

Khi có dịp về nhà thăm cha mẹ hay bà con thân thuộc, ta phải chấp tay chào hỏi đàng hoàng. Nếu trong nhà cha mẹ có thờ hình tượng Phật, Bồ tát, thì ta nên xá Phật, Bồ tát trước. Sau đó, mới hỏi thăm chuyện trò với cha mẹ và người thân. Điều ta nên ghi nhớ, trong khi giao tiếp, tuyệt đối ta không nên đem những việc hay dở trong chùa ra nói hoặc phê bình nói xấu những huynh đệ của mình. Hoặc những điều không hay có liên hệ đến cá nhân mình. Vì nói như thế, sẽ làm mất tín tâm của mọi người đối với sự kính trọng Tam bảo, tất nhiên là ta sẽ mang trọng tội. Nếu có ngủ nghỉ lại ban đêm, thì ta cũng phải giữ đúng phép tắc luật nghi theo quy luật ngủ nghỉ ở chùa vậy. Nhất là đối với các em nhỏ không được đùa giỡn cười nói quá trớn sỗ sàng. Người xuất gia đã lìa bỏ tất cả, ngay cả thân bằng quyến thuộc cũng phải xa lìa, như thế, thì không có lẽ gì lại đi kết duyên làm cha mẹ hay chị em với người thế tục. Đó là việc của người đời không phải của người tu hạnh xuất thế. Điều này, tuyệt đối ta không nên có.

Câu hỏi

1. Tại sao người xuất gia phải gìn giữ bốn oai nghi? Như vậy có lợi ích gì?
2. Tại sao không được nói chuyện với người nữ ở chỗ vắng người? Điều này có còn phù hợp với người xuất gia thời nay hay không?
3. Tại sao người xuất gia không được kết duyên với người đời làm cha mẹ hay chị em v.v...? Điều này có lỗi gì?

Đệ Thập Cửu Khất Thực

Chánh Văn

Đương dữ "lão thành" như câu. Nhược vô như câu, đương tri sở khả hành xứ. Đáo như môn hộ, nghi thâm cử thổ bất đắc thất oai nghi. Gia vô nam tử, bất khả nhập môn. Nhược dục tọa, tiên đương chiêm thị tòa tịch; hữu đao binh, bất nghi tọa; hữu bửu vật bất nghi tọa; hữu "phụ như" y bị trang nghiêm đẳng, bất nghi tọa. Dục thuyết "kinh", đương tri sở ưng thuyết thời, bất ưng thuyết thời. Bất đắc thuyết dữ ngã thực, linh nhi đắc phước.

Phụ vân: Phạm "khất thực", bất đắc ai cầu khổ sách. Bất đắc quảng đàm "như quả" vọng bi đa thí. Bất đắc vật sanh tham trước, thiểu đắc vật sanh ưu não. Bất đắc chuyên hướng thực tình thí chủ gia cập thực tình am viện, sách thực.

Chương 19 Đi Khất Thực

Dịch Nghĩa

Phải cùng bực "lão thành" đồng đi, nếu không phải bực "lão thành" đồng đi, thì ta nên biết chỗ nào đáng đi mới nên đi. Đến cửa hàng người, phải thăm xét, chỗ cử thổ (sắp đặt) chớ cho thất oai nghi. Nhà không "con trai" chẳng đặt vào cửa. Hoặc muốn ngồi, trước phải coi chỗ ngồi; có đồ đao binh không nên ngồi; có vật báu không nên ngồi; có "đàn bà" may vá áo chăn v.v... không nên ngồi. Khi muốn nói "Kinh", phải biết thời đáng nói và thời không đáng nói. Chẳng đặt bảo cho ta ăn, khiến người đặt phước.

Lời Phụ: Phạm đi "khất thực" chẳng đặt năn nỉ xin hoài. Chẳng đặt rộng nói "nhơn quả" mong người cúng nhiều. Đặt của cúng nhiều, đừng sanh tâm tham đắm, đặt ít chớ có ý lo râu. Chẳng đặt chuyên tới tình quen, nhà thí chủ và tình quen, chùa am xin ăn.

*Bài mười chín dạy đi khất thực
Khi ra đi có bực lão thành
Nơi nào thực phẩm sẵn dành
Đến nhà "Đàn việt" tâm thành xin ăn
Hạnh khất thực khó khăn chẳng nản
Cúng ít nhiều xứng đáng xét qua
Chớ nên tham đắm kiêu xa
Là điều thất đức khi ta thọ dùng
Nơi binh khí ngồi chung không tiện
Tránh những nơi nhiều chuyện không vui
Bảo vật cũng chớ tới lui
Tình quen thân chủ tới lui thêm phiền
Người xuất gia của tiền chẳng đoái
Còn ham chi thêm phải bận lòng
Nãi phiền gắng dẹp bên trong
Con đường giác ngộ phải xong một đời*

*Tu là phải thành thoi an lạc
Danh lợi nhiều tiền bạc khổ tâm
Vô minh bất giác mê lầm
Con đường sanh tử xa xăm mịt mù.*

Giải thích từ ngữ

Khất thực: Khất là xin; thực là ăn. Khất thực là xin ăn. Trên xin giáo pháp của Phật để nuôi lớn pháp thân huệ mạng. Dưới xin thức ăn của Đàn na thí chủ để nuôi vóc thân tứ đại. Khất thực là một truyền thống có từ thời Đức Phật và vẫn còn lưu truyền các quốc gia theo Phật giáo Nam tông.

Lão thành: Người già trưởng thành có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống. Nhất là cuộc sống trong đạo.

Cử thố: Nêu bày sắp đặt mọi thứ cho có ngăn nắp trật tự thứ lớp.

Thí chủ: Người đứng ra làm chủ cúng thí các thứ thực phẩm và vật dụng cần thiết.

Đại ý

Phép tắc của một vị khất sĩ phải giữ đúng luật nghi không được sai phạm. Trong khi đi cũng như trong lúc thọ thực không được thô tháo làm mất oai nghi.

Lược giảng

Khất thực là một hạnh tu có từ thời Đức Phật. Đức Phật và Tăng đoàn đều đi xin ăn. Vì thế, nên gọi các Ngài là khất sĩ. Theo luật tắc Phật chế, khi đi khất thực phải đi theo thứ lớp

từng nhà. Không được chọn lựa nhà giàu mà bỏ nhà nghèo. Vì còn chọn lựa như thế là làm mất đi cái tâm bình đẳng. Đời sống của người khát sĩ là đời sống cực kỳ đơn giản. Ngày nay, đối với chư Tăng tu theo Phật giáo Nam tông hay Nguyên thủy, thì các Ngài vẫn còn duy trì hạnh trì bình khát thực này. Đó là một truyền thống rất tốt đẹp. Ngược lại, các tu sĩ Phật giáo Bắc tông tức Phật giáo Phát Triển, không có theo truyền thống đi khát thực như Phật giáo Nam tông. Vì khi Phật giáo truyền vào đất nước Trung Hoa, thì đời sống về hình thức có thay đổi. Bởi Trung Hoa là một xã hội nông nghiệp. Do đó, lấy việc canh tác làm trọng. Vì thế mà chư Tăng trong các chùa cũng phải lao tác ruộng vườn mới có thực phẩm để nuôi sống. Cho nên việc đi khát thực không còn phù hợp với một xã hội nông nghiệp.

Đối với Phật giáo Việt Nam vì chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Quốc trải qua hơn ngàn năm bị phương Bắc đô hộ, nên những sinh hoạt trong thiền môn cũng theo cái khuôn khổ của Phật giáo Trung Quốc. Và lại, nước Việt Nam ta cũng là một xã hội nông nghiệp. Nên việc đi khát thực như các nước Phật giáo Nam tông không còn phù hợp nữa. Sau này, có phái khát sĩ do Sư Minh Đăng Quang sáng lập thì chư Tăng, Ni thuộc hệ phái này có đi khát thực. Hiện nay, thì hầu như không còn mang bát đi trì bình khát thực nữa. Vì có nhiều người lợi dụng hạnh tu này để đi xin ăn như là một kế mưu sinh lợi dưỡng của họ. Cho nên, chư Tăng, Ni ở trong các tịnh xá vẫn phải nấu nướng như các chùa Phật giáo Bắc tông. Chỉ có chư Tăng người khmer trong các chùa thuộc miền Tây Nam bộ thì vẫn còn đi khát thực mà thôi. Phải công tâm mà nói, khát thực là một hạnh tu cực kỳ đơn giản đạm bạc và vì thế nên cực kỳ an lạc giải thoát. Nhưng rất tiếc, một phần vì thời thế, hoàn cảnh; một phần vì truyền thống, tập quán, nên việc thực hiện hạnh

tu này rất khó khăn đối với người Tăng sĩ theo hệ phái Phật giáo Bắc tông.

Tuy nhiên, đối với những ai tu theo hạnh này, thì Tổ dạy khi đi không được đi riêng một mình mà cần phải đi với một bậc lão thành. Lý do là vì vị này có nhiều kinh nghiệm già dặn hơn. Nhất là phải tránh những nơi hiểm trở hoặc những nơi không mấy an ninh. Đối với những nơi phố xá bày bán các thứ hàng hóa, tốt nhất là ta không nên đi vào những nơi này, vì nó rất là phức tạp. Xin ăn để nuôi sống qua ngày, chớ đâu phải vì lợi dưỡng mà ta phải năn nỉ xin hoài. Đó là trái với hạnh khát thực rồi. Hoặc là dùng những lời ngon tiếng ngọt hay những chiêu thức khuyến dụ mỹ dân mà mất huyề hoặc thiên hạ để được trục lợi, đây là điều thật tội tệ và làm mất thanh danh uy tín của người tu. Là người còn có chút lương tâm đạo đức tự trọng không ai làm điều này. Trừ phi những kẻ đội lốt khoác lên mình chiếc áo ca sa giả hiệu, vì lợi dưỡng tán tận lương tâm thì họ mới làm điều này mà thôi. Ngoài ra, không ai làm những chuyện thất đức đê hèn tội tệ này cả. Giữa cuộc đời trần tục vàng thau lẫn lộn, người ta cũng dễ bị lường gạt, vì cái tội nhẹ dạ cả tin, nghe đâu chúc đó, nhất là đối với phái nữ dễ bị phỉnh gạt lắm. Người phật tử nên nhớ, từ bi bao giờ cũng phải có trí huệ đi kèm. Có thể thì mới mong tránh bớt những điều sai lầm khi bị những kẻ lợi dụng lòng tin mà thẳng tay lường gạt vậy.

Câu hỏi

1. Tại sao Phật giáo Bắc tông không đi khát thực như Phật giáo Nam tông?
2. Đời sống của một vị tăng sĩ đi khát thực phải hội đủ những yếu tố gì? Và phải đi khát thực như thế nào mới đúng ý nghĩa của nó?

3. Làm sao biện biệt được người đi xin ăn thiệt và người đi xin ăn giả?

Đệ Nhị Thập Nhập Tụ Lạc

Chánh Văn

Vô Thiệt duyên, bất đắc nhập. Bất đắc tri hành. Bất đắc diêu tỹ hành. Bất đắc sát sát bàng thị nhơn vật hành. Bất đắc cọng "Sa di tiểu ni" đàm tiểu hành. Bất đắc dữ "nữ nhơn" tiền hậu hõ tùy hành; bất đắc dữ "Ni Tăng"; tiền hậu hõ tùy hành. Bất đắc dữ "tùy nhơn", "cuồng nhơn" tiền hậu hõ tùy hành. Bất đắc hậu, cố thị nữ nhơn. Bất đắc nhãn giác, bàng khán "nữ nhơn". Hoặc phùng "Tôn Túc", "thân thức", cu lập hạ hàng, tiên ý vấn tẩn. Hoặc phùng hí huyễn kỳ quái đặng, cu bất nghi khán, duy đoan thân chánh đạo ni hành. Phàm ngộ thủy khanh thủy khuyết bất đắc khiêu việt, hữu lộ đương nhiều hành, vô lộ chúng giai khiêu việt tắc đắc. Phi bịnh duyên cập cấp sự, bất đắc thừa mã, nãi chí hí tâm, tiên sách trì sậu.

Phụ Văn: Phàm ngộ "quan phủ", bất luận đại tiểu, cu nghi hồi tỹ. Ngộ đầu tránh giả, diệc viễn tỹ, chi bất đắc trụ khán. Bất đắc hồi tự, "khoa trương" sở kiến, thành trung hoa mỹ chi sự.

Chương 20 Vào Tụ Lạc

Dịch Nghĩa

Không có việc chi cần thiết thì đừng vào tốt hơn. Chẳngặng đi mau. Chẳngặng đi đánh xàng xa. Chẳngặng thường thường, liếc ngó nhơn vật mà đi. Chẳngặng cùng Sa di và trẻ em vừa nói cười vừa đi. Chẳngặng cùng người "nữ" trước sau đắp đôi mà đi; chẳngặng cùng với các "Ni cô", trước sau đắp đôi mà đi. Chẳngặng cùng "người say", "người điên" trước sau đi theo gàn. Chẳngặng đi sau cố ngó "người nữ". Chẳngặng nhướn mắt, liếc ngó "nữ nhơn". Hoặ gặp các bậc "Tôn Túc", hay "bà con" quen biết, đều phải đứng lại một bên đường, trước tính hỏi thăm. Hoặ gặp những việc hi huyễn kỳ kỳ quái quái, đều chớ nên coi, cứ vững mình "thẳng đường" mà đi. Hoặ gặp chỗ nước hầm, nước lở, chẳngặng nhảy qua, có đường phải đi quanh, không đường người đều nhảy qua, ta cũng nhảy thời đặng. Không có bịnh và việc gấp, chẳngặng cỡi ngựa, nhấn đến vui lòng roi quất sãi té.

Lời Phụ: Phạm gặp "quan phủ", không luận lớn nhỏ, đều phải quanh lánh. Gặp người đánh lộn, cũng lánh xa đi, chẳng nên đứng coi. Chẳngặng về chùa khoe khoang thấy những việc "huê mỹ" trong thành.

*Nơi tụ lạc nhiều người đông đúc
Không việc cần chẳng chút vào trong
Khi đi chớ ngó chớ trông
Giữ gìn chánh niệm một lòng mà đi
Lúc đang đi nghĩ suy vô ích
Tránh nói cười gây mịch lòng nhau
Cùng người đi chậm, đi mau
Không cùng "người nữ" trước sau đi cùng
Hoặ "Ni cô" không cùng cất bước
Đắp đôi nhau sấn bước mà đi
Đều là không đúng oai nghi
Phải nên cẩn thận tránh đi tỵ hiềm*

*Bạc Tôn Túc an điềm thừa hỏi
Bà con quen lời nói thăm nhau
Những điều kỳ quái tàu lau
Không nên để ý trước sau ngó nhìn
Gặp hầm nước giữ gìn chó nháy
Tìm cách qua đờ phải nạn tai
Gặp người cãi vã rầy tai
Lánh xa tìm cách đi ngay thẳng đường
Cảnh sắc đẹp tợ dường huê mỹ
Cũng không nên ngắm kỹ để tâm
Cảnh nào cũng chẳng mê làm
Đó là giải thoát chẳng tầm đâu xa.*

Giải thích từ ngữ

Tụ lạc: Tụ là nhóm họp đông đúc; lạc là ở, tức những chỗ có đông người chung nhau nương ở.

Xàng xa: Hai cánh tay đánh tới đánh lui.

Tôn túc: Những bậc có giới hạnh tài đức cao.

Sãi tế: Ngựa chạy nước rút rất nhanh.

Hi huyễn: Hi là nghĩa xướng hát ca ngâm, những nghề hi kịch. Huyễn là làm nghề huyễn thuật, ảo thuật, biến hiện đủ cách gạt người.

Huê mỹ: Những thứ đẹp dễ có sức quyến rũ làm người ta say đắm rất tai hại cho người.

Quanh lánh: Đi quanh lánh qua nơi khác.

Đại ý

Khi đi vào xóm làng, cần phải giữ nghiêm trang, không được liếc ngó người này người kia, hoặc cảnh này cảnh nọ, làm mất oai nghi của một người xuất gia.

Lược giảng

Tụ lạc là chỗ có đông người ở, vô có ta không nên đi vào những nơi ồn ào phức tạp đó. Kinh Phật Thoại nói: "Tỳ kheo ở tụ lạc, dầu thân nghiệp, khẩu nghiệp tinh tấn, chư Phật thường lo; Tỳ kheo ở núi rảnh việc nằm không, chư Phật đều mừng". Bởi thế Cổ Đức thường răn nhắc:

*"Tăng" ở thị thành "Phật Tổ" là
"Tiên hiền" qui vị ẩn non mà
Nguồn trong trên núi "nhơn gian" chảy
"Thanh thủy" trở thành sóng đục ra.*

Khi nào có việc cần thiết lắm thì ta mới đi. Nhưng khi đi ta cần chú ý đến cung cách tác phong oai nghi của ta. Không nên đi quá nhanh vội vàng hay vừa đi vừa chạy hoặc hai cánh tay đánh xàng xa thật khó coi. Tốt nhất là phải đi trong chánh niệm như đi thiền hành. Bởi người xuất gia không có gì phải gấp rút vội vã cả, đừng đi như con ma đuổi. Hành tướng bên ngoài của người tu cũng khá quan trọng. Tổ Qui Sơn dạy: Người xuất gia là người "*Đường đường tăng tướng, diện mạo khả quan*". Tư thái sáng rõ, diện mạo đáng kính. Đi trong chánh niệm thì làm gì có chuyện liếc ngang ngó dọc hay nói cười đùa giỡn.

Đối với người nữ hoặc các cô Ni, ta cũng không nên đáp đối trước sau cùng đi. Vì đi như thế dễ gây ra cho người đời sanh

tâm chê bai ty hiềm. Việc này, đối với thời nay dường như có phần khắc khe, nhưng đó cũng là cách hay nhất để bảo vệ uy tín thanh danh của người tu. Ngoài ra, ta cũng không nên đi chung đường với những người say rượu hoặc những kẻ điên khùng hay mắc bệnh tâm thần. Lời nhắc nhở này, cốt để cho ta tránh những điều tai hại phiền phức có thể xảy ra không tốt cho ta. Bởi họ là những người say, người điên, thì đâu còn tâm trí tinh táo để mà phán đoán biện biệt lẽ phải trái. Cho nên, tránh xa họ là điều an toàn tốt nhất.

Trên đường đi, nếu như có gặp các bậc Tôn Túc hoặc là bà con thân thuộc, thì ta nên dừng lại cung kính chào hỏi lễ độ đàng hoàng. Phải dùng lời khéo léo hỏi thăm rồi từ giã ra đi chớ không nên đứng lâu. Trường hợp có gặp những chuyện kỳ quái ảo thuật, hay những nhà quảng cáo ma thuật, bày trò móc túi người khác, thì ta không được đứng lại coi chỉ nên thẳng đường mà đi. Bởi những thứ trò huyền hoặc đó là chuyện của thế gian, còn ta là người tu thì không nên can dự vào việc đó, chỉ thêm loạn tâm không ích lợi gì. Nếu lỡ gặp những nơi hiểm trở như nước lở thì ta không nên nhảy qua mà phải tìm cách khác để đi qua. Nói nước lở chỉ là một thí dụ điển hình, ngoài ra còn có những thứ nguy hiểm trắc trở khác thì ta nên tránh.

Thời xưa, phương tiện di chuyển còn thô sơ không được tiện lợi như những thứ máy móc thời nay. Do đó, nên mới có việc cỡi ngựa hoặc lạc đà hay trâu bò... Thời nay, thì người ta đi bằng các loại xe gắn máy, xe hơi, tàu bay v.v...nghĩa là sự di chuyển với tốc độ nhanh hơn gấp trăm ngàn lần. Vì thế, nên Tổ mới nói nếu không có việc gấp thì không được cỡi ngựa. Như vậy, nếu không có việc gấp thì chắc chắn là phải đi bộ. Cỡi ngựa còn không được thì nói gì đến đi các loại xe tối tân khác. Người tu sĩ thời nay, thì có khác. Phải nói đại đa số

người tu sĩ Phật giáo Bắc tông (Phát triển) lái xe gắn máy thứ xịn đắt tiền hoặc các loại xe hơi đắt giá chạy ào ào trên đường phố. Điều này ta thấy mỗi thời, mỗi khác, vì thời đại của Tổ cách nay hơn bốn trăm năm thì làm gì có các loại xe tối tân như thế? Nếu như có, thì không biết Tổ có cấm ngăn hay không?! Chắc là không thể nào cấm được. Nếu có cấm, thì người ta sẽ đưa ra nhiều lý luận biện hộ nào là phương tiện phải thích nghi theo thời đại mới, không thể lùi lại của các thời đại xa xưa được. Đúng quá! Thế là không còn gì phải nói. Đồng ý là phương tiện phải thích nghi với thời đại, nhưng có đôi khi chúng ta đã đi quá xa, vượt quá giới hạn, thiếu oai nghi phong cách của một người xuất gia. Đã là phương tiện, thì xe nào đi không được đâu cần gì phải là các thứ xe thật đẹp đắt tiền, đắt giá mới được. Điều này, mỗi người tự xét thì biết, thiết nghĩ không cần phải luận giải dài dòng. Bởi càng luận giải thì càng thêm mịch lòng. Lời ngay trái tai là thế ấy!

Câu hỏi

1. Một tăng sĩ khi đi vào xóm làng phải như thế nào mới không có lỗi?
2. Tại sao không được phê bình chê khen xấu tốt bên chùa Ni? Việc bình phẩm chê khen có lỗi gì?
3. Tại sao không được kết tình nghĩa làm cha mẹ hay chị em? Điều này có tác hại gì?

Đệ Nhị Thập Nhứt Thị Vật

Chánh Văn

Vô tránh quý tiện. Vô tọa nữ tứ. Nhược vi nhơn sở phạm, phương tiện tị chi, vật tùng cầu trị. Di hứa "Giáp" vật, tuy phục cánh tiện; vô xả bỉ thủ thử, linh chữ hữu hận. Thận vô bảo nhậm, tri khiên phụ nhơn.

Chương 21 Đi Chợ Mua Đồ

Dịch Nghĩa

Không nên kéo nài mắc với rẻ. Chớ ngồi hàng con gái. Hoặc bị người lấn giành, phải phương tiện lánh đi đừng theo trả giá. Đã hứa mua vật của người trước, người sau tuy có rẻ hơn, cũng đừng bỏ kia mua đây, khiến người chủ có giận. Dè chớ bảo lãnh người mắc nợ nần.

*Khi vào chợ nếu cần mua sắm
Đạo đi qua nhìn ngắm mặt hàng
Mua theo giá định đàng hoàng
Chẳng chê mắc rẻ món hàng lựa mua
Cũng không được phân bua trả giá
Hoặc ngồi lâu hàng hóa nữ nhơn
Bị người giành lấn thiệt hơn
Lánh đi nơi khác chẳng hờn trách chi
Đã hứa rồi quyết thì chẳng bỏ
Dù rẻ hơn chứng tỏ thật lòng
Đừng gì coi trọng bạc đồng
Làm cho người giận khó hòng an vui
Người xuất gia dưỡng nuôi chánh niệm
Quyết giữ gìn ba nghiệp sạch trong
Nợ nần chớ lãnh vào tròng
Lắm điều phiền toái khó hòng an tâm.*

Giải thích từ ngữ

Kèo nài: Kèn cựa nài xin. Kèo nài mãi cho kỳ được mới thôi.

Phương tiện: Phương pháp tiện lợi. Tạo ra một phương pháp tiện lợi nào đó để đạt được mục đích.

Trả giá: Hạ thấp giá đã định. Cò kè bớt một thêm hai.

Đại ý

Có dịp vào chợ mua đồ, ta cần phải giữ gìn cẩn thận từng lời nói, thái độ, cử chỉ oai nghi của một ông thầy. Vì chỗ đông người tới lui qua lại, có rất nhiều nhiều cặp mắt để ý đến mình. Nên phải cẩn trọng mọi việc đừng để sai phạm.

Lược giảng

Khi vào chợ mua đồ ta không nên trả giá cò kè như người đời. Nếu đã so sánh thấy giá cao quá thì ta nên tìm cách từ khước để đi chỗ khác. Ngày nay có nhiều siêu thị bày bán các mặt hàng họ đều có định giá sẵn. Thói quen của người Việt mình là mua bất cứ vật phẩm nào dù lớn hay nhỏ cũng đều có trả giá. Việc trả giá, đối với người Tây phương thì đây là điều mới lạ đối với họ. Tuy nhiên, vì sống chung qua lại với người Việt lâu ngày nên họ cũng đã biết thói quen của người mình. Họ biết mình hay trả giá, nên mỗi món hàng hóa thay vì họ bán với giá chắc chắn là 10 đồng, thì họ phải nói giá là 20 đồng chẳng hạn. Khi mình trả 15 đồng thì họ có lời thêm 5 đồng. Còn nếu mình trả đúng 10 đồng thì họ sẽ bán ngay, tất nhiên là họ cũng đã có lời trong đó. Đã nói là buôn bán thì việc trả treo thấp cao giá cả không sao tránh khỏi. Tuy nhiên, hiện nay đối với các siêu thị lớn ở các quốc gia khắp nơi trên

thế giới, tất cả những loại mặt hàng đều có định giá sẵn. Chiu thì mua, không thì thôi. Tuyệt đối không có vấn đề kèn cựa trả giá như những mặt hàng bán lẻ các nơi khác. Đối với người xuất gia, tuy không có cò kè kèn cựa trả giá như người đời, nhưng không phải vì thế mà họ nói sao mua vậy. Phải tùy theo món đồ mà ta đã biết rõ giá cả. Có nhiều người buôn bán họ lợi dụng chỗ thật thà của người tu, mà họ dùng miệng lưỡi chặt chém ngọt sớt không một chút áy náy ngượng ngùng, miễn sao có lợi cho họ thì được. Đó là nói những người không có lương tâm đạo đức, đa số là như vậy. Bản thân của chúng tôi cũng đã từng bị như thế. Cho nên, khi đi mua sắm đồ thì ta nên cẩn thận là hơn. Còn không thì cũng dễ bị lừa gạt mất tiền mà không hay biết. Ta nên nhớ buôn bán là nghề nghiệp kiếm ăn của họ, không phải ai cũng có lương tâm nghề nghiệp đạo đức, đặt tình người lên trên hết đâu. Nói thế, không có nghĩa là chúng ta quơ đũa cả nắm. Có những người họ cũng nói đúng giá cả rất thật thà đối với người xuất gia. Dù họ không phải là phật tử, nhưng họ cũng biết sợ nhân quả tội lỗi. Cho nên, đối với người xuất gia họ không dám có thái độ lường gạt hay nói thách cao giá.

Chợ búa là nơi đông đúc kẻ qua người lại, biết bao nhiêu cặp mắt nhìn ngó. Chỉ cần ta có những thái độ cử chỉ hoặc lời nói thiếu lịch sự tác phong đạo đức của người tu, thì họ cũng có thể rêu rao bày lỗi bêu xấu ta. Nhất là ta gần gũi lân la chuyện trò đùa cợt với phái nữ. Đó là điều họ chú ý đến ta nhiều nhất. Vì thế, nên Tổ nhắc nhở ta chớ nên ngồi vào hàng con gái buôn bán. Đó là phương cách tránh tiếng chê bai tỵ hiềm của họ. Đồng thời, cũng không làm mất tín tâm của họ. Cho nên khi vào nơi chỗ đông người ta phải lưu tâm đến vấn đề này.

Trường hợp ta đứng lựa mua đồ và đang tính về giá cả, bỗng có người đến trả giá giành mua với ta, thì tốt hơn hết là ta nên

tìm cách khéo léo xin lỗi người chủ bán để đi nơi khác. Vì ta không muốn tranh giành với họ. Đó là ta tránh sự phiền phức xảy ra không hay cho ta và cho họ. Đối với người tu, nhất là đối với người xuất gia thì chữ "Tín" rất là quan trọng. Khi đã trót hứa với ai điều gì thì ta không nên nuốt lời. Thất hứa là điều tối kỵ không nên có. Khi nói ra hứa với ai điều gì thì ta phải làm cho tròn lời hứa. Nếu như vì một lý do nào đó mà ta không thể thực hiện được lời hứa, thì ta nên trực tiếp xin lỗi người mà ta đã hứa. Đó là ta khéo bảo vệ uy tín của ta. Khi người ta đã mất niềm tin ở nơi mình, thì dù mình có nói hay đến đâu người ta cũng không còn tin tưởng nữa. Thế là việc giáo hóa của ta sẽ bị mất niềm tin ở nơi mọi người. Điều này rất quan trọng ta không thể xem thường được. Vì vậy, mà ở đây ta thấy Tổ đã nhắc nhở ta khi đã hứa mua của người trước, người sau tuy có bán rẻ hơn, cũng đừng bỏ kia mua đây, khiến người chủ nổi giận. Dù đây chỉ là việc nhỏ trong việc mua bán, nhưng nó nói lên cả cái uy tín của mình. Đã hứa thì không thể thất hứa. Ở đời, người ta hay coi thường việc hứa này. Người có chút tự trọng họ không thể coi thường lời hứa. Lời họ hứa như đinh đóng cột. Lắm người chỉ biết hứa suông hứa cuội, hứa cho qua lè, thật lòng thì họ không có quan tâm tới. Đối với những người này ta nên tránh xa họ là tốt. Vì họ không xứng đáng để cho ta tin tưởng.

Điều sau cùng, Tổ cũng nhắc nhở chúng ta là không nên đứng ra bảo lãnh vấn đề nợ nần. Người xuất gia mà làm việc này thì thật là trái với lẽ đạo lý giải thoát. Người xuất gia là người dứt bỏ mọi thứ ràng buộc để được thanh thoi an lạc giải thoát. Thế mà còn vướng vào việc nợ nần hoặc bảo lãnh những người đã mắc nợ thì còn gì là hạnh tu giải thoát? Ngày nay, có người còn cho kẻ khác vay nợ tính lời, thế thì còn gì là người tu hạnh xuất thế! Việc làm này vừa trái với đạo lý giải thoát, lại

vừa mất hết phẩm chất cao thượng của người tu. Thật là đáng tiếc thay!

Câu hỏi

1. Tại sao không được kèo nài trả giá mắc rẻ? Như thế có phải thiệt thòi cho mình lắm không?
2. Có phải ai bán rẻ mình mua bất cần lời hứa hay không? Tại sao phải giữ lời hứa?
3. Tại sao không được bảo lãnh những người mắc nợ nần? Nếu bảo lãnh thì có tai hại gì?

Đệ Nhị Thập Nhị Phàm Sở Thi Hành, Bất Đắc Tự Dụng

Chánh Văn

Phàm xuất nhập vãng lai, đương tiên bạch sự. Tác tân pháp y, đương tiên bạch sự. Trước tân pháp y, đương tiên bạch sự. Thế đầu đương tiên bạch sự. Tật bệnh phục được, đương tiên bạch sự. Tác "Chúng Tăng" sự, đương tiên bạch sự. Dục hữu tự cụ bút chỉ chi bối, đương tiên bạch sự. Nhược phúng khởi kinh bối đương tiên bạch sự. Nhược nhơn dĩ vật huệ thí, đương tiên bạch sự dĩ, nhiên hậu thọ. Kỳ vật huệ hậu thí nhơn, đương tiên bạch sự, sự thính nhiên dĩ. Nhơn tùng kỳ giả tá; đương tiên bạch sự, sự thính nhiên hậu dĩ; kỳ vật tùng nhơn tá vật, đương tiên bạch sự, sự thính đắc khứ. Bạch sự thính, bất thính, giai đương tác lễ, bất thính, bất đắc hữu hận ý.

Phụ vân: Nãi chí đại sự, hoặc du phương; hoặc thính giảng; hoặc nhập chúng; hoặc thú sơn, hoặc hưng duyên sự, giai đương bạch sự, bất đắc tự dụng.

Chương 22

Phàm Chỗ Ra Làm, Không Đặt Tự Ý

Dịch Nghĩa

Phàm khi ra vào qua lại, trước phải thưa thầy. Sắm pháp y mới, trước phải thưa thầy. Mặc pháp y mới, trước phải thưa thầy. Cạo đầu trước phải thưa thầy. Tật bệnh uống thuốc, trước phải thưa thầy. Muốn có riêng sắm món giấy viết chi, trước phải thưa thầy. Phàm muốn tụng kinh kê chi, trước phải thưa thầy. Hoặc người đem vật cho mình, trước phải thưa thầy rồi, vậy sau mới thọ. Hoặc của mình muốn cho người khác, trước phải thưa thầy, Thầy ừ vậy sau mới cho. Người đến mình cậy mượn vật chi, trước phải thưa thầy, Thầy ừ vậy sau mới cho; mình muốn theo người cậy mượn vật chi, trước phải thưa thầy, Thầy ừ mới đặt đi. Thưa thầy cho cùng chẳng cho, đều phải làm lễ; thầy không cho cũng chẳng đặt có ý buồn.

Lời Phụ: Những đến việc lớn; hoặc đi du phương; hoặc đi nghe kinh; hoặc đi nhập chúng; hoặc đi giữ vườn, hoặc muốn xây dựng việc chùa chiền v.v... đều phải thưa thầy, chẳng đặt tự ý.

*Muốn làm gì trước cần thưa thỉnh
Ta không nên tự ý làm càng
Thưa thầy một cách nghiêm trang
Được thầy cho phép đàng hoàng làm theo
Mọi việc làm tuân theo phép tắc
Việc riêng mình cần nhắc việc chung
Vật gì mình muốn cần dùng
Thưa qua thầy biết phục tùng kính dâng
Thầy chỉ dạy ân cần lưu ý*

*Muốn nên người lập chí trung kiên
Luật nghi phép tắc cửa thiền
Phải nên tuân thủ người hiền dễ thương
Dù việc nhỏ am tường học hỏi
Phép thờ thầy theo dõi từng ly
Việc gì cũng phải nghĩ suy
Nói năng hành động luật nghi giữ gìn.*

Giải thích từ ngữ

Du phương: Du là đi; phương là hướng. Đi nơi này nơi kia tìm các bậc thiện tri thức chỉ dạy để mình nương tựa học hỏi thì gọi là du phương.

Giữ vườn: giữ gìn tre cây hoặc các loại cây trái v.v... của chùa không để bị mất mát.

Nhập chúng: Nhập là vào; chúng là số đông. Nhập chúng nghĩa là vào trong Tăng chúng để cùng nhau tu học và gìn giữ sáu phép Lục hòa.

Đại ý

Phàm làm bất cứ điều gì trước phải thưa trình cho thầy biết và được thầy cho phép thì mới được làm. Không được tự tiện làm theo ý mình và cũng không được làm trước rồi thưa với thầy sau. Đó là điều vô lễ phải tránh.

Lược giảng

Là Sa di ta chưa đủ trình độ nhận thức những điều đúng sai, phải trái, hay dở v.v... vì thế nên mọi việc ta phải bạch trình qua cho thầy biết. Thầy là người hướng dẫn trực tiếp đời sống

tâm linh đạo đức của ta. Cho nên mọi việc ta phải trình thầy. Dù việc lớn hay nhỏ ta cũng không được tự ý làm. Theo Luật dạy trừ 5 việc không thưa thầy thì không có lỗi: 1. Nhãn nhàn dương. 2. Uống nước. 3. Khi đại tiện. 4. Đi tiểu tiện. 5. Lễ Phật hoặc lễ tháp trong phạm vi của chùa. Ngoài năm việc này ra còn các việc khác đều phải thưa với thầy. Sắm y mới hoặc mặc y mới đều phải thưa thầy. Nếu có bệnh cần đến thầy thuốc hoặc muốn uống thuốc gì, không phải thầy thuốc cho, đều phải thưa qua cho thầy biết. Không được tự ý dùng thuốc. Vì rất nguy hiểm khi chưa biết thuốc đó trị bệnh gì. Điều này các chú Sa di trẻ tuổi cần phải cẩn trọng lưu ý. Nếu lỡ uống làm thuốc không đúng bệnh thì có thể gây ra nguy hiểm cho tánh mạng.

Ở trong chúng, ta phải tôn trọng đại chúng, không được tự chuyên tự hành làm theo ý mình. Trong thiền môn mỗi mỗi đều có quy luật phép tắc, mọi người đều phải tuân hành theo. Nếu làm những điều gì ngoài nội quy đã quy định, thì ta phải bạch trình cho thầy hoặc những người có trách nhiệm hướng dẫn trong chúng biết. Khi nào được những vị đó cho phép thì ta mới làm. Những gì thuộc của chung trong chùa, trong chúng, mình muốn sử dụng riêng thì đều phải xin phép không được tự ý sử dụng làm càng. Nếu làm càng không xin phép thì mình sẽ có lỗi với đại chúng. Đối với những vật dụng của Thường trụ, của chúng tăng mình không nên chiếm hữu xài riêng. Phạm điều này mang tội rất nặng. Là Sa di ta chỉ nên cố gắng học hỏi và làm theo những gì thầy dạy. Những gì chưa hiểu, chưa rõ, thì phải thưa trình nhờ thầy chỉ dạy. Hoặc những vị có nhiều kinh nghiệm sống lâu trong đạo hướng dẫn chỉ giúp cho mình.

Lễ nghi phép tắc đối với người xuất gia rất là quan trọng. Dù thời nào sống ở đâu, đối với những lễ nghi luật lệ trong chùa,

ta cũng phải gìn giữ nghiêm trang. Vì đó là vai trò bổn phận chính yếu của người tu. Ta không nên có ý xem thường. Bởi lễ nghi là một truyền thống văn hóa cao đẹp lâu đời của dân tộc ta. Đối với người đời họ còn coi trọng và đề cao lễ nghĩa, hà tất gì ở trong đạo, nhất là trong thiền môn, chả lẽ người tu chúng ta không bằng người đời hay sao? Tất nhiên là phải được đề cao và quý trọng lễ nghĩa hơn.

Câu hỏi

1. Tại sao làm việc gì cũng phải thưa với thầy? Điều này có khắc khe quá đáng không? Nếu không, thì tại sao?
2. Vật chung trong chùa, trong chúng mình có nên xài riêng không? Nếu chiếm hữu sử dụng riêng cho mình, thì phạm tội gì?
3. Có nên làm việc theo ý mình muốn không? Nếu làm theo ý mình thì có lỗi gì?

Đệ Nhị Thập Tam Tham Phương

Chánh Văn

Viễn hành yếu dã lương bằng. "Cổ nhơn" tâm địa vị thông, bất viễn thiên lý cầu Sư.

Phụ vân: "Niên ấu" giới thiên, vị hữu viễn hành, như hành bất đắc dĩ bất lương chi bối đồng hành. Tu vị tầm sư phỏng đạo, quyết trạch sanh tử, bất nghi quan sơn, ngoạn thủy, duy đồ du lịch quảng viễn, khoa thị ư nhơn. Sở đạo chi xứ, biệt phóng hành lý, bất đắc kính nhập "điện đường". Nhứt nhơn khán hành lý, nhứt nhơn tiên

tấn, vẩn tấn, thủ thường trụ tấn chỉ, phương khả an đốn hành lý nhập nội.

Chương 23 Đi Tham Học Phương Xa

Dịch Nghĩa

Đi xa phải nương bạn lành. Bực cổ nhọn: lòng dạ chưa tỏ, chẳng nài đường xa nghìn dặm cầu thầy.

Lời phụ: Tuổi nhỏ giới luật còn thiếu. Thầy chưa cho đi xa, như đi không nên đồng đi với bạn không lành. Phải lo tìm thầy học đạo, quyết dứt đường sanh tử, đừng có xem non ngắm biển, lẩn tránh đạo trái chỗ rộng xa, để khoe khoang với người. Đi đến chỗ nào, để hành lý ngoài ngõ, chẳng đặt mang ngay trong chùa. Một người coi đồ hành lý, một người vô trước hỏi thăm, coi phép nhà chùa lui tới thế nào rồi mình mới được đem đồ hành lý vào trong.

*Trên bước đường tâm sư học đạo
Nương bạn lành tu tạo bản thân
Dù cho nghìn dặm xa gần
Quyết không nản chí phải tâm cho ra
Điều nên nhớ tránh xa bạn ác
Gần người hiền tươi mát thân tâm
Dù cho khó nhọc khổ tâm
Minh Sư chỉ giáo mê lầm tiêu tan
Quyết tu học dứt đàng sanh tử
Kết giao tình bạn lữ với nhau
Tránh xa lời nói ngọt ngào
Mà lòng gian ác như dao cắt lòng
Đường học đạo cho thông sáng tỏ*

*Đừng dạo chơi nhìn ngó cảnh tiên
Nơi nào thấy có hữu duyên
Thầy hiền bạn tốt ta liền dừng chân
Đến nơi đâu người thân tất cả
Học hạnh đâu "buông xả" muôn duyên
Ân tình sư đệ trước tiên
Đó là "của quý" khó tìm đâu ra.*

Giải thích từ ngữ

Cổ nonh: Người xưa, những vị đã trải qua nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống và có tài năng đức hạnh cao.

Giới: Giới, tiếng Phạn gọi là Sila - Thi la. Có nghĩa là ngăn ngừa những điều sai quấy không cho phạm phải.

Luật: tiếng Phạn Vinaya, phiên âm Tỳ nại da, gồm những hiến chế, những nguyên tắc, những pháp thức, những quy luật, quy phạm để mình có thể sống hài hòa, hạnh phúc và đúng theo giáo pháp. Luật bao quát lớn hơn phạm vi của giới.

Hành lý: những đồ vật dụng cá nhân mang theo bên mình để xài. Gọi chung là hành lý.

Bằng hữu: Bạn đồng tu một đạo gọi chữ "Bằng". Bạn đồng một chí hướng gọi chữ "Hữu". Bằng hữu là những người bạn lành đồng hành tốt, giúp đỡ lẫn nhau lúc vui cũng như khi buồn; lúc hoạn nạn, cũng như lúc an ổn.

Đại ý

Tha phương cầu học cần nương thầy hiền bạn tốt giúp đỡ nâng cao trình độ mở rộng kiến thức cho ta. Đó là những bậc thiện hữu tri thức mà ta cần phải khéo biết nương tựa học hỏi.

Lược giảng

Việc tha phương cầu học là điều rất tốt cho việc cầu tiến học hỏi của ta. Tuy nhiên, khi rời xa thầy ta phải nương bạn lành. Vì bạn lành là người có nhiều đức tánh hiền thiện và thanh cao. Kinh Hoan Dụ nói: "Người bạn hiền là nền tảng muôn phước, có thể làm cho ta, hiện đời khỏi phải bị sa đọa và sau khi chết không bị rơi vào Tam đồ ác đạo". Tổ Qui Sơn nói: "Đi xa phải nương bạn lành, thường thường để nơi tai mắt mà học hỏi". Có câu: "Sanh ta ra là nhờ công ơn cha mẹ, làm nên thân ta là nhờ công ơn thầy bạn". Thầy hiền bạn tốt là điều kiện giúp cho đời ta thăng tiến trên bước đường tu tập. Thiếu điều kiện này, đời ta cũng khó mà thành công. Do đó, ta nên tìm thầy hiền bạn tốt mà nương tựa gần gũi học hỏi. Người xưa, người ta chọn bạn rất kỹ. Không phải đụng ai cũng giao du thân thiện. Khi đã gặp được bạn lành, bạn tốt, thì ta phải thật lòng quý kính. Đức tánh cao quý của người tu là ở chỗ thành thật. Thành thật chớ không phải ngu khờ. Phải biết năng động khéo léo quyền biến trong việc hành xử. Tình bạn giữ được lâu dài là ở chỗ biết tôn trọng thân thiện quý kính nhau. Thân nhau mà không hiểu nhau, tốt hơn là đừng thân. Phải có đức tánh bao dung và tha thứ thì mới giữ được tình bạn lâu dài. Người cố chấp ích kỷ hẹp hòi, chỉ biết lợi mình không thôi, không nghĩ gì đến kẻ khác, hạng người đó ta không nên giao du. Bởi giao du với họ ta chỉ chuốc thêm phiền phức cho ta mà thôi. Tốt hơn hết là nên tránh xa đối với hạng người này.

Kinh Nhơn Quả nói: Bạn lành có ba việc cần yếu:

1. Thấy mình có lỗi liền biết can cho nhau.
2. Thấy mình có việc tốt rất sanh tâm tùy hỷ.
3. Lúc mắc nạn khổ, không bỏ rời nhau.

Những lời dạy này ta cần khắc cốt ghi tâm trong khi hành xử. Lời Phật Tổ dạy không bao giờ sai lầm. Vì đó là Thánh giáo lượng làm sao sai trái cho được. Ta nên lấy đó làm mực thước trong khi giao du kết bạn.

Nếu những vị Sa di trẻ chưa có kinh nghiệm nhiều trong việc giao tiếp bạn bè, thì tốt nhất là không nên rời thầy sớm. Bởi kinh nghiệm người xưa cho biết, tâm con người rất dễ bị tiêm nhiễm theo môi trường sống. Câu nói: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng". Lời dạy này dù ở bất cứ thời đại nào cũng có giá trị. Gần đâu nhiễm đó. Nhất là đối với tuổi trẻ tâm hồn còn non nớt trong trắng dễ bị ảnh hưởng tiêm nhiễm lắm. Gần người hiền thì tâm tánh trở nên hiền hậu. Gần kẻ ác, không sớm thì muộn cũng bị nhiễm độc. Sự huân tập ảnh hưởng môi trường sống của con người thật tối ư quan trọng. Chính vì thấu hiểu được tâm lý này, nên người xưa rất kỹ lưỡng trong khi giao tiếp bạn bè. Người thời nay, vì thiếu sự cân nhắc thận trọng kỹ càng, nên dễ bị ảnh hưởng bạn xấu khi nào không hay. Thân thiện với người hiền lành thì khó, chớ gần gũi với những kẻ bất lương thì rất dễ dàng. Một khi đã bị vướng vào cạm bẫy đau khổ rồi, muốn thoát ra cũng không phải là chuyện dễ. Cổ non thường khuyến nhắc: "Đừng bao giờ gần và đùa giỡn với lửa, không khéo thì dễ bị phỏng cháy như chơi". Ấy thế mà, các bạn trẻ vẫn thích đùa giỡn với lửa, tức thích giao du với bạn ác, như thế thì thử hỏi làm sao tránh khỏi nguy hiểm? Nguy hiểm cho bản thân mình và làm đau khổ nghĩa là bị cháy lan đến những người thân xung quanh.

Tránh nhân thì không có quả. Ta phải ghi nhớ sâu đậm điều này.

Người tu chỉ có một con đường là muốn thoát khỏi con đường sanh tử khổ đau, nên mới chịu cực khổ tu hành. Muốn thế, thì ta cần phải nỗ lực trong việc tu tập hành trì. Tâm sư học đạo, cầu thiện hữu tri thức chỉ dạy điều hay lẽ phải, đúng theo đạo lý giác ngộ giải thoát là điều tối thiết yếu gấp rút cho đời tu của chúng ta. Ngày tháng trôi qua nhanh chóng khác tợ tên bay, vô thường tấn tốc, như lửa cháy đầu, phải mau ý thức gấp rút tu hành, đâu nên chần chờ luống phí thời gian một cách vô ích. Đó là những lời cảnh thức của chư Phật Tổ mà ta cần phải lưu tâm y theo đó mà tu hành chóng được an vui giải thoát vậy.

Câu hỏi

1. Tại sao đi xa phải nương bạn lành? Thế nào là bạn lành? Và người bạn lành giúp ta như thế nào?
2. Tại sao tuổi nhỏ không được đi tìm thầy học đạo? Như vậy có thiệt thời cho ta lắm không?
3. Mục đích tối hậu của người xuất gia là gì?

Đệ Nhị Thập Tứ Y Bát Danh Tướng

Chánh Văn

"Ngũ điều y" Phạm ngữ "An đà hội" thử vân: Trung túc y. Diệc vân "Hạ y". Diệc vân "Tập tác y". Phạm tự trung chấp lao phục dịch, lộ đồ xuất nhập vãng hườn, đương trước thử y. Đấp y kệ vân:

**Thiện tai giải thoát phục
Vô thượng phước điều y
Ngã kim đánh đái thọ
Thế thế bất xả ly
Án tất đà da, ta bà ha.**

**"Thất điều y", Phạm ngữ "Uất đa la tăng". Thử vân:
Thượng trước y. Diệc danh "nhập chúng y". Phạm lễ Phật
tu sám tụng kinh, tọa thiền, phó trai, thỉnh giảng, Bồ tát,
Tự tứ, đương trước thử y. Đáp y kệ vân:**

**Thiện tai giải thoát phục
Vô thượng phước điều y
Ngã kim đánh đái thọ
Thế thế thường đắc phi
Án độ ba, độ ba ta bà ha.**

**"Nhị thập ngũ điều y", Phạm ngữ "Tăng già lê", Thử vân
"Hiệp" diệc van "Trùng". Diệc vân tạp toái y. Phạm nhập
vương cung thẳng tòa thuyết pháp, tụng lạc, khát thực,
đương trước thử y. Đáp y kệ vân:**

**Thiện tai giải thoát phục
Vô thượng phước điều y
Ngã kim đánh đái thọ
Quảng độ chư quần sanh
Án, ma ha ca bà ha, tra tất đế, ta bà ha.**

Chương 24 Danh Và Tướng Của Y Bát

Dịch Nghĩa

"Y ngũ điều", theo tiếng nói cõi trời "Phạm Thiên" kêu là "An đà hội", còn tiếng nước Tàu gọi là "Trung túc y". Cũng kêu là y bực "Hạ". Cũng gọi là "Tạp tác y". Phạm trong chùa làm lụng công việc, đi đường ra vào, qua lại, phải đắp y này. Khi đắp y đọc bài kệ như vậy:

"Lành thay áo giải thoát
Y vô thượng phước điền
Ta nay đầu đội chịu
Đời đời chẳng bỏ rời"
Án tất đà da, ta bà ha (3 lần)

"Y thất điều". Theo tiếng cõi trời "Phạm Thiên" gọi là "Y uất đa la tăng". Tiếng nước Tàu gọi là "Thượng trước y". Cũng gọi là "y nhập chúng". Phạm lạy Phật, sám hối, tụng kinh, ngồi thiền, đi chúng trai, đi nghe kinh, ngày Bồ tát, ngày Tự tứ, phải mặc y này. Khi đắp y đọc bài kệ như vậy:

"Lành thay áo giải thoát
Y rộng phước không trên
Tôi nay đầu đội chịu
Đời đời hằng đặn đắp".
Án độ ba, độ ba ta bà ha (3 lần).

Y hai mươi lăm điều. Tiếng nói của trời Phạm Thiên kêu là Tăng già lê. Tàu gọi Hiệp y, cũng gọi Trùng y. Cũng kêu là Y tạp toái. Phạm vào cung vua, thăng tòa thuyết pháp, vào làng khát thực, phải mặc y này. Đắp y 25 điều đọc bài kệ như vậy:

"Lành thay áo giải thoát
Áo rộng phước không trên
Ta nay đầu đội chịu
Rộng độ các quần mê"

Án ma ha ca ba, tra tát đế, ta bà ha (3 lần)

*Người xuất gia ba y vừa đủ
Luôn bên mình dù ngủ ở đâu
Y là ruộng phước trồng sâu
Y là giải thoát dứt sâu tử sanh
Y năm điều sẵn dành chấp tác
Y bảy điều Bồ tát tụng kinh
Lễ nghi pháp sự an bình
Lạy Phật, sám hối, nghe kinh hằng ngày
Tăng già lê chẳng sai điều khoản
Hăm lăm điều xứng đáng Sa môn
Phạm hạnh cao quý đáng tôn
Luật nghi sáng rõ tiếng đồn bay xa
Noi hạnh nguyện Thích Ca giáo chủ
Rộng chơn truyền đầy đủ pháp âm
Những lời Phật dạy cao thâm
Trọn đời học hỏi nghiên tâm bền lâu*

Giải thích từ ngữ

Sám hối: Sám là tiếng Phạn, gọi là Samma; Hối là tiếng Trung Hoa, gọi là hối quá. Ghép hai chữ Sám và Hối lại, nó có nghĩa là ăn năn hối lỗi. Sám là ăn năn lỗi trước đã tạo; Hối là nguyện chừa bỏ lỗi sau và quyết không bao giờ tái phạm.

Tự tứ: Tự là mình; Tứ là mặc tình. Nghĩa là tự mình phát lồ sám hối những lỗi lầm đã gây ra trong suốt thời gian ba tháng an cư.

Bồ tát: Trung Hoa dịch là trưởng tịnh. Trưởng là nuôi lớn; tịnh là trong sạch. Nghĩa là nuôi lớn căn lành.

Đại ý

Nói về ý nghĩa ba y của một vị Tỳ kheo. Một Sa di khi thọ đại giới thì phải hội đủ ba y: Ngũ điều y, Thất điều y và Cửu điều y. Mỗi chiếc y khi đắp vào đều có bài kệ và người đắp y phải học thuộc lòng những bài kệ này. Đó là những chiếc y giải thoát vậy.

Lược giảng

Người xuất gia bên chư Tăng, khi thọ Cụ túc giới, hay Đại giới (gồm có 250 giới) và ba chiếc y: Ngũ điều y, Thất điều y và Cửu điều y. Nói "Điều" là vì người ta cắt rọc từng miếng may ráp lại, từng ô giống như những thửa ruộng. Cho nên mới gọi là Phước điền y. Theo truyền thuyết, một hôm đức Phật cùng với các môn đệ đứng trên núi Linh Thứu ngắm nhìn cảnh sinh hoạt của nông dân và những cánh đồng mênh mông dưới chân núi. Ngài thấy những thửa ruộng được chia thành từng luống cách ly với nhau, vừa để phân biệt quyền sở hữu của mỗi người đồng thời để canh tác, nhất là trong việc giữ nước. Từ hình ảnh này đức Phật liên tưởng đến các thầy Tỳ kheo. Đức Phật nghĩ rằng, các thầy Tỳ kheo như những ruộng phước để chúng sanh gieo trồng hạt giống Bồ đề; nếu các thầy tu tập giới đức thanh tịnh trang nghiêm, thì bản thân các thầy như mảnh ruộng tốt làm cho chúng sanh gieo giống được mùa. Bằng ngược lại, các thầy là mảnh đất cằn cỗi không đem lại nguồn sống tốt cho mọi người. Vì vậy, chiếc y của thầy Tỳ kheo, dù là y bá nạp hay cát may đều phải thành từng ô vuông nhỏ kết lại mà không được mặc vải liền. Ý nghĩa y Phước điền được xuất xứ từ ngày ấy.

Y ngũ điều, tiếng Phạn gọi là An đà hội, Trung Hoa gọi là Trung túc y. Cũng gọi là y bậc hạ, cũng gọi là Tạp tác y. Vì y

này mặc sát trong thân và làm mọi công việc ở trong chùa. Thường các thầy Tỳ kheo ít thấy đắp y này. Vì khi làm việc mà đắp y này vào thì không được gọn gàng cho lắm. Tuy nhiên, cũng có nơi khi làm việc thường đắp y này. Trường hợp như chư Tăng, Ni ở trong tu viện của cố Hòa thượng Tuyên Hóa, ta thấy những vị thọ đại giới đắp y này làm việc. Ngoài ra, chúng tôi chưa thấy ở nơi nào khác.

Mỗi khi đắp y này đều đọc thâm bài kệ như trên đã nêu. Chiếc y như là một lá bùa hộ mạng, luôn luôn phải ở bên mình không được rời ra. Nên nói y bất ly thân là thế. Ngoài chiếc y ngũ điều ra, còn có y thất điều và y cửu điều. Y thất điều, tiếng Phạn gọi là Uất đa la tăng, Trung Hoa gọi là Thượng trước y. Thượng trước y có nghĩa là thường mặc chiếc y này. Y này còn gọi là y nhập chúng. Nghĩa là khi vào trong chúng tăng đắp mặc vậy. Chiếc y thất điều này phải nói rất là thông dụng. Phạm lạy Phật, sám hối, tụng kinh, ngồi thiền, đi chứng trai, đi nghe kinh, ngày Bố tát, ngày Tụ tứ v.v... tất cả đều mặc y này.

Bài kệ khi đắp y này, so với bài kệ đắp y ngũ điều ta thấy ba câu đầu giống nhau, chỉ có câu thứ tư thì hơi khác một chút. Câu thứ tư của y ngũ điều là: "Thế thế bất xả ly" (đời đời chẳng bỏ rời). Còn câu thứ tư của y thất điều này là: "Thế thế thường đắc phi" (đời đời hằng đặng đắp) Lời tuy có khác đôi chút, nhưng ý nghĩa thì giống nhau.

Y cửu điều, tiếng Phạn gọi là Tăng già lê, tiếng Trung Hoa gọi là Hiệp y, cũng gọi là Trùng y. Nói Hiệp y là vì y này cắt rọc từng miếng, rồi hợp lại may thành cái y. Còn nói Trùng y, vì y này may chồng nhiều lớp. Y này còn có tên khác gọi là Y tạp toái. Nói y tạp toái là bởi vì y này số điều của nó nhiều lắm.

Công dụng của y này thường đắp mặc vào những lúc như vào cung vua (thời xưa) thời nay như vào trong phủ tổng thống chẳng hạn, thăng tòa thuyết pháp, vào làng khát thực. Y này có 9 bực: Bực hạ có 3; bực trung có 3 và bực thượng có 3.

Bực hạ có ba:

- a. Y 9 điều.
- b. Y 11 điều.
- c. Y 13 điều.

Hai miếng dài một miếng vắn.

Bực trung có ba:

- a. Y 15 điều
- b. Y 17 điều.
- c. Y 19 điều.

Ba miếng dài một miếng vắn.

Bực thượng có ba:

- a. Y 21 điều.
- b. Y 23 điều.
- c. Y 25 điều

Bốn miếng dài một miếng vắn.

Bài kê đắp y này 3 câu đầu cũng giống như 2 bài kê trước, chỉ có câu thứ 4 có khác: "Quảng độ chư quần mê". Các chúng sanh chưa tỏ ngộ đạo lý giải thoát gọi chung là quần mê. Ba y này là pháp phục của Tỳ kheo, lẽ ra thì Sa di không nên biết. Tuy nhiên, vì muốn cho Sa di trước biết danh tướng tuyệt diệu siêu thoát của 3 y, nên mới ghi chép vào phần này, chớ không phải là để cho Sa di đắp mặc. Sa di chỉ được đắp y mạn điều (chỉ có 2 điều xuống) tuyệt đối không được đắp mặc chiếc y nào khác.

Trong Giới Đàn Kinh có nói về ý nghĩa khi đắp ba y:

1. Mặc "y ngũ điều" dứt tâm tham của thân nghiệp.
2. Mặc "y thất điều", dứt tâm sân của khẩu nghiệp.
3. Mặc "đại y" dứt tâm si của ý nghiệp.

Tóm lại, khi mặc vào những chiếc y này ta nên nhớ: Đời sống phải đạm bạc đơn giản, nhớ đến công lao của những người cày cấy và những người dệt vải, làm ruộng tốt cho chúng sanh gieo giống phước điền và gây cho họ phát khởi tín tâm, Bồ đề tâm, xả ly triền phược. Sau cùng là phải hằng tỉnh thức luôn sống trong chánh niệm, giác ngộ và giải thoát.

Câu hỏi

1. Hãy cho biết ý nghĩa đại khái của ba y? và công dụng của ba y như thế nào?
2. Tại sao Sa di chỉ biết qua mà không được đắp mặc ba y?
3. Sự khác biệt giữa ba bài kệ đắp y như thế nào? Hãy so sánh và dẫn chứng cho biết.

Danh Và Tướng Của Y Bát (*Tương Tục*)

Chánh Văn

"Bát", Phạm ngữ "Bát đa la". Thử vận "Ứng lượng khí". Vị "Thễ, "Sắc, Lượng" tam giai ứng pháp cố. Thễ, dụng ngỏa, thiết, nhị vật. Sắc, dĩ dược yên huân tri. "Thiết bát" dụng hạnh tử, ma tử, đạo dục, đẳng, huân tắc hắc sắc, cấp sắc, hoặc khổng tước yết sắc. Lượng tắc phân thượng, trung, hạ.

Cụ Phạm ngữ Ni sư đàn thử vân Tọa cụ, diệc vân: Tùy túc y khai cụ kệ vân:

**Tọa cụ Ni sư đàn
Trưởng dưỡng tâm miêu tánh
Triển khai đấng Thánh địa
Phụng trì Như Lai mạng
Án đàn ha, đàn ba, ta bà ha**

Danh Và Tướng Của Y Bát (tiếp theo)

Dịch Nghĩa

Bát: cái bát đây, tiếng Phạn gọi là Bát đa la. Tiếng Tàu gọi là Ứng lượng khí. Nghĩa là cái "Thể" cái "Sắc", cái "Lượng", ba cái đều đúng như pháp. Thể, dùng hai món sành và thiết. Sắc, lấy các thứ thuốc đốt lên khói rồi xông làm hoại sắc. Bát bằng thiết, thì lấy hột hạnh non, hột mè với cám nếp v.v... xông làm màu sắc đen xám, như sắc con chim bồ câu, hoặc sắc giống như cổ con chim khổng tước. Lượng, có phân ra thượng, trung và hạ.

Cụ: cái cụ tiếng Phạn gọi là "Ni sư đàn", Tàu gọi "Tọa cụ" cũng gọi "Tùy túc y". Khi trải cụ ra ngồi, đọc bài kệ như vậy:

"Cái tọa cụ gọi "Ni sư đàn"
Nuôi lớn lòng tánh tốt
Mở mang lên cõi thánh
Vâng giữ mạng Như Lai".
Án đàn ba, đàn ba ta bà ha (3lần)

*Hạnh khát sĩ xin ăn bằng bát
Đi từng nhà giải thoát an nhàn*

*Rày đây mai đó lang thang
Phương trời cao rộng chẳng màn lợi danh
Nuôi chí lớn trời xanh vươn tới
Bước chân đi thơ thới thân tâm
Chân trời góc biển xa xăm
Nơi nào "hạnh phúc" chẳng tâm đâu xa
Người tu Phật phá tà hiển chánh
Nơi tám gương Hiền Thánh chơn tu
Ba y bình bát vân du
Chùa cao Phật lớn ao tù khổ tâm
Bồ tát đạo thâm thâm công đức
Vì chúng sinh đoạn dứt vô minh
Độ đời cứu vớt sinh linh
Con đường "Bi Trí" an bình thế gian.*

Giải thích từ ngữ

Bát: Nói đủ là Bát đa la, Trung Hoa dịch là Ứng lượng khí. Công dụng của cái bát là để đựng thức ăn. Đức Phật và Tăng đoàn thời xưa cũng như các Tăng đoàn thời nay theo hệ phái Phật giáo Nam tông đều mang bát đi xin ăn, gọi chung là khát sĩ. Phật giáo Bắc tông thì ít khi sử dụng cái bát, vì không có đi khát thực như Phật giáo Nam tông.

Ứng lượng khí: Chử ứng là ứng hợp; chử lượng là lường tức là sức dung chứa, khí là đồ vật. Nghĩa là tùy theo sức tiêu thụ của mỗi người mà hình thể và dung lượng sức chứa của mỗi cái bát lớn nhỏ khác nhau. Nói cụ thể rõ hơn là tùy theo cái bao tử của mỗi người mà kích cỡ của mỗi cái bát lớn nhỏ không đồng.

Ni sư đàn: Tiếng Phạn gọi là Ni sư đàn, Trung Hoa gọi là Tọa cụ. Tọa cụ là dùng một miếng vải dài thường mang theo bên

mình để lót ngồi hoặc nằm. Cho nên còn gọi là Tùy túc y. Vì nó rất tiện cho việc mang theo như để hộ thân trong lúc nằm ngồi nên Phật mới chế ra vậy.

Đại ý

Nói về thể, sắc và lượng cũng như công dụng của cái bát trong khi đi trì bình khát thực và cái tọa cụ mang theo bên mình dùng nó rất tiện lợi trong lúc ngồi hoặc nằm.

Lược giảng

Cái bát rất thông dụng trong thời đức Phật và Tăng đoàn còn tại thế. Về màu sắc, hình thể và dung lượng của mỗi cái bát có khác nhau. Sở dĩ có khác nhau là tùy theo nhu cầu tiêu thụ và sở thích của mỗi người. Nếu người nào có sức tiêu thụ mạnh thì dung lượng của cái bát rộng lớn hơn. Ngược lại, thì hình thể và dung lượng của cái bát đương nhiên là nhỏ hơn. Tuy nhiên, dù lớn hay nhỏ cũng là đồ để chứa đựng những thực phẩm trong khi đi xin ăn. Việc đi xin ăn đối với thời Phật cũng như hiện nay ở các nước Phật giáo Nguyên Thủy (Nam tông), phải nói rất là đơn giản cực kỳ tiện lợi và giải thoát. Không như Phật giáo Phát triển (Bắc tông), đều phải lo nấu nướng thức ăn ở trong chùa. Tuy nhiên, dù Phật giáo Bắc tông không có mang bình bát đi xin ăn từng nhà, nhưng cũng là người khát sĩ xin thức ăn tại chỗ. Nghĩa là các Đàn na thí chủ mang thức ăn tới cúng dường. Người xuất gia thường thọ dụng "Tứ sự" cúng dường do Đàn na thí chủ dâng cúng. Tứ sự cúng dường gồm có: y phục (vải sô quần áo), ẩm thực (thức ăn, thức uống) ngọa cụ (dụng cụ để nằm như giường, chiếu v.v...) thang dược (thuốc thang). Như vậy, tất cả cũng là người xin ăn. Đã thế, thì đâu có gì phải kiêu hãnh với mọi người.

Chính vì xin ăn tại chỗ, nên mới bày ra việc nấu bếp. Có nơi, chư Tăng, Ni đích thân làm bếp. Nhất là ở các Tu viện hay Thiền viện. Điều này, nếu nhìn ở một góc cạnh nào đó, tất nhiên sẽ không làm sao tránh khỏi sự bận rộn mất nhiều thời giờ trong việc tu học. Tuy nhiên, nếu người khéo biết tu thì cũng không có gì làm mất thời giờ. Luận ở đời, chắc không ai bận rộn hơn một ông vua, thế mà ngày xưa vua Trần Thái Tông là một ông vua cư sĩ ngồi ở ngai vàng trị nước an dân mà ngài vẫn tu được. Chẳng những tu được thôi mà ngài còn chứng đắc lý "Thiền" nữa. Đó mới là tu hay. Tu trong mọi thời gian, nơi chốn và bận rộn. Mỗi ngày, ngài dành thời gian ngồi thiền sáu thời một ngày. Ngài có để lại cho đời một tác phẩm "Khóa Hư Lục" nổi tiếng trong nhà thiền. Thế là ai dám cho rằng làm việc tu không được. Chẳng qua mình để tâm chạy theo duyên, theo cảnh nên không tu được đó thôi. Xin đừng đổ thừa cho cảnh duyên bên ngoài. Người biết tu không luận thời gian rảnh hay không rảnh. Bất cứ làm gì, ở đâu và đi đâu cũng đều tu được cả. Chỉ cần đối cảnh "vô tâm", thì nơi nào cũng là Thiền cả. Thế thì còn hỏi thiền, học thiền làm gì nữa. Chữ tu nói ở đây, không có nghĩa là sửa đổi theo ý nghĩa thông thường, mà nó có nghĩa là giữ chánh niệm trong mỗi phút giây hành động. Phải hằng giữ chánh niệm những gì đang xảy ra ngay trong giây phút hiện tại. Như vậy đối với các vị này, tuy họ làm bếp nhưng cũng vẫn tu được, đâu có gì trở ngại. Nói làm bếp chỉ là đơn cử một việc trong thiền môn đó thôi. Ngoài ra, còn rất nhiều công việc khác nữa.

Ngược lại, đối với những phật tử, dù xuất gia hay tại gia chưa biết ứng dụng tu thì có khác. Nhất là đối với các phật tử tại gia. Phải thành thật mà nói, đại đa số các chùa hiện nay khu nhà bếp phần nhiều đều do quý cô phật tử tại gia phụ trách. Họ là những người phát tâm đến chùa làm công quả giúp cho

chùa. Việc tu học đối với họ dường như họ không mấy quan tâm cho lắm. Họ chỉ biết làm công quả nấu bếp phục vụ cho Tăng, Ni và mọi người là họ cảm thấy mãn nguyện vui lắm rồi! Họ làm công quả để kiếm chút ít phước đức thế thôi! Thật ra, không ai phủ nhận tấm lòng tốt của họ. Có người họ phục vụ một cách chân thành tận tâm lực. Tuy nhiên, không phải ai cũng được như thế. Chính vì chỉ biết một bề làm công quả, không quan tâm đến việc tu học, dù có những khóa tu học mở ra ở trong chùa, nhưng họ cũng vẫn quyết không tham dự. Do thiếu hiểu biết về đường lối tu tập, nên có những phật tử gây ra cái "khẩu nghiệp" không tốt. Có người họ làm bằng cái tâm sân si, ganh tỵ, tật đố, tỵ hiềm... nên mới có gây ra sự hơn thua tranh chấp cãi vã bực tức hờn giận nhau. Từ đó, nên mới xảy ra việc bất hòa và tệ hơn nữa, họ lại chia thành bè đảng phe nhóm. Đã có phe nhóm đương nhiên là có sự chống đối công kích lẫn nhau. Thay vì đoàn kết, hòa hợp, yêu thương, cảm thông trong tình huynh đệ, thì họ lại cố tình gây nên hận thù và ly gián chia rẽ nhau. Làm cho chư Tăng, Ni trong chùa phải đứng ra giải hòa dàn xếp có khi nhưc đầu mà cũng không giải quyết được. Vì ai cũng giành lý lẽ bảo thủ cố chấp phần phải về mình. Tình trạng này không riêng gì chùa nào, hầu như ít nhiều gì các chùa đều gặp phải.

Ngoài ra, nhà bếp còn là nơi lắm lời nhiều chuyện, bàn ra tán vô chuyện thiên hạ sự. Trong lúc làm việc, thay vì mỗi người nên nhiếp tâm gìn giữ chánh niệm, thì họ lại tán hươ, tán vượn, hết chuyện người này, đến chuyện người khác. Toàn là những chuyện thị phi bù khú vô ích ở thế gian. Thậm chí, có người còn nói rằng, ai muốn biết tin tức hay dở, tốt xấu gì của cộng đồng xã hội thì cứ việc đi vào trong nhà bếp của các chùa là sẽ biết ngay. Vì ở đó có nhiều thông tin lắm. Toàn là những tin xấu chớ ít khi có tin tốt.

Tệ hơn nữa, có những phật tử đến chùa lần đầu tiên, họ vào nhà bếp, chứng kiến cái cảnh cãi cọ rầy rà, hơn thua tranh chấp phải trái với nhau và nhất là bàn tán chuyện thị phi khen chê người này, người nọ, từ đó về sau họ không dám bén mảng lui tới chùa và nhất là ở khu nhà bếp. Thay vì đi chùa làm công quả cho có phước, nhưng phước đâu không thấy mà thấy toàn là tội lỗi. Làm cho người ta mất tín tâm đi chùa thì mình có tội lớn lắm. Khi chứng kiến như thế, đến đâu họ cũng rêu rao bêu xấu chung làm ảnh hưởng cho chùa không ít. Một con sâu làm sâu nòi canh là thế.

Nói lên điều này thật quá đau lòng! nhưng đó lại là một sự thật. Chúng ta không thể che giấu đôi mắt tinh xảo thiên hạ được. Chúng tôi đề nghị, chư Tăng, Ni trong các chùa nên khuyến khích nhắc nhở các phật tử công quả ở nhà bếp nên sắp xếp công việc để có thời gian tu học và nghe pháp. Đến chùa mà không chịu tu học, thì đó là một thiệt thòi cho người phật tử rất lớn. Vẫn biết mỗi người có một biệt nghiệp và căn cơ trình độ khác nhau. Nhưng dù căn cơ trình độ nào đến chùa mà không chịu tu học, thì đó chưa phải là người phật tử chơn chánh biết đi chùa. Mục đích chính của người phật tử đi chùa là cốt để tu học, chớ không phải chỉ biết lo làm công quả không thôi. Có người cho rằng, người phật tử đến chùa làm công quả là họ đã tu rồi. Quan niệm đó thật là phiến diện. Người nói như thế, bản thân họ cũng chưa hiểu rõ chữ tu là gì. Nếu bảo làm công quả là tu, thì tại sao lại có những chuyện cãi vã rầy rà tranh chấp giận hờn trách móc ganh ghét lẫn nhau? Nói rõ ra, tu phước còn chưa có, có đâu tu huệ. Nếu thật sự tu phước, thì khi làm, họ không có những ý niệm ăn thua và ganh ghét giận hờn trách móc với nhau. Như thế thì làm sao có phước? Tu là sửa là dẹp trừ bớt những tập khí phiền não không tốt. Nhất là ba thứ độc tố: "**Tham, Sân, Si**". Ngày nào còn nuôi dưỡng ba thứ độc tố nguy hiểm này, thì

ngày đó chúng ta vẫn không bao giờ có được an ổn tốt đẹp trong cuộc sống.

Mong sao mỗi người nên tự quán chiếu lại bản thân mình để cố gắng tu tập ở nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý cho thanh tịnh. Công quả giúp chùa là tốt, nhưng đừng coi đó là việc tu của mình. Đó là một quan niệm sai lầm cần phải chỉnh đốn lại. Nếu công quả mà giữ gìn ba nghiệp nữa thì thật là quá tốt. Đó mới được lợi ích cho mình và người một cách thiết thực vậy. Chúng ta nên biến nhà bếp thành một đạo tràng. Mỗi người làm trong chánh niệm, chỉ nói những điều cần thiết ái ngữ trong tinh thần yêu thương xây dựng, chỉ bảo nhắc nhở cho nhau trong ôn hòa, từ tốn, như vậy thì nhà bếp cũng là đạo tràng thanh tịnh rồi. Thế thì còn tìm kiếm đạo tràng ở đâu nữa. Tâm yên tịnh, thì nơi nào mà không phải là đạo tràng. Được như vậy, thì hay biết mấy. Không những lợi ích cho mình mà còn đem lại sự lợi lạc cho mọi người một cách thiết thực vậy. Mong lắm thay!

Ta nên y theo bài kệ Phật dạy này để hành trì:

*Thiện hộ u khẩu ngôn
Tự tịnh kỳ chi ý
Thân mạc tức chư ác
Thử tam nghiệp đạo tịnh
Năng đắc như thị hành
Thị đại tiên nhân đạo*

"Nghĩa là khéo léo mà giữ miệng lưỡi lời tiếng, tự mình làm sạch tâm trí của mình và thân thể nữa cũng đừng làm ác, đó là đường sạch của ba nghiệp, khả năng đạt được đường sạch như vậy, chính là đường đi của bậc đại tiên. Hay nói một cách ngắn gọn là: Khéo giữ gìn thân miệng, ý; đừng nghĩ bậy,

đừng nói bậy, đừng làm bậy. Đó là giới kinh của đức Thế Tôn" (lời dịch của cố HT Thích Thiện Siêu)

Đồng với ý nghĩa này, ở một bài kệ khác đức Phật cũng dạy:

*"Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo"*

Nghĩa là các điều ác chớ làm, vâng làm các điều lành, giữ tâm ý mình cho trong sạch, đó là lời chư Phật dạy. Bài kệ này không riêng gì đức Phật Thích Ca dạy, mà tất cả chư Phật cũng đều dạy như thế. Vì nó rất là quan trọng cho người tu hành.

Qua hai bài kệ ngắn gọn Phật dạy trên, có thể nói tóm tắt tất cả những yếu lý Phật dạy trong các kinh điển. Bởi tất cả không ngoài gìn giữ ở nơi ba nghiệp cho trong sạch. "Ba nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương". Như vậy sự tu hành của chúng ta chỉ cần mỗi người khéo gìn giữ ở nơi ba nghiệp: "Thân, Ngữ, Ý" cho trong sạch thì chúng ta sẽ trở thành một bậc thánh nhân nho nhỏ rồi.

Trên có nói đến tọa cụ hay tùy túc y là vật để mang theo khi cần lót ngồi hoặc nằm. Đây là vật dụng rất cần thiết trong khi đi khất thực. Điều này thời Phật thì rất cần đến, nhưng không biết các Sư Nam tông còn dùng đến hay không. Thú thật, tôi chưa từng thấy nên không biết có hay không. Riêng về Phật giáo Bắc tông, vì không có du phương khất thực nên việc sử dụng tọa cụ này chắc cũng không có ai mang theo. Đúng luật Phật chế đều phải có, nhất là trong khi thọ giới Tỳ kheo. Giới

Tỳ kheo cũng chính là giới khất sĩ. Cho nên các thầy Sa di khi thọ giới Cụ túc đều phải sắm sẵn cái tọa cụ này.

Câu hỏi

1. Khất sĩ là gì? Đời sống của một vị khất sĩ ra sao?
2. Ý nghĩa của cái bình bát như thế nào? Và ai là người thường sử dụng cái bình bát này?
3. Hãy cho biết ý nghĩa và công dụng của cái tọa cụ như thế nào?

Lời Tâm Tình Cuối Sách

Trong đạo Phật, đức Phật đã quy định rõ về đệ tử của Ngài chia làm hai giới: Tại gia và xuất gia. Phật tử tại gia là một bộ phận rộng lớn. Phật tử xuất gia chỉ là một bộ phận nhỏ hẹp. Vì số người xuất gia so với người tại gia thì rất ít. Trước khi trở thành người xuất gia thì cũng là người tại gia. Mục đích của người xuất gia nhắm tới là giác ngộ và giải thoát. Xét về trong giới xuất gia thì có chia ra làm năm hạng: Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na, Tỳ kheo tăng và Tỳ kheo ni. Trong năm hạng xuất gia này, thì Sa di thập giới là bước đầu, là nền tảng chính yếu của xuất gia. Từ đó mới tiến lên thọ Tỳ kheo giới. Bên Ni thì còn phải trải qua giai đoạn Thức xoa ma na là thời kỳ học giới trước khi tấn đàn thọ Tỳ kheo giới. Thời gian quy định là hai năm. Việc quy định này, ngoài vấn đề học giới ra, còn phải đề phòng đến vấn đề có thai. Bởi sợ rằng khi xuất gia người phụ nữ đó đã có mang thai khi họ còn ở ngoài đời. Do đó, nên cần phải trải qua thời gian hai năm thọ Thức xoa ma

na rồi sau đó mới được thọ giới Cụ túc. Nếu như người nữ đó không có gì trở ngại.

Tại sao phải xuất gia? Vì chỉ có xuất gia mới có thể tu đạt thành Phật quả. Đó là con đường duy nhất để giải thoát sanh tử khổ đau. Ngoài con đường này ra, không còn có con đường nào khác. Ba đời chư Phật, không có vị Phật nào mà không có xuất gia. Không có vị Phật nào mang hình thức của người cư sĩ tại gia mà tu hành thành Phật cả. Ngoài trừ những vị đại Bồ tát bên ngoài mang hình thức cư sĩ, nhưng trong tâm thì đã đoạn trừ lậu hoặc vô minh phiền não. Đó là một yếu lý quan trọng mà ta cần phải biết. Hạnh nguyện của người xuất gia là một chí nguyện cao cả tuyệt vời; một hạnh nguyện rộng lớn cao thượng không phải tầm thường. Đó là chí nguyện "Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh". Xét về tính chất xuất gia, Phật giáo phân làm ba loại:

1. Thân tâm đều xuất gia: Thân thì rời khỏi nhà thế tục cạo tóc thọ giới ở chùa hoặc ở nơi thâm sơn rừng núi. Trong tâm thì không còn luyến ái đắm nhiễm ngũ dục lạc ở thế gian. Vượt ngoài vòng danh lợi, chỉ một lòng quyết chí cầu đạo giải thoát. Đây là hạng người chân thật xuất gia.

2. Thân xuất gia, tâm chẳng xuất gia: Có người thân tuy xuất gia, nhưng tâm thì vẫn còn nhiễm trước cảnh dục lạc thế gian. Đối với mọi thứ tình cảm thân thuộc cũng như vật chất, họ chưa có thể dứt khoát. Vì vậy mà trong lòng vẫn còn có những thứ phiền não trói buộc bất an.

3. Tâm xuất gia, thân chẳng xuất gia: Đây là hạng người không phải tầm thường, phải là hàng Bồ tát đã chứng Thánh vị, mới có thể hiện thân như người phàm tục có gia đình vợ con, nhưng trong tâm thì đã dứt trừ phiền não ái dục. Hạng

người này phải nói là hạng người xuất cách như các Ngài: Duy Ma Cật, Hiền Hộ và đời Trần ở Việt Nam thì có ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ v.v... Các Ngài đã vượt ra ngoài phép tắc hình thức thông thường của người xuất gia. Đối với những vị này, nếu ta chỉ biết đánh giá trên hình thức bề ngoài không thôi thì đó là một sai lầm rất lớn.

Về giới luật và oai nghi của Sa di có nhiều sách đề cập đến. Trong Đại Chánh Tạng có nêu ra năm bộ:

1. Sa Di Thập Giới Tinh Oai Nghi (1 quyển)
2. Sa Di Oai Nghi (1 quyển)
3. Kinh Phật Thuyết Sa Di Thập Giới Nghi Tắc (1 quyển)
4. Sa Di Ni Giới Kinh (1 quyển)
5. Sa Di Ni Ly Giới Văn (1 quyển)

Qua năm bộ sách này, theo các bậc Cổ Đức cho rằng, trước sau trùng lặp không có cương lĩnh thống nhất, người sơ học rất khó nắm được đầu mối, vì thế cuối đời nhà Minh có Đại sư Liên Trì chỉnh lý và biên tập thành một quyển Sa Di Luật Nghi Yếu Lược, về sau lại có ngài Hoằng Tấn làm chú thích thêm. Quyển sách này đã được cô Hòa thượng Thượng Hành Hạ Trụ phiên dịch ra Việt văn với danh đề chung là Sa Di Luật Giải, trong đó gồm có ba bộ:

- * *Thiên Sa Di Yếu Lược*
- * *Thiên Oai Nghi Tăng Chú*
- * *Qui Sơn Cảnh Sách*

Chúng tôi y cứ vào hai quyển: Thiên Sa Di Yếu Lược Và Thiên Oai Nghi Tăng Chú mà biên soạn ngắn gọn lại. Như trong Lời Đầu Sách chúng tôi đã có thưa qua: Về phần Chánh Văn và Dịch Nghĩa thì chúng tôi vẫn giữ nguyên hai phần này

do cố HT Hành Trụ đã làm. Chúng tôi chỉ thêm vào phần văn vần (theo thể thơ song thất lục bát), Giải thích từ ngữ, Đại ý và Lược giảng.

Điều chúng tôi muốn thưa ở đây là sau mỗi bài đều có ba câu hỏi. Những câu hỏi này, chúng tôi muốn cho các vị Sa di tìm hiểu rồi tự trả lời. Việc làm này, cũng nhằm mục đích để cho mỗi người ôn nhớ lại những gì đã đọc qua. Thiết nghĩ, đó cũng là điều rất hữu ích cho việc học tập. Đồng thời cũng có thể giúp cho những vị nào có đủ nhân duyên hướng dẫn các học viên đỡ khỏi phải mất thời giờ ra câu hỏi. Có thể nói, quyển sách nhỏ bé này, chúng tôi biên soạn theo hình thức của sách giáo khoa. Tâm ý của chúng tôi là muốn cho người học dễ học, dễ nhớ. Vì thế, nên chắc chắn là không thể nào đầy đủ trọn vẹn ý nghĩa hết được.

Lời sau cùng của chúng tôi là không mong gì hơn chỉ ước mong được đóng góp một phần nhỏ bé vào trong công cuộc tiếp tay xây dựng ngôi nhà Phật pháp ở xứ người. Quyển sách này nếu nó được may mắn, nằm trong tay của quý độc giả thân thương, nhất là đối với những vị đã đủ duyên lành phát nguyện thọ giới Sa di, dù tạm thời hay trọn đời, thì âu đó cũng là một niềm an ủi khích lệ lớn lao cho chúng tôi rồi.

Chúng tôi xin thành tâm nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ cho toàn thể quý ân nhân cùng quý độc giả Phật tử vạn sự an lành, sở cầu như ý, tùy tâm mãn nguyện.

Trân kính

Tỳ kheo Thích Phước Thái

<https://quangduc.com/author/about/8502/thich-phuoc-thai>

